

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ CÁC CHUYÊN GIA
ĐỐI VỚI DỰ THẢO THUYẾT MINH TỔNG HỢP QUY HOẠCH TỈNH KON TUM THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
I	BỘ NGÀNH	
1	Bộ Kế hoạch và đầu tư (Văn bản số 3936/BKHVĐT-QLQH ngày 25 tháng 5 năm 2023)	
1.1	<i>Về sự phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kon Tum</i>	
a,	Sự phù hợp về tên, thời kỳ, phạm vi ranh giới quy hoạch	
	Quy hoạch tỉnh Kon Tum cơ bản phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kon Tum đã được phê duyệt.	QHT xin cảm ơn nhận xét đánh giá của quý Bộ
b,	Sự phù hợp với yêu cầu về nội dung quy hoạch tại Nhiệm vụ lập quy hoạch	
	Mục tiêu lập quy hoạch: Đề nghị rà soát để đảm bảo đáp ứng các mục tiêu được xác định tại Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kon Tum đã được phê duyệt.	QHT đã rà soát hồ sơ, đảm bảo phù hợp với Nhiệm vụ được phê duyệt
	Nội dung quy hoạch cơ bản đáp ứng yêu cầu đã được xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung một số nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP (cụ thể tại mục 4 phần này).	QHT đã rà soát, chỉnh sửa hồ sơ, đảm bảo tuân thủ duy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch, Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP và Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/08/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 37/2019/NĐ-CP
1.2	<i>Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch</i>	
	Tờ trình số 18/TTr-SKHĐT ngày 08/3/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum (Tờ trình số 18/TTr-SKHĐT) và hồ sơ trình thẩm định gửi kèm theo không thể hiện quá trình triển khai lập quy hoạch tỉnh; do vậy, không đủ cơ sở để thẩm định sự tuân thủ quy trình lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 4 Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật Quy hoạch và nội dung Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.	QHT xin tiếp thu., bổ sung quá trình triển khai lập quy hoạch tỉnh
1.3	<i>Việc tích hợp các nội dung quy hoạch</i>	
	Quy hoạch tỉnh Kon Tum về cơ bản đã xem xét đến tính hợp lý, logic giữa các nội dung đề xuất, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện. Tuy nhiên, cần rà soát, bổ sung để làm rõ hơn tính liên kết giữa các ngành, lĩnh vực; phương án tổ chức không gian phát triển của một số ngành, lĩnh vực chưa đảm bảo được sự thống nhất, đồng bộ, đề nghị phân tích làm rõ hơn nội dung tính liên kết trong định hướng và bố trí không gian phát triển của các ngành, lĩnh vực.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Để đảm bảo sự tích hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về quy hoạch thì việc sử dụng chung dữ liệu về điều tra hiện trạng, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng liên kết vùng; phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển và việc thống nhất các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển ngành, lãnh thổ trong quá trình lập quy hoạch là cần thiết; đề nghị rà soát các số liệu, dữ liệu trong Báo cáo Quy hoạch để đảm bảo sự thống nhất và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, dữ liệu được sử dụng.	QHT đã rà soát, thống nhất số liệu, dữ liệu trong báo cáo
1.4	<i>Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật Quy hoạch</i>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Nội dung Quy hoạch tỉnh Kon Tum đã nêu rõ quan điểm, định hướng phát triển và mục tiêu của tỉnh thời kỳ 2021-2030 cũng như tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch có sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường; đề ra các khâu đột phá để phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Nội dung quy hoạch tỉnh cơ bản đã bám sát nội dung Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Quy hoạch tổng thể quốc gia. Tuy nhiên, cần rà soát, chỉnh sửa một số nội dung như sau:	
1.4.1	<i>Bố cục của Báo cáo quy hoạch</i>	
	Đề nghị rà soát, điều chỉnh bổ sung một số nội dung đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.	Hồ sơ dự thảo Quy hoạch tỉnh được lập đã đảm bảo tuân thủ theo quy định tại điều 27 Luật Quy hoạch, điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/08/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 37/2019/NĐ-CP
1.4.2	<i>Phân mở đầu</i>	
	- Về căn cứ lập quy hoạch: Đề nghị nghiên cứu sắp xếp lại các căn cứ lập quy hoạch phù hợp quy định Điều 20 Luật Quy hoạch và việc phân loại các văn bản phù hợp với Luật số 23/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 (văn bản hợp nhất của VPQH) về việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về các văn bản hành chính Nhà nước; bổ sung các yêu cầu chính về nội dung lập QH, đề nghị rà soát bổ sung các văn bản liên quan, hủy bỏ các văn bản đã hết hiệu lực.	QHT xin được tiếp thu và đã sắp xếp lại các căn cứ lập quy hoạch phù hợp quy định
	- Về mục tiêu, nguyên tắc và quan điểm lập quy hoạch:	
	+ Đề nghị tiếp tục rà soát nội dung có liên quan, tiến hành chỉnh sửa, sắp xếp thứ tự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ¹ ; đảm bảo phù hợp, thống nhất với các nội dung đã được xác định tại Quyết định số 510/QĐ-TTg, Nghị quyết số 23-NQ/TW và Nghị quyết số 152/NQ-CP.	QHT xin được tiếp thu và đã rà soát nội dung có liên quan, tiến hành chỉnh sửa, sắp xếp thứ tự theo quy định tại phần II. Các căn cứ lập quy hoạch
	+ Về phạm vi ranh giới lập quy hoạch, theo Quyết định 510/QĐ-TTg, phạm vi ranh giới lập quy hoạch là 9.690,5km ² ; tuy nhiên, tại Báo cáo, phạm vi ranh giới lập quy hoạch là 9.677,3 km ² ; đề nghị rà soát, hiệu chỉnh để đảm bảo sự phù hợp.	Về phạm vi lập quy hoạch diện tích tự nhiên của tỉnh Kon Tum được xác định theo Thống kê đất đai năm 2020 của tỉnh Kon Tum (Theo Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/03/2022 phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai cả nước năm 2020) là 9.677,3 km ² đây là số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 của tỉnh Kon Tum. Thời điểm thống kê có sự thay đổi về diện tích tự nhiên của tỉnh so với số liệu các năm trước nguyên nhân do việc xác định lại địa giới hành chính giữa tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai tại ba khu vực do lịch sử để lại theo Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 05/12/2019.

1 Từ trang 3 đến trang 4 Báo cáo, ví dụ, nghiên cứu bổ sung (i) về mục tiêu lập quy hoạch, rà soát điều chỉnh bổ sung làm rõ mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của việc lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030; (ii) nguyên tắc lập quy hoạch bổ sung nội dung bảo đảm tính nhân dân, sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân theo quy định tại Luật Quy hoạch.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
		Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Kon Tum được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020, thời điểm này chưa thực hiện thống kê đất đai năm 2020 nên số liệu diện tích tự nhiên tỉnh Kon Tum có sự sai khác so với số liệu sử dụng trong dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh.
1.4.3	<i>Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh</i>	
a,	Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường	
	- Về vị trí địa lý: Đề nghị bổ sung phân tích lợi thế đặc biệt và giá trị đặc trưng về tài nguyên của Kon Tum là sự bảo tồn bản sắc Tây Nguyên (tổ hợp rừng, đất và nước; bản sắc dân tộc - văn hoá) từ đó phát huy lợi thế văn hóa đặc sắc - đặc thù Tây Nguyên, biến văn hóa thành nguồn lực quan trọng hàng đầu trong công cuộc phát triển hiện đại.	QHT đã rà soát bổ sung nội dung tại mục 1.1.1 Vị trí địa lý.
	- Đề nghị phân tích, đánh giá thực trạng khai thác và sử dụng đối với các loại tài nguyên; dự báo khả năng có thể khai thác sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và những khó khăn, thách thức đặt ra khi khai thác.	QHT xin được tiếp thu, bổ sung tại mục 1.1.3. Tài nguyên thiên nhiên
	- Đề nghị bổ sung đánh giá về tài nguyên đất tỉnh Kon Tum.	QHT đã bổ sung nội dung tại tiểu mục 1.1.3.1. Tài nguyên đất - mục 1.1.3. Tài nguyên thiên nhiên
	- Đề nghị xem xét lại nhận định: “tại thời điểm năm 2020 dân số trong độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên khoảng 311.762 người, chiếm 56,11% tổng dân số, thể hiện đặc điểm của thời kỳ dân số vàng” ² .	QHT xin tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa tại mục 1.2.2 và các mục có liên quan đến lao động và việc làm
	- Đề nghị đánh giá kỹ hơn việc chuyển dịch cơ cấu lao động theo cơ cấu kinh tế; tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng năng suất lao động; bổ sung dự báo về nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có kỹ năng nghề.	QHT xin tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa tại mục 1.2.2 và các mục có liên quan đến lao động và việc làm
b,	Vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia	
	- Đề nghị bổ sung phân tích để chỉ ra đâu là lợi thế cạnh tranh của tỉnh so với vùng Tây Nguyên và quốc gia; bổ sung và làm rõ hơn lợi thế về khai thác, phát huy tiềm năng du lịch và lợi thế về vị trí chiến lược trên ngã ba Đông Dương; Đề nghị chỉnh sửa một số nhận định, đánh giá còn mâu thuẫn ³ ; Đề nghị chỉnh sửa lại số liệu thu nhập bình quân đầu người theo số liệu của Tổng cục thống kê.	QHT đã tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa tại mục 1.3.2. Vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia
	- Đề nghị bổ sung và làm rõ về vai trò của tỉnh Kon Tum đối với vùng Tây Nguyên và cả nước về: (i) Quốc phòng, an ninh; (ii) Phát triển kinh tế, đặc biệt là cây công nghiệp cho xuất khẩu; lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn và tài nguyên nước, vai trò phát triển dịch vụ - du lịch; (iii) Vai trò phân bố dân cư và phát triển đô thị, nông thôn; (iv) Vai trò trong liên kết, phát triển vùng gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng diện rộng; (v) Vai trò bảo vệ môi trường; (vi) Vai trò về quản lý hoàn thiện thể chế và	QHT đã tiếp thu ý kiến, bổ sung tại mục 1.3.2. Vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia

2 Thời kỳ dân số vàng diễn ra khi số người trong độ tuổi lao động chiếm 2/3 tổng dân số, tức là khoảng trên 65%. Dân số trong độ tuổi lao động của tỉnh hiện chỉ có 56,11% thì có thể coi đang trong giai đoạn cuối của dân số vàng và bắt đầu bước vào giai đoạn già hóa dân số, không còn ưu thế về lao động.

3 “Phát triển kinh tế là thành tựu nổi bật của tỉnh Kon Tum so với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên ...”, “... GRDP xếp thứ 59/63 Tỉnh/thành phố trong cả nước và thấp nhất trong 5 Tỉnh/thành phố vùng Tây Nguyên” Trang 58 Báo cáo.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	chính sách phát triển vùng Tây Nguyên.	
c,	Các yếu tố điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh	
	Đề nghị bổ sung, làm nổi bật các nội dung chủ yếu: (i) Các yếu tố quốc tế: Bối cảnh và định hướng phát triển của khu vực, các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) có liên quan đến thị trường các sản phẩm chủ lực của tỉnh; bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; kinh tế cửa khẩu. . . , cuộc chiến giữa Nga và Ucraina. . . tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; (ii) Các yếu tố quốc gia: Bối cảnh và định hướng lớn của quốc gia liên quan đến hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế quốc gia trong khu vực và thế giới đặt ra các yêu cầu đối với phát triển của tỉnh; (iii) Các yếu tố vùng: Bối cảnh và định hướng lớn của vùng Tây Nguyên đặt ra các yêu cầu phát triển đối với tỉnh; (iv) Các yếu tố tác động từ các tỉnh, khu vực lân cận: Nhu cầu và thực trạng liên kết phát triển, giải quyết các mâu thuẫn phát triển giữa tỉnh và các địa phương lân cận.	QHT xin được tiếp thu , đã chỉnh sửa, bổ sung tại mục 1.4 Các yếu tố điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh.
1.4.4	<i>Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn</i>	
1.4.4.1	<i>Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khả năng huy động nguồn lực</i>	
	- Đề nghị rà soát lại các nhận định trong các mục đánh giá chung phải được minh chứng bằng những thông tin, số liệu cụ thể ⁴ ;	QHT đã rà soát, chỉnh sửa nội dung này.
	Chỉnh sửa những nội dung trình bày các nguyên tắc mang tính lý thuyết chung để nêu lên được thực trạng vấn đề tại tỉnh ⁵ ; làm rõ hơn khía cạnh về mặt không gian, nhất là các vấn đề liên quan đến xung đột, chồng chéo giữa các ngành, lĩnh vực ⁶ .	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, đã rà soát chỉnh sửa nội dung tại mục Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế.
	- Về quy mô GRDP giai đoạn 2011-2020: Đã sử dụng thống nhất số liệu do Tổng cục Thống kê tính toán và công bố, tuy nhiên số liệu năm 2020 còn có sự chênh lệch, đề nghị rà soát chỉnh sửa từ đó đưa ra đánh giá quy mô và tốc độ GRDP bình quân đầu người năm 2020 phù hợp; Về tốc độ tăng GRDP giai đoạn 2011-2020, đề nghị sử dụng số liệu do Tổng cục Thống kê tính toán và công bố để phân tích, đánh giá.	QHT đã rà soát, chỉnh sửa số liệu GRDP năm 2020, chỉnh sửa số liệu tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2011- 2020 theo số liệu của Tổng cục thống kê tại tiểu mục ” 2.1.1.1. Tăng trưởng kinh tế”
	- Về thực trạng phát triển nông, lâm nghiệp: Đề nghị đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại và nguyên nhân khi thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm, Chương trình OCOP theo quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018; đánh giá đặc trưng phát triển làng nghề theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, đặc biệt là các làng nghề truyền thống; bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng và kết quả thực hiện các mô hình tưới tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở đề xuất giải pháp tưới cho cây trồng cạn trong điều kiện biến đổi khí hậu; Đề nghị đánh giá thêm về thực trạng giảm giá trị sản xuất dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2020 ⁷ ; bổ sung thêm đánh giá về thực trạng hiệu quả của chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thực trạng về liên kết sản xuất	QHT xin được tiếp thu , đã bổ sung nội dung sản phẩm ocop tại tiết f. Đánh giá chung về phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản , tiểu mục 2.1.2.1. Thực trạng phát triển nông, lâm nghiệp – thủy sản. Đã rà soát bổ sung đánh giá nội dung làng nghề tại tiết 4. Tiêu thủ công nghiệp và làng nghề, tiểu mục 2.1.2.2. Công nghiệp – Xây dựng . Đã bổ sung nội Đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện các mô hình tưới tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại tiết e, tiểu

4 Ví dụ: Mục 2.1.4 Đánh giá chung về phát triển kinh tế có nhận định “từng bước hướng vào phát triển kinh tế tri thức và phát triển kinh tế xanh”; tuy nhiên, các mục phân tích bên trên không hề nhắc đến kinh tế tri thức, kinh tế xanh

5 mục c) Thiệt hại kinh tế do chi phí cải thiện môi trường trang 288.

6 mục e) Phát sinh xung đột môi trường (trang 290-291) chưa chỉ rõ địa bàn nào của tỉnh đang xảy ra các xung đột này ở mức độ cần phải can thiệp, giải quyết trong quy hoạch tỉnh

7 “giá trị sản xuất dịch vụ nông nghiệp năm 2020 đạt 987,95 tỷ đồng, chiếm 1,2% trong cơ cấu GTSX nông nghiệp giảm 2,44% so với năm 2010 (3,64%)”.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	và tiêu thụ sản phẩm nhằm mục đích thu hút lao động theo quan điểm “ly nông mà bất ly hương”.	mục 2.5.4.2. Kết cấu hạ tầng thủy lợi.
	- Về thực trạng phát triển du lịch: Đề nghị bổ sung đánh giá tỷ lệ đóng góp của du lịch trong GRDP của tỉnh và tỷ lệ lao động trong ngành du lịch để xác định đúng vị trí của ngành du lịch theo định hướng mục tiêu là ngành kinh tế mũi nhọn; cơ cấu thị trường khách du lịch (quốc tế và nội địa) đến Tỉnh.	QHT đã rà soát bổ sung nội dung tại mục b). Ngành du lịch - mục 2.1.2.3 Các ngành, lĩnh vực dịch vụ
1.4.4.2	<i>Đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh</i>	
	- Về lao động và việc làm, đề nghị bổ sung thêm thông tin, số liệu về cơ cấu lao động theo nhóm tuổi để làm rõ lực lượng lao động trong nhóm tuổi thanh niên, nguồn nhân lực quan trọng phục vụ cho quá trình phát triển; năng suất lao động theo ngành, lĩnh vực; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; dịch chuyển lao động từ tỉnh Kon Tum đến các tỉnh khác và ngược lại.	QHT xin tiếp thu ý kiến và bổ sung: - Về lao động và việc làm: QHT xin tiếp thu, bổ sung tại mục 2.2.2.a - Năng suất lao động theo ngành, lĩnh vực : QHT xin tiếp thu, bổ sung tại mục 2.1.1.3. - Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp : QHT xin tiếp thu và bổ sung tại mục 2.2.5.6 - Dịch chuyển lao động từ tỉnh Kon Tum đến các tỉnh khác và ngược lại : QHT xin tiếp thu và bổ sung tại mục 1.2.1
	- Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo: Đề nghị tách giáo dục nghề nghiệp (trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác) thành một mục riêng vì các trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp không thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp ⁸ ; đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực của hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	QHT xin được tiếp thu và bổ sung tại nội dung 2.2.4.2. Giáo dục nghề nghiệp
1.4.4.3	<i>Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh</i>	
	Đề nghị rà soát diện tích sử dụng các loại đất của tỉnh đảm bảo thống nhất với số liệu công bố của Bộ TNMT và có luận giải cụ thể theo Quyết định số 1435/QĐ-BTNMT ngày 22/7/2021 về việc công bố kết quả Kiểm kê đất đai năm 2019(9).	QHT thống nhất sử dụng số liệu đất đai năm 2020 và đã chỉnh sửa số liệu theo Quyết định số 387/QĐ-BTNMT về phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2020
1.4.4.4	<i>Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh</i>	
a,	Thực trạng phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng	
	- Đề nghị bổ sung đánh giá tổng quát những khó khăn, hạn chế của hệ thống đô thị - nông thôn toàn tỉnh từ đó đưa ra phân tích nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế nêu trên; rà soát đánh giá thực trạng liên kết đô thị với nông thôn của tỉnh trong xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng đô thị và điểm dân cư nông thôn; bổ sung nội dung đánh giá về công tác lập và tổ chức thực hiện các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng có liên quan trên địa bàn tỉnh ¹⁰ làm cơ sở đề xuất phương án phát triển phù hợp.	QHT đã tiếp thu và bổ sung tại mục 2.4. Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng
	- Về các khu chức năng:	

8 Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 luật giáo dục năm 2019.

9 Số liệu về hiện trạng sử dụng một số loại đất còn sai lệch như đất trồng lúa, đất các loại rừng, đất quốc quốc phòng, đất ở đô thị, đất ở nông thôn.

10 Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch chung khu chức năng.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	+ Đề nghị bổ sung đánh giá quy mô và sự phù hợp về quy mô phát triển của mỗi khu chức năng, nhất là các công trình trọng điểm; bổ sung đánh giá tổng quát những khó khăn, hạn chế của các khu chức năng, phân tích nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế nêu trên; đề nghị bổ sung đánh giá các khu chức năng nghiên cứu, đào tạo.	- QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, đã bổ sung đánh giá quy mô và hiện trạng phát triển của từng khu chức năng trong tỉnh tại mục 2.4.3. Hiện trạng phát triển các khu chức năng. - Hiện nay trên địa bàn Tỉnh KonTum chưa có khu chức năng nghiên cứu đào tạo nên QHT xin phép không đánh giá nội dung này.
	+ Đối với các khu công nghiệp, đề nghị bổ sung đánh giá làm rõ thực trạng sản xuất kinh doanh, lực lượng lao động, các tiện ích phục vụ công nhân; phân tích những khó khăn, tồn tại và các nguyên nhân chủ yếu trong xây dựng, thu hút các dự án đầu tư.	QHT xin tiếp thu ý kiến, đã rà soát bổ sung tại mục 2.4.3.2. Khu công nghiệp
b,	Thực trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật	
	- Đề nghị bổ sung đánh giá mức độ đáp ứng của các cơ sở hạ tầng kỹ thuật đối với nhu cầu phát triển của tỉnh; bổ sung đánh giá sự kết nối hạ tầng cơ sở ngành của tỉnh với hệ thống cơ sở hạ tầng ngành của vùng và quốc gia; phân tích nguyên nhân yếu kém và thiếu sót trong cơ sở hạ tầng ngành; bổ sung đánh giá thực hiện chương trình, kế hoạch và dự án thời kỳ trước; đánh giá số các chỉ tiêu đạt được và không đạt được về phát triển kinh tế - xã hội, những tồn tại, khó khăn và các nguyên nhân chủ yếu.	QHT xin tiếp thu ý kiến tại mục 2.5. Hiện trạng phát triển, kết cấu hạ tầng
	- Về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải: Đề nghị bổ sung các phân tích, đánh giá chi tiết làm rõ tính chất, vai trò quan trọng của mạng lưới đường bộ trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các tuyến đường có tính chất kết nối liên tỉnh, liên vùng ¹¹ ; đề nghị tập trung vào nội dung đánh giá hạ tầng giao thông bao gồm cầu, đường các loại, hạ tầng phục vụ như bến xe, và trạm dừng nghỉ để phân tích kết nối giao thông, chất lượng của hệ thống cầu, đường và các công trình giao thông khác; Đề nghị bổ sung hiện trạng, nghiên cứu mô hình dự báo, mối liên hệ giữa số liệu thống kê ¹² với GRDP, kết quả dự báo nhu cầu vận tải phân chia theo các phương thức vận tải, hành lang vận tải làm cơ sở xác định quy mô, thời điểm đầu tư cũng như việc đánh giá, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư.	QHT xin tiếp thu và bổ sung tại mục 2.5.1 Hệ thống giao thông
	- Hệ thống cấp thoát nước: đề nghị bổ sung thực trạng, tình hình quản lý, đầu tư phát triển và vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung.	QHT xin tiếp thu và bổ sung tại mục 2.5.2 Hệ thống cấp thoát nước
	Hạ tầng khoa học công nghệ: đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng hạ tầng khoa học công nghệ của tỉnh Kon Tum cũng như việc đáp ứng của hạ tầng khoa học công nghệ đối với sự phát triển của ngành nói riêng và của tỉnh Kon Tum nói chung.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung tại phần II, tiểu mục 2.6.6. Hiện trạng KH&CN
c,	Thực trạng phát triển hạ tầng xã hội	
	- Về mạng lưới cơ sở giáo dục: Đề nghị rà soát số liệu trường, lớp, quy mô trẻ em, học sinh tại báo cáo đảm bảo chính xác, thống nhất; Đề nghị bổ sung đầy đủ thông tin, dữ liệu hạ tầng hiện trạng mạng lưới cơ sở giáo dục từng địa bàn trên tỉnh cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá thực trạng mạng lưới, hạ tầng giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt đối với	QHT xin tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 2.6.3. Hiện trạng giáo dục và đào tạo

¹¹ là tinh biên giới của khu vực Tây Nguyên và miền Trung, là giao điểm của ba nước Đông Dương, có lợi thế lớn trong chuỗi logistics gắn với các hành lang vận tải kết nối các nước Đông Dương.

¹² Về nguồn thông kê liên quan hệ thống giao thông, đề nghị sử dụng từ nguồn thống kê tin cậy và cập nhật đến thời điểm trình hồ sơ bảo đảm tính chính xác (hồ sơ sử dụng nguồn từ năm 2021).

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.	
	- Về hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội khác: Đề nghị bổ sung đánh giá hạ tầng của các ngành lâm nghiệp, du lịch, y tế, khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh làm cơ sở đề xuất danh mục dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong kỳ quy hoạch 13; bổ sung đánh giá mức độ đáp ứng của các cơ sở hạ tầng xã hội đối với nhu cầu phát triển của tỉnh.	Nội dung đánh giá hiện trạng hạ tầng y tế, khoa học đã được bổ sung tại phần II, mục 2.6. Hiện trạng phát triển Kết cấu hạ tầng xã hội. Hạ tầng lâm nghiệp, du lịch không thuộc hệ thống hạ tầng xã hội và đã được trình bày tại mục 2.1. Thực trạng phát triển kinh tế
1.4.4.5	<i>Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức</i>	
	- Về điểm mạnh, đề nghị xác định rõ các điểm mạnh, lợi thế tiềm năng từ đó nhận diện được Kon Tum đang thiếu các điều kiện nào để biến điểm mạnh, lợi thế tiềm năng đó thành sức cạnh tranh thực tế; Về điểm yếu, đề nghị làm rõ hơn các điểm yếu tổng thể: (i) Quy mô kinh tế nhỏ, phân tán; (ii) Kết nối - liên kết phát triển kém phát triển; (iii) Lực lượng doanh nghiệp rất yếu; (iv) Thiếu các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị đặc trưng, có sức cạnh tranh; Về cơ hội, đề nghị xem xét bổ sung các nội dung sau: (i) Xu thế chuyển dịch vùng trái cây từ Đồng bằng Sông Cửu Long lên Tây Nguyên; (ii) Xu thế thay đổi nhu cầu thế giới đối với nông sản (dịch chuyển thị trường, nông sản đặc sản, sạch, công nghệ cao.); (iii) Nhu cầu du lịch hiện đại: tăng đột biến, khám phá khác biệt, tìm hiểu văn hóa đặc sắc, tận hưởng đặc sản; (iv) Xu thế dịch chuyển cơ cấu năng lượng sang năng lượng tái tạo, tiêu chuẩn carbon; Về thách thức, đề nghị xem xét bổ sung các nội dung sau: (i) Thách thức biến đổi khí hậu; (ii) Thách thức tụt hậu phát triển xa hơn; (iii) Thách thức cạnh tranh quốc tế, trực tiếp từ Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc; (iv) Thách thức tiêu chuẩn sản phẩm ngày càng cao; (v) Thách thức lao động - việc làm; (vi) Thách thức quá trình tự động hóa.	QHT xin được tiếp thu và bổ sung tại mục 2.9. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức
	- Đề nghị xác định các điểm nghẽn theo các nhóm vấn đề về mặt: (i) Bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH; (ii) Phát triển kinh tế nhanh và bền vững. (iii) Phát triển văn hóa - xã hội và nguồn nhân lực, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân; (iv) Phân bố dân cư, quy hoạch xây dựng hệ thống đô thị, nông thôn; (v) Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và du lịch đặc sắc; (vi) Thể chế, chính sách liên kết vùng; (vii) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội.	QHT đã rà soát bổ sung tại mục 2.10. Những điểm nghẽn trong quá trình phát triển KT-XH Tỉnh Kon Tum
1.4.5	<i>Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh</i>	
1.4.5.1	<i>Quan điểm về phát triển, tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch</i>	
	- Báo cáo cần bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo Nghị Quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội); Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; các Quy hoạch, Chiến lược phát triển ngành quốc	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa nội dung này đảm bảo bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng của QHIT Quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành và các chương trình, nghị quyết của TW

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	gia. . .nhằm phát huy tối đa lợi thế của địa phương.	
	- Về quan điểm phát triển: Đề nghị nghiên cứu thành các nhóm quan điểm chính như quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum; về bảo vệ môi trường; quan điểm về sắp xếp, tổ chức không gian; về tăng cường liên kết, hợp tác phát triển vùng; cần nhấn mạnh nội dung bảo vệ môi trường làm nền tảng, phát triển hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế 4.	QHT đã tiếp thu, bổ sung tại mục 3.1. Quan điểm phát triển tỉnh
1.4.5.2	<i>Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh</i>	
	- Về kịch bản phát triển: Đề nghị bổ sung làm rõ kịch bản về phát triển dân số, lao động, đô thị hóa và tổ chức không gian lãnh thổ 5; bổ sung luận chứng các kịch bản phát triển như: dự báo nguồn lực đầu tư, lực lượng lao động, nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỳ quy hoạch, dự báo về các bối cảnh quốc tế, quốc gia và vùng tác động đến tỉnh tương ứng với mỗi kịch bản; xác định các tiềm năng lợi thế chính của tỉnh so với các địa phương khác trong vùng làm động lực để đạt được các mục tiêu được nêu ra tại các kịch bản tăng trưởng; đồng thời làm rõ các căn cứ dự báo và xác định các nguồn lực có thể huy động trong các thời kỳ để đảm bảo tính khả thi khi thực hiện quy hoạch.	QHT đã rà soát, bổ sung tại mục 3.2.1. Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển Tỉnh
	- Đề nghị cập nhật số liệu GRDP hiện trạng năm 2020 và sử dụng dãy số liệu GRDP 2010-2020 do Tổng cục Thống kê tính toán và công bố làm căn cứ và cơ sở để xây dựng kịch bản của các chỉ tiêu liên quan giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và 2031-2050.	QHT đã rà soát, chỉnh sửa số liệu
	- Đề nghị xem xét bổ sung các luận cứ cho 3 kịch bản dự báo dân số trong giai đoạn 2021-2030 6; đề nghị kiểm tra, rà soát lại các số liệu về dân cư theo số liệu của Tổng cục thống kê; bổ sung luận cứ về dự báo lực lượng lao động, nguồn nhân lực chất lượng cao, từ đó đưa ra các luận chứng để lựa chọn kịch bản phát triển tích cực.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã bổ sung tại tiểu mục 3.2.1.1. Dự báo dân số và tiểu mục 3.2.1.2.b. Nguồn nhân lực và các đặc điểm của nguồn nhân lực tỉnh KonTum, mục 3.2.1. Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển Tỉnh
1.4.5.3	<i>Mục tiêu tổng quát, tầm nhìn phát triển tỉnh</i>	
	- Đề nghị xem xét lại nội dung “kết nối thuận lợi với các trung tâm kinh tế - xã hội lớn của vùng, cả nước, khu vực quốc tế thuộc tiểu vùng Mê Công, các nước láng giềng và ASEAN”; Làm rõ sự khác biệt về nội hàm giữa “trọng tâm” và “mối quan tâm hàng đầu” để thể hiện rõ được định hướng ưu tiên trong phát triển.	QHT xin được giải trình như sau: Nội dung “kết nối thuận lợi với các trung tâm kinh tế - xã hội lớn của vùng, cả nước, khu vực quốc tế thuộc tiểu vùng Mê Công, các nước láng giềng và ASEAN” được tiếp thu bổ sung theo ý kiến tham gia của bộ Ngoại Giao với QHT KonTum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
1.4.5.4	<i>Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể</i>	
	- Đề nghị làm rõ cơ sở khoa học, thực tiễn và tính khả thi đối với mục tiêu “đến năm 2030 tỷ trọng cơ cấu kinh tế ngành nông lâm và thủy sản còn khoảng 17%; tỷ lệ lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là dưới 25% tổng lực lượng lao động của tỉnh” ¹⁷ ; nghiên cứu bổ sung các mục tiêu cụ thể về phát triển bền vững các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp, thủy sản, nâng cao cả chất lượng và sản lượng các sản phẩm nông,	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, đã rà soát Chỉnh sửa tại 3.3.2.b (Tr364), sửa sai số liệu lao động mục 1.2.2.

14 Tỉnh Kon Tum là địa phương có độ che phủ rừng xếp thứ 5/63 tỉnh thành trên cả nước (khoảng 63,02%).

15 Tốc độ tăng trưởng dân số trung bình năm là khoảng 6,6% và dân số đô thị khoảng 13% (2020 - 2030) là quá cao (so với tốc độ tăng trưởng hiện tại là 2,3% TBN).

16 Tăng 26,2% (KB1), 25,5% (KB2) và 27,4% (KB3), ứng với tốc độ tăng dân số hàng năm 4,7%, 3,7% và 5,2% ở từng kịch bản.

17 Theo Báo cáo, giai đoạn 2016-2020 ngành nông lâm và thủy sản giảm từ 20,5% xuống còn 20% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh (Hình 2.5, trang 73); tương ứng với cơ cấu tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 66,1% xuống 63,4% (Bảng 2.17, trang 121).

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	lâm, thủy sản, đáp ứng các nhu cầu tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.	
	- Báo cáo đã đề xuất các mục tiêu cụ thể của lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, kết cấu hạ tầng và an ninh quốc phòng để thực hiện; tuy nhiên cần bổ sung một số chỉ tiêu về xã hội: mức giảm bệnh tật và tệ nạn xã hội, tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi. . .	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
1.4.5.5	<i>Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch</i>	
	- Đề nghị căn cứ vào nền tảng, thực lực và các điều kiện thực tế khác xem xét lại số lượng “mục tiêu chiến lược ưu tiên” được đề xuất tránh tình trạng dàn trải, phân tán sức mạnh và nguồn lực, dẫn tới không thể thực hiện các mục tiêu đặt ra.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Về phương án phát triển cấu trúc tổng thể chiến lược không gian kinh tế - xã hội, đề nghị xác định rõ các tọa độ - tuyến ưu tiên về thời gian và theo cấu trúc chức năng của từng tọa độ - tuyến trong tầm nhìn quốc gia - vùng liên quan đến chiến lược phát triển kết nối giao thông.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Đề nghị xem xét lại định hướng “Hình thành các đường vành đai đô thị nhằm phát triển đô thị theo hướng xây dựng vùng đô thị lớn” với thực tiễn của tỉnh Kon Tum; đề nghị rà soát, không đưa các địa danh của nước ngoài vào nội dung về phạm vi của hành lang kinh tế; đề nghị rà soát lại nhận định về “các TT Đăk tô, TT Đăk Hà là vùng ngập nước có hệ sinh thái đa dạng và cảnh quan đẹp”; đề nghị rà soát lại nội dung về vai trò, vị thế của các hành lang đối với tầm nhìn đến năm 2050, trong Báo cáo hiện nêu quá nhiều hành lang cùng được xác định là hành lang phát triển “chủ đạo”.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 5.4. Các Tuyến liên kết phát triển (Hành lang kinh tế) QHT đề xuất việc phát triển các hành lang động lực theo tính chất và ưu tiên từng giai đoạn. Giai đoạn 21-30, phát triển hai hành lang động lực chủ đạo là Hành lang QL.14 & cao tốc Bắc Nam và Hành lang dọc QL.24 và cao tốc KonTum - Quảng Ngãi. Các hành lang còn lại là động lực thứ cấp; tuy nhiên vào giai đoạn 31-50 sẽ là hành lang động lực chủ đạo cho phát triển KT-XH của Tỉnh
1.4.6	<i>Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh</i>	
	Đề nghị bổ sung luận chứng để xác định một số ngành, lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum như: (i) có lợi thế, tiềm năng phát triển, có tốc độ tăng trưởng nhanh; (ii) có vai trò, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng; (iii) đón đầu xu hướng phát triển trong nước, khu vực và quốc tế; (iv) đem lại hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia.	QHT đã bổ sung nội dung tại mục 4.1. Các tiêu chí xác định các ngành, lĩnh vực quan trọng
1.4.6.1	<i>Ngành nông, lâm, ngư nghiệp và thủy sản</i>	
	- Đề nghị nghiên cứu, tham khảo Dự thảo các Quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đang tổ chức lập (Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia; Quy hoạch khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản) để bổ sung, hoàn thiện Báo cáo; Bổ sung, phân tích các nút thắt cần tháo gỡ trong việc đổi mới, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản chất lượng cao, tăng giá trị kinh tế của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản.	Phương hướng phát triển ngành nông nghiệp đã được xây dựng đảm bảo phù hợp với các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành và các chương trình, nghị quyết, kế hoạch của TW
	- Về định hướng chung phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, đề nghị đảm bảo bám sát theo Nghị Quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội.	
	- Đề nghị xem xét nghiên cứu bổ sung mô hình sản xuất theo chuỗi trong nông nghiệp, lâm nghiệp, khai khoáng... qua đó thúc đẩy phát triển các cụm liên kết ngành của tỉnh.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến tham gia tại phần II, tiểu mục 4.2.4. Các giải pháp phát triển

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
1.4.6.2	<i>Ngành dịch vụ và thương mại</i>	
	- Đề nghị bổ sung nội dung Dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hóa, tập trung vào đặc thù vận tải hàng hóa qua địa bàn tỉnh Kon Tum có tiềm năng lớn về khoáng sản, nằm trên hàng lang Đông Tây kết nối các nước Đông Dương với hệ thống cảng biển miền Trung.	QHT xin được tiếp thu, đã bổ sung nội dung tại mục 7.1.3. Dự báo nhu cầu vận tải
	- Đề nghị bổ sung định hướng và phương án phát triển các loại hình hạ tầng thương mại đảm bảo bám sát, phù hợp với Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022; Nghị Quyết số 81/2023/QH15; các quy hoạch về hạ tầng thương mại; Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 về Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đồng thời, chú ý việc tích hợp các quy hoạch về hạ tầng thương mại vào quy hoạch tỉnh theo quy định.	QHT đã bổ sung nội dung tại mục 4.4.2. Lĩnh vực thương mại và mục 8.5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại
1.4.6.3	<i>Ngành du lịch</i>	
	- Đề nghị bổ sung quan điểm phát triển du lịch phải gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh; Đối với phát triển các loại hình du lịch, đề nghị xem xét điều chỉnh định hướng phát triển sản phẩm du lịch theo 03 nhóm: sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch chính và sản phẩm du lịch bổ trợ; đề nghị làm rõ căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học để đưa ra nhu cầu diện tích của các khu, điểm du lịch đến năm 2030.	QHT xin được tiếp thu và bổ sung tại mục 4.4.1.1. Quan điểm phát triển, mục 4.4.1. Ngành du lịch
	- Đề nghị bổ sung làm rõ định hướng liên kết giữa Kon Tum với các địa phương vùng Tây Nguyên và với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nói chung, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói riêng để đảm bảo sự phát triển bền vững của du lịch Kon Tum trong bối cảnh hội nhập; Đề nghị bổ sung phương án xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động du lịch ¹⁸ , nhất là các trọng điểm du lịch như khu du lịch Măng Đen được định hướng trở thành khu du lịch quốc gia.	QHT xin tiếp thu ý kiến, đã rà soát bổ sung nội dung tại mục 4.4.1. Ngành du lịch
1.4.7	<i>Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội</i>	
	Đề nghị bổ sung việc tổ chức các trục phát triển (các hành lang phát triển) kết nối các cực phát triển ¹⁹ cần gắn với các địa phương cụ thể trên địa bàn tỉnh; Ngoài phạm vi, lợi thế vai trò, cần bổ sung chức năng, định hướng phát triển cụ thể của mỗi vùng phân chia; Định hướng phát triển không gian cho từng hành lang kinh tế cần mở rộng không gian phát triển công nghiệp - đô thị - nông nghiệp - du lịch và kết nối không gian với cả các tỉnh, vùng tiếp giáp; bổ sung phân bổ quy hoạch không gian đô thị và nông thôn cho các vùng.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, bổ sung có chọn lọc tại 'mục 5.4. Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động KTXH của tỉnh và cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện'
1.4.8	<i>Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng</i>	
1.4.8.1	<i>Về phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn</i>	
	- Về phương án phát triển hệ thống đô thị, đề nghị bổ sung xác định phương án phát triển hệ thống đô thị của tỉnh gồm xác định các chỉ tiêu dự báo, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về phát triển đô thị của tỉnh, đề xuất mô hình, cấu trúc hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; Bổ sung các định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị và định hướng phát triển các đô thị, giữ vai trò là trung tâm cấp tỉnh như thành phố Kon Tum, thị xã Ngọc Hồi, đô thị mới và thị trấn huyện lỵ.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, các dự báo về đô thị hóa được thể hiện tại mục 3.2.1.3. Dự báo khả năng đô thị hóa & vai trò của kinh tế đô thị với tăng trưởng. Các nội dung còn lại được rà soát tại mục 6.2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị
	- Về phương án quy hoạch nông thôn, đề nghị cập nhập phương án quy hoạch nông thôn theo nội dung yêu	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia

¹⁸ Công tác đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch

¹⁹ bổ sung Sơ đồ Hình 5.1

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>cầu tại Chỉ thị số 04/CT-TTg; đề nghị rà soát, định hướng, nguyên tắc tổ chức, phân bố điểm dân cư nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán địa phương, giảm thiểu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, thuận tiện trong kết nối giao thông đáp ứng yêu cầu theo tiêu chí nông thôn mới; Bổ sung xây dựng tiêu chuẩn lựa chọn xác định các khu vực dành cho mục tiêu phát triển điểm dân cư trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030) trong thời kỳ quy hoạch đảm bảo nguyên tắc khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả; Bổ sung định hướng xây dựng các trung tâm cụm xã.</p>	
1.4.8.2	<p><i>Về phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực</i></p>	
	<p>- Đề nghị bổ sung định hướng phát triển kinh tế các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn cần gắn với các địa phương cụ thể và gắn với giải quyết vấn đề an sinh xã hội, thoát nghèo bền vững, từng bước nâng cao dân trí, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống với các vùng khác của tỉnh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu và bổ sung nội dung này tại mục 6.6.3. Phương hướng phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung định hướng về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển các khu đô thị mới, phát triển các cơ sở công nghiệp tại các khu vực có vai trò động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh; Bổ sung phương án kết nối, liên kết cụ thể giữa các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực có vai trò động lực của tỉnh từ đó làm cơ sở đề xuất xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh.</p>	<p>QHT đã bổ sung nội dung dung kết nối, liên kết cụ thể giữa các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực có vai trò động lực của tỉnh: Quy hoạch đầu tư các tuyến đường giao thông kết nối, phát triển các ngành, sản phẩm, lĩnh vực quan trọng của địa phương; đầu tư phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh tại mục 15.1.2. Dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước; Phụ lục 10. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (trong đó có ưu tiên đầu tư các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện. . .) để kết nối các khu vực nông thôn với đô thị; kết nối khu vực khó khăn với khu vực động lực.</p>
1.4.8.3	<p><i>Về phương án phát triển các khu chức năng</i></p>	
	<p>- Đề nghị rà soát, bổ sung các khu chức năng còn thiếu, bao gồm khu sản xuất nông nghiệp, khu lâm nghiệp, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu thương mại - dịch vụ, khu đào tạo.</p>	<p>QHT xin được tiếp thu ý kiến, đưa nội dung khu sản xuất nông, lâm nghiệp vào khu chức năng. Riêng Khu thương mại dịch vụ và khu đào tạo tỉnh Kon Tum chưa đề xuất vào giai đoạn 2021-2030. Nếu có điều kiện thích hợp sẽ nghiên cứu vào giai đoạn sau</p>
	<p>- Đối với phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp và danh mục các khu công nghiệp, đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ các nội dung theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP;</p>	<p>QHT xin tiếp thu và chỉnh sửa đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật</p>
	<p>- Đề nghị xem xét, bố trí quỹ đất KCN gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới, trong đó cân đối tỷ trọng công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Đề nghị quy hoạch và phát triển KCN đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai. Theo đó, việc quy hoạch các KCN cần gắn với khả năng thu hút đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư thứ cấp, gắn với liên kết vùng, tạo thành các vùng công nghiệp trọng điểm, bảo tồn hệ sinh thái, phát triển bền vững.</p>	<p>Phương án phát triển KCN đã được xây dựng dựa trên nguyên tắc tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai gắn với khả năng thu hút đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư thứ cấp, gắn với liên kết vùng, tạo thành các vùng công nghiệp trọng điểm, bảo tồn hệ sinh thái,</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
		phát triển bền vững.
	- Trong quá trình xây dựng phương án phát triển hệ thống KCN, để đảm bảo tính khả thi của việc triển khai các KCN được đề xuất, đề nghị rà soát khả năng thu hút đầu tư của các KCN, dự kiến về khả năng thu hút đầu tư vào các KCN của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030 và các điều kiện chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng KCN (trong đó có các điều kiện về tỷ lệ lấp đầy, chuyển mục đích sử dụng đất) theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về KCN để xây dựng phương án hợp lý.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Khi xem xét, xác định vị trí của các KCN mới được bổ sung trong quy hoạch, đề nghị rà soát, bảo đảm không có sự chồng lấn với các quy hoạch khác hoặc các dự án khác. Trường hợp có sự chồng lấn, đề nghị có thuyết minh về đề xuất phương án xử lý cụ thể, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật.	Vị trí các KCN mới bổ sung trong QHT đã được rà soát, đảm bảo không có sự chồng lấn với các quy hoạch khác hoặc các dự án khác
1.4.9	<i>Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật</i>	
1.4.9.1	<i>Phương án phát triển mạng lưới giao thông</i>	
	- Về đường bộ: Đề nghị bổ sung lập luận về dự báo nhu cầu vận tải và tính khả thi của 02 tuyến đường cao tốc đang đề xuất trong báo cáo (do không có trong quy hoạch mạng lưới đường bộ tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg): (1) tuyến đường bộ cao tốc kết nối tỉnh Kon Tum với CT. Bắc - Nam, và (2) tuyến đường bộ cao tốc kết nối tỉnh Kon Tum (CK. Nam Giang) với Quảng Nam (cảng Chu Lai); nếu chưa đủ lập luận để đề xuất nâng cao tốc thì nên xem xét điều chỉnh thành loại đường có cấp kỹ thuật thấp hơn.	QHT xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại tiểu mục 7.1.4.1 - mục 7.1. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông
	- Về hàng không: Dự thảo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa đưa vào quy hoạch cảng hàng không tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, đề nghị phân tích, có số liệu dự báo để làm việc với các cơ quan của Bộ giao thông vận tải, Cục Hàng không để làm rõ hơn.	QHT xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại tiểu mục 7.1.5.4 - mục 7.1. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông
	- Về đường sắt: Đề nghị sửa cơ sở pháp lý mới cập nhật về thông tin Quy hoạch Đường sắt quốc gia đối với Tuyến đường sắt kết nối các tỉnh Tây Nguyên, cập nhật giai đoạn đầu tư; hướng tuyến; giai đoạn từ năm 2030-2050 theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021.	QHT xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại tiểu mục 7.1.5.3 - mục 7.1. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông
1.4.9.2	<i>Phương án phát triển mạng lưới cấp điện</i>	
	Đề nghị rà soát, cập nhật các công trình cấp điện, mạng lưới điện truyền tải ở cấp điện áp từ 220 kV trở lên đã được xác định trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; bổ sung nội dung xác định nhu cầu sử dụng đất phát triển mạng lưới sản xuất, cấp điện theo quy hoạch cụ thể; đề xuất các dự án ưu tiên thực hiện.	QHT xin tiếp thu ý kiến tại mục 7.5 Phương án phát triển mạng lưới cấp điện
1.4.9.3	<i>Phương án phát triển thông tin và truyền thông</i>	
	Đề nghị rà soát các nội dung liên quan tới mục tiêu phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông đồng bộ, thống nhất với các chỉ tiêu, định hướng phát triển của các văn bản có liên quan 20 đồng thời bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 6.7.6.2. Mục tiêu, phương án phát triển, lĩnh vực cụ thể
1.4.9.4	<i>Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước</i>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Đề nghị bổ sung nghiên cứu xác định hệ thống mạng lưới đường ống truyền tải chính trong vùng tỉnh và khả năng liên kết giữa các vùng cấp nước với nhà máy cấp nước công suất lớn; nghiên cứu phương án phát triển cấp nước đô thị kết hợp cấp nước cho khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum, đảm bảo cấp nước an toàn, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.	QHT xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại mục 7.2. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước
1.4.9.5	<i>Phương án phát triển các khu xử lý chất thải và nước thải</i>	
	Đề nghị cập nhật các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; Bổ sung dự báo các nguồn phát thải, khối lượng phát thải và tỷ lệ thu gom chất thải rắn trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch; bổ sung quy mô diện tích các khu xử lý CTR huyện và liên huyện; Xác định nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các khu xử lý chất thải rắn liên huyện trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch; xác định các dự án phát triển khu xử lý chất thải rắn quan trọng cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư.	QHT xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát tại mục 7.7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn
1.4.10	<i>Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội</i>	
	- Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo, đề nghị bổ sung hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục, hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; cần định hướng phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề của tỉnh bao gồm quy mô đào tạo, ngành nghề và trình độ đào tạo cho lực lượng lao động của tỉnh thời kỳ quy hoạch; Bổ sung dự kiến tổng diện tích đất sử dụng và nhu cầu vốn đầu tư để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo và xác định các dự án ưu tiên; Bổ sung phương hướng liên kết ngành giữa mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các hệ thống giáo dục đào tạo khác trong trong hệ thống giáo dục quốc dân.	QHT xin tiếp thu ý kiến và bổ sung cập nhật
	- Về phương án phát triển hạ tầng y tế, đề nghị rà soát xác định các cơ sở y tế cần nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới; xác định các dự án cơ sở y tế cấp tỉnh và liên huyện được ưu tiên đầu tư nâng cấp và xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030).	QHT xin tiếp thu ý kiến và bổ sung cập nhật
	- Về phương án phát triển hạ tầng thể thao, du lịch, đề nghị rà soát cập nhật các khu du lịch, khu thể dục thể thao, khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định ở quy hoạch vùng và quy hoạch ngành Quốc gia.	QHT xin tiếp thu ý kiến và bổ sung cập nhật
	- Về phương án phát triển cơ sở trợ giúp xã hội, đề nghị bổ sung, xác định chỉ tiêu sử dụng đất và nhu cầu sử dụng đất để phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội; Định hướng phân bố không gian mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội người có công với cách mạng: danh mục, địa điểm, quy mô phục vụ của các cơ sở, phân theo cơ sở công lập và cơ sở ngoài công lập.	QHT xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung cập nhật tại “bảng 8.13. . Danh mục dự kiến các cơ sở bảo trợ xã hội công lập tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030”
	- Về phương án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, đề nghị bổ sung số lượng cụ thể về siêu thị, trung tâm thương mại, nhu cầu sử dụng đất từng loại hình và tổng diện tích sử dụng trên địa bàn tỉnh trong kỳ quy hoạch.	QHT xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại mục 8.5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại
1.4.11	<i>Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện</i>	
	- Đề nghị xem xét phân diện tích đất KCN tăng thêm trong giai đoạn 2031-2050 (được đề xuất là 3.089 ha) do phụ thuộc vào chỉ tiêu đất KCN trong Quy hoạch sử dụng đất quốc gia trong giai đoạn tới.	QHT xin giải trình : Chỉ tiêu đất khu công nghiệp tăng thêm 3.089 ha giai đoạn 2031-2050 để phát triển các KCN thị trấn Đăk Tô (856ha) huyện Đăk Tô, KCN khai khoáng Đăk Tô Re (856ha)

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
		huyện Kon Rẫy, KCN thị trấn Sa Thầy (856ha) huyện Sa Thầy, KCN phía Nam Đak Glei (856ha) huyện Đak Glei, KCN khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y (358 ha) huyện Ngọc Hồi phù hợp với nhu cầu và định hướng phát triển KT-XH tỉnh KonTum giai đoạn 2031-2050 do quy hoạch sử dụng đất quốc gia chưa có chỉ tiêu sử dụng đất định hướng đến năm 2050 phân bổ cho từng tỉnh.
	- Đề nghị có thuyết minh, giải trình về tổng diện tích đất KKT của khẩu quốc tế Bờ Y được đề xuất quy hoạch đến năm 2030 là hơn 16.000 ha, thấp hơn chỉ tiêu đất KKT trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ cho tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ²¹ .	Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y được phê duyệt tại quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 8/2/2007 với quy mô 70.438 ha được xác định là khu kinh tế động lực, trung tâm trong tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia. Sau gần 20 năm thực hiện, đến nay việc phát triển Khu Kinh Tế còn chậm so với mục tiêu đề ra. Một số chỉ tiêu theo quy hoạch chưa đạt được, các chỉ tiêu cơ bản không còn phù hợp với một số quy hoạch khác. Do đó, để thuận lợi trong công tác quản lý đất đai, quy hoạch xây dựng ... tránh chồng chéo giữa các quy hoạch của địa phương và quy hoạch Khu kinh tế, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương điều chỉnh quy mô Khu kinh tế giảm còn 16.000 ha, để tập trung nguồn lực đầu tư có trọng điểm, tình Thủ tướng chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch KKT theo tờ trình số 46/TTR-UBND ngày 20/4/2020.
1.4.12	<i>Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện, liên huyện</i>	
	- Đề nghị bổ sung các luận cứ, cơ sở hình thành, phạm vi ranh giới quy hoạch của 3 vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh; bổ sung dự báo tỷ lệ đô thị hóa, bố trí, sắp xếp hệ thống các trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bố sản xuất và phân bố dân cư; rà soát, bổ sung các định hướng phát triển, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong giai đoạn 2021-2030; bổ sung nội dung quy hoạch “Phương án mạng lưới cấp nước liên huyện” ²² .	QHT xin tiếp thu, đã bổ sung những luận cứ, cơ sở hình thành phạm vi ranh giới quy hoạch của 3 vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh tại mục 3.2.1.6. “Kịch bản phương án phát triển không gian và tổ chức lãnh thổ”. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa tại “mục 3.2.1.3. Dự báo khả năng đô thị hóa & vai trò của kinh tế đô thị với tăng trưởng”
	- Về mô hình phát triển không gian các huyện đối với các huyện vùng phía Bắc và vùng phía Đông, đề nghị rà soát phương án phát triển cấu trúc không gian kinh tế - xã hội theo hình thức các cực, điểm tăng trưởng hoặc các trục liên kết phát triển do địa hình các huyện của tỉnh Kon Tum chủ yếu là đồi, núi trung bình và núi cao ²³ .	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
1.4.13	<i>Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn</i>	

21 Theo Phụ lục số 40 ban hành kèm theo Quyết định số 326/QĐ-TTg, chỉ tiêu đất KKT trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh Kon Tum là 70.438 ha.

22 Mục 8 Phụ lục 2 - Mức độ chi tiết tích hợp một số nội dung quy hoạch tỉnh theo Văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021.

23 Đồi, núi trung bình và núi cao chiếm 61,73%; địa hình đồi, núi thấp chiếm 21,01% theo Báo cáo.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>- Đề nghị làm rõ các đối tượng trong quy hoạch như sau: (1) khu vực đa dạng sinh học cao, (2) vùng đất ngập nước quan trọng, (3) khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, (4) hành lang đa dạng sinh học, (5) khu bảo tồn thiên nhiên, (6) cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học²⁴; đối tượng thành lập mới cần bao gồm thông tin chi tiết về mục tiêu, diện tích, vị trí địa lý, giới hạn, biện pháp tổ chức quản lý và các đánh giá khả thi làm căn cứ quyết định việc đưa vào quy hoạch; rà soát đối chiếu và thống nhất phương án bảo tồn đa dạng sinh học, sinh cảnh quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên với Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung cập nhật</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh bao gồm: (i) các nguyên tắc bảo vệ môi trường; (ii) các nguyên tắc quản lý môi trường; đề nghị rà soát, bổ sung phương án bảo vệ môi trường phù hợp với phân vùng môi trường theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2020.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung cập nhật</p>
	<p>- Về phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đề nghị rà soát, cập nhật các công trình, dự án phát triển trạm khí tượng thủy văn; các công trình dự án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong dự thảo Quy hoạch mạng lưới trạm thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và dự thảo Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>QHT đã rà soát, chỉnh sửa bổ sung</p>
<p>1.4.14</p>	<p><i>Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện</i></p>	
	<p>- Đề nghị bổ sung đầy đủ thông tin về quy hoạch đảm bảo các dự án được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch khác đã được phê duyệt, trong đó, xác định phạm vi, bố trí không gian cụ thể theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>	<p>QHT đã rà soát, chỉnh sửa tại PL10. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung thông tin về phân loại, dự kiến tổng mức đầu tư, cấp kỹ thuật hoặc quy mô của dự án để làm cơ sở xác định sự cần thiết đưa vào danh mục dự án quan trọng của tỉnh; đồng thời đảm bảo sự phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đến năm 2025 phân bổ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; phương án phân bổ, khoanh vùng sử dụng đất, diện tích các loại đất cần thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong giai đoạn 2021-2030 và khả năng huy động vốn đầu tư.</p>	<p>QHT đã rà soát, chỉnh sửa</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án tại “Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư” (Phụ lục 10 dự thảo Báo cáo) theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP; đồng thời, rà soát lại danh mục nêu trên đảm bảo các dự án có quy mô lớn, tính chất cấp tỉnh, liên huyện và đóng vai trò tạo động lực, cấp thiết đối với phương án phát triển của tỉnh nhằm tạo đà cho việc triển khai thực hiện quy hoạch; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện quy hoạch và tránh trường hợp lựa chọn các dự án quy mô nhỏ/quá nhỏ.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục XV. Danh mục các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện/15.2. Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án và PL 10. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư</p>
<p>1.4.15</p>	<p><i>Giải pháp tổ chức thực hiện</i></p>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Đề nghị làm rõ: (i) về tỷ lệ vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và vốn nhà nước khác; (ii) và về phương thức đầu tư; Ngoài ra, đề nghị xác định nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 dựa trên cơ sở rà soát, tổng hợp các dự án theo danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 và phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020; rà soát nguồn vốn, đảm bảo tính khả thi của Quy hoạch tỉnh Kon Tum, dự kiến nguồn vốn ngân sách nhà nước phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao; đồng thời, phân kỳ chi tiết nguồn vốn đầu tư theo từng năm đối với từng nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài, ...) và có giải pháp huy động đối với từng nguồn vốn phù hợp.	- QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa tại Bảng 3.7 (Mục 3.2.1.2.d), Bảng 16.1 (mục 16.1.a).
1.4.16	<i>Về cơ sở dữ liệu và hệ thống bản đồ</i>	
	- Đề nghị cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh. Đồng thời, cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.	QHT đã tiếp thu, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu
	- Đề nghị cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch theo quy định của pháp luật; sắp xếp lại phân hệ thống các bản đồ về nội dung và hình thức phù hợp với nội dung Báo cáo quy hoạch theo đúng quy định tại phần IX Phụ lục kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và bản đồ phân vùng môi trường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	QHT đã rà soát, bổ sung các bản đồ còn thiếu đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nghị định 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/08/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 37/2019/NĐ-CP và văn bản 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/08/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	- Rà soát và chỉnh lý thống nhất tên bản đồ và chỉnh lý đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ.	QHT đã rà soát, chỉnh sửa, đảm bảo đúng quy định và đảm bảo thống nhất tên gọi của hệ thống bản đồ
1.4.17	<i>Về dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ</i>	
	Đề nghị cập nhật các nội dung của Báo cáo Quy hoạch và Báo ĐMC đã được Hội đồng thẩm định cho ý kiến.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa báo cáo ĐMC đảm bảo thống nhất với báo cáo QH
1.5	<i>Kết luận và kiến nghị</i>	
	Đề nghị xem xét bổ sung, hoàn thiện các nội dung trên cơ sở ý kiến tham gia cụ thể tại Văn bản này.	QHT đã tiếp thu, hoàn thiện các nội dung của BCTH theo ý kiến tham gia
	Rà soát quy cách, hình thức thể hiện nội dung trong báo cáo quy hoạch; rà soát về tính thống nhất của số liệu trong toàn bộ báo cáo quy hoạch.	QHT đã rà soát, chỉnh sửa BCTH
	Quy hoạch tỉnh Kon Tum đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.	
	Nhất trí thông qua quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.	
2	Bộ Công an (Văn bản số /BCT-KHHC ngày tháng năm 2023)	
	1. Ngày 03/10/2022, Bộ Công an đã có Công văn số 3461/BCA- ANKT trao đổi UBND tỉnh Kon Tum	BCTH đã tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý của Bộ công an tại mục

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Một số ý kiến tham gia của Bộ Công an chưa được giải trình tiếp thu, bổ sung vào báo cáo quy hoạch tỉnh Kon Tum. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh Kon Tum tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Công an tại văn bản số 3461/BCA-ANKT ngày 03/10/2022 và thể hiện đầy đủ nội dung giải trình tiếp thu ý kiến vào Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương liên quan đối với Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>6.4. Xác định và phân bổ các khu, điểm An ninh, Quốc phòng; mục 6.7.8. Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và mục VII. Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện</p>
	<p>2. Một số ý kiến tham gia bổ sung</p>	
	<p>- Đối với quan điểm phát triển về công nghiệp năng lượng tái tạo (mục 4.2.3.3), đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm nội dung: Sau khi Quy hoạch điện VIII được ban hành, việc phát triển năng lượng tái tạo cần bám sát theo Quy hoạch điện quốc gia nhằm đảm bảo việc phát triển nguồn điện và lưới điện được đồng bộ; không để xảy ra tình trạng hạ tầng lưới điện tại địa phương không đáp ứng kịp với sự phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo, dẫn đến quá tải, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế dự án, lãng phí nguồn tài nguyên cũng như tác động trực tiếp đến môi trường đầu tư của địa phương.</p>	<p>Dự thảo Quy hoạch tỉnh Kon Tum, các dự án Năng lượng tái tạo được trình bày dưới dạng các dự án tiềm năng đang triển khai nghiên cứu đầu tư và các dự án đang triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư. Trừ những dự án đã đưa vào vận hành, tiến độ của các dự án năng lượng tái tạo chưa được xác định rõ ràng. Chủ đầu tư các dự án đó sẽ chỉ bắt đầu thực hiện xây dựng công trình khi có đầy đủ các Văn bản pháp lý phê duyệt Quy hoạch / Kế hoạch được các cấp có thẩm quyền quyết định. Việc ghi nhận các dự án đang triển khai cũng nên được đưa vào Quy hoạch tỉnh để tránh việc các dự án đăng ký nghiên cứu mới sau này trùng chéo với các dự án đã đăng ký và đang triển khai nghiên cứu đầu tư</p>
	<p>- Đối với nội dung liên quan quy hoạch sử dụng đất an ninh:</p>	
	<p>+ về hiện trạng: Tại trang 56; mục 2.2 Bảng 2.10 trang 165; điểm b trang 166; mục 2 Bảng 2.11 trang 171; trang 173; mục 2.2 Bảng 2.12 trang 175; mục 2.2 Bảng 2.19 trang 301; mục 2.2 Bảng 7.1 trang 619; Bảng 7.10 của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Kon Tum: Diện tích đất an ninh đến năm 2020 là 92,58ha. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê của Bộ Công an, tính đến tháng 8/2022, tổng diện tích đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum do Bộ Công an quản lý là 89,1484ha, trong đó có 88,5367ha đất an ninh (do Công an tỉnh Kon Tum quản lý, sử dụng với 38 vị trí), phân bổ theo đơn vị hành chính: huyện Đăk Glei 1,4239ha; huyện Đăk Hà 52,1754ha; huyện Đăk Tô 1,4583ha, huyện Ia H'Drai 5,6177ha; huyện Kon Plong 2,0607ha, huyện Kon Rẫy 2,7397ha; huyện Ngọc Hồi 5,4596ha; huyện Sa Thầy 0,6930ha, huyện Tu Mơ Rông 0,6473ha và thành phố Kon Tum 16,8728ha. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh Kon Tum bổ sung thông tin, cập nhật số liệu của Bộ Công an về hiện trạng quản lý đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh Kon Tum chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp Công an tỉnh Kon Tum và đơn vị chức năng của Bộ Công an rà soát, thống nhất số liệu hiện trạng sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Về hiện trạng diện tích đất an ninh của tỉnh Kon Tum được xác định theo Thống kê đất đai năm 2020 của tỉnh Kon Tum (Theo Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/03/2022 phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai cả nước năm 2020) là 92,58 ha) đây là số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 của tỉnh Kon Tum. Số liệu thống kê của Bộ Công an được tính đến tháng 8/2022, nên có sự sai khác giữa 2 số liệu thống kê giữa bộ Tài nguyên & Môi trường (được tỉnh Kon Tum sử dụng trong dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh) và bộ Công an.</p>
	<p>+ về kế hoạch thu hồi đất đến năm 2030: Tại mục 2.2 Bảng 7.7 trang 636 của Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Kon Tum, diện tích đất an ninh cần thu hồi đến năm 2030 là 0,02ha. Tuy nhiên, báo cáo chưa làm rõ vị trí đất an ninh dự kiến thu hồi và mục đích thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai. Đề nghị UBND tỉnh Kon Tum cần cung cấp đầy đủ thông tin về vị trí và lý do thu hồi cho Bộ Công an.</p>	<p>Về kế hoạch thu hồi đất đến năm 2030: diện tích đất an ninh cần thu hồi đến năm 2030 là 0,02 ha để thực hiện Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ khu vực trung tâm huyện, thành phố thuộc tỉnh Kon tum 0,01 ha và Hoàn thiện lưới điện phân phối 0,01</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
		ha tại thị trấn Đăk Glei huyện Đăk Glei.
	<p>+ về quy hoạch sử dụng đất an ninh: Tại Bảng 6.10 trang 519; trang 618; mục 2.2 Bảng 7.1 trang 619; Bảng 7.10 trang 624 của Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Kon Tum, diện tích đất an ninh đến năm 2030 là 121ha (bảng diện tích đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022).</p> <p>Tuy nhiên, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, theo quy hoạch sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Kon Tum do Bộ Công an lập, dự kiến đến năm 2030 có 194,76ha đất an ninh, phân bổ theo đơn vị hành chính: huyện Đăk Glei 7,1947ha; huyện Đăk Hà 60,6694ha; huyện Đăk Tô 10,6343ha, huyện Ia H'Drai 7,3743ha; huyện Kon Plong 8,6267ha, huyện Kon Rẫy 7,0137ha; huyện Ngọc Hồi 14,3329ha; huyện Sa Thầy 7,7697ha, huyện Tu Mơ Rông 6,8613ha và thành phố Kon Tum 64,2796ha.</p> <p>Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh Kon Tum nghiên cứu, bổ sung thông tin của Bộ Công an về chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030. Sau khi quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Công an được phê duyệt, Bộ Công an sẽ phối hợp UBND tỉnh Kon Tum thống nhất thực hiện việc điều chỉnh thông tin về chỉ tiêu phân bổ quy hoạch sử dụng đất an ninh theo quy định.</p>	Về Quy hoạch sử dụng đất an ninh: Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu chỉnh sửa theo hướng bố trí các loại đất theo QĐ 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
	- Đối với nội dung liên quan quy hoạch phòng cháy và chữa cháy:	
	+ Nội dung Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã có các nội dung: (1) Đánh giá thực trạng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; (2) Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; xác định nhu cầu, kế hoạch sử dụng đất để phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phòng cháy và chữa cháy. Bộ Công an thống nhất với nội dung về quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy được thể hiện trong Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình thẩm định.	
	<p>+ Tại dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã có phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>Bộ Công an đề nghị điều chỉnh nội dung phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ như sau :</p> <p>Nội dung tại dự thảo Quyết định:</p> <p>“...(2) Cảnh sát PCCC và cứu hộ cứu nạn phải được trang bị tối thiểu các phương tiện chữa cháy cơ giới cơ bản theo Thông tư số 60/2015/TT-BCA ngày 09/11/2015; từng bước trang bị bổ sung các phương tiện chữa cháy cơ giới để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.”</p> <p>Đề nghị điều chỉnh thành:</p> <p>“...(2) Cảnh sát PCCC và CNCH phải được trang bị phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH của Bộ Công an.”</p>	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Quyết định phê duyệt QHT Kon Tum
3	Bộ Công thương (Văn bản số /BCT-KHHC ngày tháng năm 2023)	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	1. Đối với nội dung về điện	
	<p>- Bộ Công Thương đã có Văn bản số 7522/BCT - KH ngày 24 tháng 11 năm 2022 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đã có ý kiến về việc cần rà soát các công trình điện đảm bảo phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt, cũng như dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ và dự thảo Quyết định phê duyệt, có một số công trình nguồn điện (chủ yếu là các dự án năng lượng tái tạo) và lưới điện đưa vào Danh mục dự kiến phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Phụ lục XIII, XIV trong dự thảo Quy hoạch tỉnh), là những dự án nhà máy điện không nằm trong các quy hoạch hiện tại cũng như trong dự thảo Quy hoạch điện VIII, chưa được các Bộ, ngành, cơ quan cấp có thẩm quyền và đơn vị chuyên môn thẩm định đầy đủ, góp ý hồ sơ tính toán nghiên cứu cụ thể của từng dự án về sự phù hợp quy định pháp luật, tính khả thi và tác động của các dự án trên cơ sở: (i) nhu cầu điện thực tế của địa phương; (ii) quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; (iii) khả năng truyền tải của lưới điện; (iv) nguồn vốn đầu tư xây dựng nâng cấp lưới điện truyền tải để hấp thu công suất từ các nhà máy điện này...</p> <p>Do đó, để tránh việc các dự án nêu trong dự thảo Quyết định trở thành các dự án được quy hoạch “treo” gây lãng phí tài nguyên, lãng phí nguồn lực đầu tư..., đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét kỹ và chịu trách nhiệm về tính khả thi và sự phù hợp của các dự án trong dự thảo Quy hoạch, điều chỉnh các kế hoạch quy hoạch sử dụng đất tương ứng và các quy hoạch có liên quan để triển khai thực hiện các dự án.</p>	<p>Dự thảo Quy hoạch tỉnh Kon Tum, các dự án Năng lượng tái tạo được trình bày dưới dạng các dự án tiềm năng đang triển khai nghiên cứu đầu tư và các dự án đang triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư. Trừ những dự án đã đưa vào vận hành, tiến độ của các dự án năng lượng tái tạo chưa được xác định rõ ràng. Chủ đầu tư các dự án đó sẽ chỉ bắt đầu thực hiện xây dựng công trình khi có đầy đủ các Văn bản pháp lý phê duyệt Quy hoạch / Kế hoạch được các cấp có thẩm quyền quyết định. Việc ghi nhận các dự án đang triển khai cũng nên được đưa vào Quy hoạch tỉnh để tránh việc các dự án đăng ký nghiên cứu mới sau này trùng chéo với các dự án đã đăng ký và đang triển khai nghiên cứu đầu tư</p>
	<p>- Tại file bản đồ kèm theo dự thảo Quy hoạch tỉnh có chứa nhiều lớp với các quy hoạch khác nhau xếp chồng, dẫn tới khó khăn trong việc xem xét. Đề nghị bổ sung thêm các bản đồ, trong đó tách riêng các lớp dành riêng cho quy hoạch điện (bao gồm tọa độ chi tiết về các công trình điện) cũng như các quy hoạch khác để xác định sự liên kết giữa quy hoạch điện trong tổng thể quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh</p>	<p>Quy hoạch tỉnh có tính chất định hướng, việc xác định tọa độ các công trình điện là không cần thiết và không có tính khả thi</p>
	2. Đối với nội dung về công nghiệp trên địa bàn tỉnh	
	<p>- Về định hướng quy hoạch và sử dụng tài nguyên nêu tại Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chỉ quy hoạch các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố. Theo đó, loại bỏ khỏi Quy hoạch tỉnh các đối tượng khoáng sản không thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh (không thuộc danh mục của Phụ lục I, kèm theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ).</p>	<p>QHT đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 2. Mục tiêu, định hướng, mục 12.1. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn Tỉnh</p>
	<p>- Đề nghị rà soát về quan điểm, định hướng quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023. Trong đó, đối với khoáng sản vàng: “<i>chỉ thăm dò đối với mỏ vàng gốc</i>”; “<i>khai thác, chế biến quặng vàng phải sử dụng công nghệ tiên tiến, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, nguồn nước</i>”.</p>	<p>QHT xin tiếp thu và rà soát nội dung tại mục: XII. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN</p>
	<p>- Đối với các nội dung khác về khai thác khoáng sản, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum rà soát, cập nhật nội dung liên quan về quan điểm, định hướng của Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa và rà soát tại phụ lục danh mục các điểm mỏ</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	địa bàn tỉnh tại Văn bản số 7522/BCT - KH ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương. Trong đó, đối với các điểm mỏ khoáng sản nêu tại Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên của tỉnh cần tiếp tục rà soát, đối chiếu về tài nguyên, trữ lượng, ranh giới, tọa độ, diện tích với các mỏ, điểm mỏ nằm trong các Quy hoạch cấp cao hơn, đảm bảo thống nhất về nội dung, đúng thẩm quyền và theo quy định pháp luật về khoáng sản.	
	3. Đối với nội dung về cụm công nghiệp (CCN)	
	- Đề nghị đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, công tác bảo vệ môi trường, hiệu quả kinh tế-xã hội của từng CCN; những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong đầu tư, phát triển CCN trên địa bàn tỉnh thời gian qua.	QHT đã trình bày nội dung này tại mục II.Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển tỉnh Kon Tum /2.4. Hiện trạng phát triển hệ thống Đô thị, nông thôn và các khu chức năng/2.4.3. Hiện trạng phát triển các khu chức năng/2.4.3.3. Cụm công nghiệp:
	- Về phương án phát triển không gian các CCN, đề nghị làm rõ những CCN giữ nguyên, bổ sung mới hoặc điều chỉnh so với quy hoạch cũ; trong đó làm rõ hiện trạng đất đai (trên nguyên tắc hạn chế sử dụng đất đã quy hoạch trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng), ngành nghề hoạt động (định hướng các ngành, nghề có tính liên kết, trong cùng chuỗi giá trị của sản phẩm, dịch vụ) đối với những CCN bổ sung quy hoạch; giải trình cơ sở điều chỉnh đối với những CCN điều chỉnh khỏi quy hoạch (nếu có).	QHT xin bổ sung tiếp thu tại mục 6.3.3 Không gian phát triển các cụm công nghiệp.
	- Về danh mục quy hoạch các CCN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đề nghị rà soát, thể hiện rõ tên gọi cụ thể, địa điểm (đến cấp xã), quy mô diện tích từng CCN trong danh mục; cần nhắc việc ghi cụ thể tên chủ đầu tư tại các CCN chưa thành lập (vì việc lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN được thực hiện trong quá trình thành lập, mở rộng CCN).	QHT xin bổ sung và tiếp thu tại Bảng 6. 1b: Bảng thống kê CCN trên địa bàn Tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050
	4. Đối với nội dung về thương mại trong nước	
	Đề nghị bổ sung định hướng và phương án phát triển các loại hình hạ tầng thương mại đảm bảo bám sát, phù hợp với Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể quốc gia; các quy hoạch về hạ tầng thương mại; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2035 theo Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch có liên quan (đề nghị ban soạn thảo tham khảo các nội dung liên quan đã được ban hành tại Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045). Đồng thời, chú ý việc tích hợp các quy hoạch về hạ tầng thương mại vào quy hoạch tỉnh theo quy định.	QHT đã trình bày nội dung này tại mục 4.4. Ngành dịch vụ/4.4.2.4. Phương hướng phát triển và bố trí không gian phát triển và đảm bảo phù hợp với các chương trình, quy hoạch cấp quốc gia
	5. Đối với hệ thống hạ tầng xăng dầu, khí đốt	
	Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt trên địa bàn Tỉnh, đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu về dự trữ, cung ứng xăng dầu đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từ đó đề xuất định hướng phát triển hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt (kho dưới 5.000 m ³) và nhu cầu về phát triển hệ	QHT xin tiếp thu ý kiến đã bổ sung nội dung hiện trạng hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt tại phần II, tiêu mục 2.6.5. Hiện trạng hạ tầng thương mại

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>thống của hàng xăng dầu, hệ thống trạm chiết nạp gas trên địa bàn trong giai đoạn quy hoạch. Ngoài ra, để có cơ sở bố trí quỹ đất và triển khai thực hiện, đề nghị cập nhật hệ thống kho dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia (quy mô trên 5.000 m³); đồng thời, thống kê danh mục kho xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh hiện có trên địa bàn và xác định danh mục kho xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh cần đầu tư xây dựng trong thời kỳ quy hoạch để đáp ứng nhu cầu dự trữ cung ứng xăng dầu, khí đốt của Tỉnh; Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong quá trình cập nhật, xây dựng Quy hoạch hạ tầng, dự trữ xăng dầu khí đốt Quốc gia thời kỳ 2021-2030 để đảm bảo thống nhất.</p>	
4	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Văn bản số /BGDDĐT-KHTC ngày tháng năm 2023</i>)</p>	
	<p>a) Về căn cứ lập quy hoạch (Mục IV trang 4)</p>	
	<p>Đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào phần căn cứ lập quy hoạch.</p>	<p>QHT đã bổ sung tại mục IV. Căn cứ lập quy hoạch</p>
	<p>b) Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 2.2.4 trang 133):</p>	
	<p>- Về thực trạng giáo dục mầm non: Đề nghị bổ sung số lượng cơ sở giáo dục mầm non độc lập; bổ sung đánh giá mức độ đáp ứng của các cơ sở giáo dục mầm non tại địa bàn so với nhu cầu đưa trẻ tới trường của tỉnh Thừa Thiên Huế (<i>tỷ lệ huy động trẻ/dân số độ tuổi, giáo viên/lớp, phòng học/lớp...</i>); khó khăn vướng mắc trong việc đảm bảo quyền của trẻ em được tiếp cận giáo dục.</p>	<p>QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung đánh giá thực trạng giáo dục mầm non tại mục 2.2.4.1 và hạ tầng giáo dục tại mục 2.6.3</p>
	<p>- Về thực trạng giáo dục phổ thông: Đề nghị bổ sung thông tin, số liệu giáo viên/lớp, phòng học/lớp; thực trạng về công tác xã hội hóa giáo dục,... Ngoài ra, đề nghị bổ sung, chỉnh sửa, làm rõ thêm một số nội dung sau: (1) Thừa cụm từ "phổ thông cơ sở" tại dòng 15 từ dưới lên (trang 133); (2) Chưa rõ hiện trạng khoảng cách phân bố giữa các trường trung học trên địa bàn tỉnh; (3) Chưa rõ hiện trạng số lượng giáo viên đáp ứng giảng dạy môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (trang 137, 138); (4) Chưa rõ thực trạng giáo dục giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung đánh giá thực trạng giáo dục mầm non tại mục 2.2.4.2 và hạ tầng giáo dục tại mục 2.6.3</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá về mạng lưới, quy mô và chất lượng giáo dục đối với giáo dục dân tộc, đặc biệt là trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh bán trú.</p>	<p>QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung đánh giá thực trạng giáo dục mầm non tại mục 2.2.4.2</p>
	<p>- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 198/BGDDĐT-KHTC, theo đó đưa nội dung đánh giá thực trạng giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học (Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum) của tỉnh thành mục riêng và không để chung mục 2.2.4.2. Giáo dục nghề nghiệp (trang 139) hoặc mục b. Hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trang 269). Ngoài ra, đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá về thực trạng hoạt động của Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum trên địa bàn tỉnh (<i>năng lực tuyển sinh, đào tạo, ngành nghề đào tạo, chất lượng đào tạo, đội ngũ giảng viên, vị trí, vai trò của các cơ sở giáo dục này đối với phát triển tỉnh và của vùng, khả năng liên kết vùng trong đào tạo nguồn nhân lực...</i>) để phân tích rõ hơn thực trạng giáo dục đại học cũng như các nhận định về khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo của tỉnh và cả vùng.</p>	<p>QHT tiếp thu ý kiến, phân tách nội dung đánh giá thực trạng và hạ tầng giáo dục thường xuyên tại mục 2.2.4.3 và 2.6.3.2; nội dung đánh giá thực trạng và hạ tầng giáo dục đại học tại mục 2.2.4.5 và 2.6.3.4</p>
	<p>c) Về hiện trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 2.7.7.3 trang 267):</p>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>- Đề nghị rà soát số liệu trường, lớp, quy mô trẻ em, học sinh tại toàn báo cáo đảm bảo chính xác, thống nhất (Ví dụ: tại trang 133 báo cáo nêu: “Toàn tỉnh Kon Tum có 364 trường mầm non và phổ thông, cụ thể: 134 trường mầm non (trong đó có 112 trường mầm non công lập và 22 trường mầm non ngoài công lập), 94 trường tiểu học, 53 trường tiểu học và trung học cơ sở (TH-THCS), 57 trường THCS, 26 trường trung học phổ thông (THPT)”, tuy nhiên tại trang 267 báo cáo nêu: “Đến nay toàn tỉnh có 374 trường mầm non và phổ thông, trong đó: 136 trường mầm non (24 trường mầm non ngoài công lập) và 99 trường tiểu học, 111 trường trung học cơ sở và 28 trường trung học phổ thông”).</p>	<p>QHT tiếp thu ý kiến, thông kê theo số liệu đến hết năm học 2020-2021 là 374 trường trường mầm non và phổ thông</p>
	<p>- Đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin, dữ liệu hạ tầng hiện trạng mạng lưới cơ sở giáo dục từng địa bàn tỉnh (loại hình, địa điểm, diện tích đất, không gian bố trí) cho các cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm cả hạ tầng cơ sở giáo dục mầm non trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp), giáo dục phổ thông (TH, THCS, THPT), giáo dục thường xuyên (trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng); bổ sung thông tin, số liệu về diện tích đất trung bình/học sinh các cấp học trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đánh giá thừa thiếu trường lớp ở từng địa bàn so với quy mô dân số; đánh giá sự phù hợp của hệ thống hạ tầng, mạng lưới giáo dục và đào tạo với chất lượng, quy mô giáo dục, đào tạo và sự liên kết, đồng bộ với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác của tỉnh (như hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, công nghệ thông tin, ...); đánh giá những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế, tồn tại, các yếu tố tác động đến mạng lưới trường lớp và hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh giai đoạn 2011-2020 để làm căn cứ, cơ sở quy hoạch giai đoạn tới.</p>	<p>QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung tại mục 2.6.3 hạ tầng giáo dục.</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá thực trạng mạng lưới, hạ tầng giáo dục dân tộc (các trường PTDNTN, trường PTDTB, trường phổ thông có học sinh bán trú), giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.</p>	<p>QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung tại mục 2.6.3 hạ tầng giáo dục.</p>
	<p>d) Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 4.4.1 trang 433):</p>	
	<p>- Về các mục tiêu cụ thể (mục 3.2.1.2 trang 346): Đề nghị nghiên cứu bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập; mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới (như tỷ lệ giáo viên/lớp, ...); mục tiêu, chỉ tiêu phát triển cụ thể đối với giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật.</p>	<p>QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung mục tiêu và chỉ tiêu tại mục 4.5.1.2 và 4.5.1.3</p>
	<p>- Đề nghị rà soát, nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển mạng lưới giáo dục và đào tạo của tỉnh như sau: “Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa bàn cụ thể, đảm bảo đủ trường lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển. Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo lộ trình hợp lý, đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường PTDNTN, PTDTB phù hợp với nhu cầu và thực tế của địa phương. Phát triển</p>	<p>QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung tại mục 4.5.1.3 phương hướng phát triển</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<i>mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục”.</i>	
	- Đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển đối với giáo dục dân tộc như: “ <i>Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống các trường PTDINT, PTDTBT; hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn; có cơ chế chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giữ gìn tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, chữ viết,...</i> ”.	QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung tại mục 4.5.1.3 phương hướng phát triển
	- Đề nghị bổ sung các giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo theo đó có các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi như góp ý tại Công văn số 198/BGDĐT-KHTC.	QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung tại mục 4.5.1.4 giải pháp thực hiện
	đ) Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 6.8.2 trang 600):	
	- Đề nghị bổ sung làm rõ địa điểm bố trí, quy mô công trình, diện tích sử dụng đất đối với hạ tầng mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh. Ngoài ra, đề nghị bổ sung phương án phát triển mạng lưới hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc (<i>trường PTDINT, PTDTBT</i>), cơ sở giáo dục chuyên biệt cho người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập phục vụ phát triển giáo dục hòa nhập của tỉnh.	QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung tại mục 8.2 phương án phát triển hạng tầng - lĩnh vực giáo dục và đào tạo
	- Đề nghị bổ sung phương án bố trí đủ quỹ đất cho phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo theo quy định tại Thông tư 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao và Nghị quyết số 12/10/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 về việc phân loại đô thị; quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Đồng thời, đảm bảo khả thi, khắc phục hạn chế giai đoạn 2011- 2020 khi chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thực hiện thấp hơn so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.	QHT tiếp thu ý kiến, về phân bổ quỹ đất cho lĩnh vực giáo dục đã đảm bảo theo chỉ tiêu
	- Đề nghị bổ sung bản đồ quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	QHT tiếp thu ý kiến, bản đồ đã có trong hồ sơ GIS gửi kèm theo
5	Bộ Giao thông vận tải (<i>Văn bản số /BGDĐT-KHTC ngày tháng năm 2023</i>)	
	Danh mục hồ sơ: hồ sơ trình thẩm định đang thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh đã ban hành Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 (thay thế Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ). Căn cứ Điều 3 Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ về xử lý điều khoản chuyển tiếp, đề nghị tỉnh Kon Tum rà soát, bổ sung bảo đảm đủ danh mục tài liệu theo Quyết định mới ban hành và nội dung tại	QHT đã rà soát, bổ sung hồ sơ đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 3 Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	điểm e, khoản 1, Điều 31 Luật Quy hoạch (bổ sung văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường về nội dung đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tỉnh,...).	
	Theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, đề nghị nghiên cứu các nội dung về kết cấu hạ tầng giao thông phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn; trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch cùng cấp, căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các văn kiện của Đảng, chiến lược phát triển ngành và từ yêu cầu thực tiễn, cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch sẽ quyết định điều chỉnh quy hoạch, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch. Trong điều kiện hiện nay quy hoạch vùng tương ứng với kỳ quy hoạch chưa duyệt nên Bộ GTVT đề nghị Tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, để điều chỉnh nội dung hồ sơ quy hoạch cho phù hợp.	Nội dung quy hoạch hạ tầng giao thông đã phù hợp với quy hoạch quốc gia được duyệt (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng không). Riêng tuyến cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum đã được kiến nghị 2 tỉnh Kon Tum và Quảng Ngãi kiến nghị Thủ tướng chấp thuận, sẽ điều chỉnh bổ sung vào quy hoạch quốc gia trước khi phê duyệt Quy hoạch tỉnh
	Trong quá trình xây dựng quy hoạch tỉnh, Bộ GTVT đã có ý kiến tham gia bằng văn bản về hồ sơ quy hoạch tỉnh (Công văn số 13664/BGTVT-KHĐT ngày 22/12/2022 của Bộ GTVT). Theo báo cáo giải trình, các ý kiến đã được tiếp thu. Tuy nhiên, sau khi rà soát chi tiết, các nội dung tiếp thu chủ yếu cập nhật trên cơ sở ý kiến các đơn vị tham mưu của Bộ GTVT, chưa đề cập theo nội dung Bộ GTVT đã có ý kiến. Vì vậy, đề nghị tỉnh Kon Tum rà soát cập nhật đầy đủ các nội dung Bộ GTVT đã góp ý; đồng thời chịu trách nhiệm về nội dung tiếp thu, điều chỉnh theo quy định.	QHT xin tiếp thu ý kiến, Nội dung trong phương án quy hoạch giao thông đã hiệu chỉnh theo ý kiến góp ý của Bộ GTVT
	Đề nghị rà soát, không đưa các Quyết định phê duyệt quy hoạch đã hết thời kỳ quy hoạch và được tích hợp vào các quy hoạch ngành quốc gia vào căn cứ pháp lý (như các Quyết định số: 326/QĐ-TTg ngày 01/3/2016, số 214/QĐ-TTg ngày 10/5/2015... của Thủ tướng Chính phủ).	QHT đã rà soát, chỉnh sửa tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch
	Đề nghị bổ sung danh mục và bảng tổng hợp vốn đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng giao thông ưu tiên đầu tư trong các giai đoạn bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, phù hợp nguồn lực; làm rõ giải pháp huy động vốn bảo đảm tính khả thi của Đề án quy hoạch.	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và dự kiến tổng mức đầu tư đã có trong mục 3.6.3, bảng III-14.
	Căn cứ pháp lý: đề nghị rà soát lược bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không cần thiết; đồng thời, nghiên cứu bổ sung Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008, Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt Quy hoạch tổng thể quốc gia,...	QHT đã rà soát, chỉnh sửa tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch
	Về công tác dự báo nhu cầu vận tải, theo báo cáo giải trình, nội dung này được xem xét, tiếp thu, tuy nhiên nội dung trong hồ sơ chưa thể hiện và dẫn chiếu đến nội dung cập nhật. Vì vậy, Bộ GTVT chưa có cơ sở xem xét, đánh giá sự phù hợp, tính đúng đắn của phương pháp lập, kết quả dự báo nhu cầu vận tải đối với công trình giao thông.	Đã bổ sung kết quả tính toán dự báo nhu cầu giao thông vận tải trong quy hoạch tỉnh. Do đặc thù Kon Tum chỉ có 1 loại hình vận tải đường bộ nên chỉ tính toán trên các trục đường bộ (mục III)
	Do kết quả dự báo nhu cầu vận tải là số liệu quan trọng, bảo đảm tính khoa học trong các đề án quy hoạch theo quy định tại khoản 5, Điều 4 Luật Quy hoạch, làm cơ sở xác định quy mô các công trình giao thông, xác định thứ tự ưu tiên đầu tư bảo đảm phát huy hiệu quả đầu tư, khả thi trong huy động nguồn lực từng thời kỳ.	Kết quả tính toán dự báo nhu cầu giao thông vận tải theo phương pháp hệ số đàn hồi (xác lập được hàm tương quan của khối lượng vận tải và các biến số đầu vào như: tổng sản phẩm nội địa

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Quy hoạch tỉnh là quy hoạch đầy đủ, toàn diện trên một đơn lãnh thổ (địa bàn tỉnh Kon Tum) bao gồm quy hoạch các ngành, lĩnh vực, quy hoạch đô thị, nông thôn, các khu chức năng, để đánh giá đầy đủ, bảo đảm độ tin cậy của kết quả dự báo nhu cầu vận tải (đường tỉnh, bến cảng thủy nội địa), đề nghị Tỉnh chỉ đạo rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng công tác dự báo nhu cầu vận tải.	(GRDP); GRDP/người; dân số,...) trên cơ sở kịch bản tăng trưởng GRDP so sánh và quy mô dân số.
	Đề nghị bổ sung các phân tích, đánh giá chi tiết làm rõ tính chất, vai trò quan trọng của mạng lưới đường bộ trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, đặc biệt là các tuyến đường có tính chất kết nối liên tỉnh, liên vùng.	Trên địa bàn Kon Tum, hiện có 06 quốc lộ đi qua (đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 24, 14C, 40, 40B, đường Trường Sơn Đông) và các tuyến Tỉnh lộ, tính chất vai trò, tầm quan trọng của các tuyến đường đã được thể hiện trong hiện trạng và ưu tiên định hướng tổ chức giao thông vận tải của tỉnh (mục 3.4.1)
	Đề nghị bổ sung hiện trạng, nghiên cứu mô hình dự báo, mối liên hệ giữa số liệu thống kê với GRDP, kết quả dự báo nhu cầu vận tải phân chia theo các phương thức vận tải, hành lang vận tải trên địa bàn tỉnh làm cơ sở xác định quy mô, thời điểm đầu tư cũng như việc đánh giá, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư.	Đã bổ sung hiện trạng, nghiên cứu mô hình dự báo, mối liên hệ giữa số liệu thống kê với GRDP, kết quả dự báo nhu cầu vận tải phân chia theo các phương thức vận tải, hành lang vận tải trên địa bàn tỉnh làm cơ sở xác định quy mô, thời điểm đầu tư cũng như việc đánh giá, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư (mục 3.1)
	Về nguồn thống kê liên quan hệ thống giao thông, đề nghị sử dụng từ nguồn thống kê tin cậy và cập nhật đến thời điểm tình hồ sơ bảo đảm tính chính xác (hồ sơ sử dụng nguồn từ năm 2021).	Thời kỳ quy hoạch là 2021 -2030 nên thời điểm lập quy hoạch thống nhất sử dụng dữ liệu của năm 2021. Tiếp thu ý kiến góp ý, cập nhật bổ sung số liệu hiện trạng đường bộ năm 2022.
	Đường bộ: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng lưu lượng phương tiện trên các tuyến đường để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải trong nội tỉnh, liên tỉnh.	Đã bổ sung số liệu lưu lượng phương tiện trên các tuyến đường và dự báo phương tiện trong thời kỳ quy hoạch (mục 3.1.4)
	Đề nghị thống nhất tên tuyến đường Hồ Chí Minh trong hồ sơ quy hoạch (thay cho Quốc lộ 14) để phù hợp công tác quản lý hiện nay	Theo mục 1 phụ lục II QĐ số 1454/QĐ-TTĐ, đường Hồ Chí Minh đoạn Thanh Mỹ, Nam Giang, Quảng Nam – Đức Hòa, Long An (QL.14 hiện tại). Tiếp thu ý kiến góp ý, phần hiện trạng thể hiện là đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14), còn nội dung quy hoạch chỉ ghi đường Hồ Chí Minh
	Bộ GTVT đã có Quyết định số 770/QĐ-BGTVT ngày 21/6/2022 phê duyệt điều chỉnh đường Hồ Chí Minh qua thành phố Kon Tum thành đường địa phương (Km1542+750 - Km1562+250, dài khoảng 18,61km) và giao tỉnh Kon Tum quản lý (hiện đang thực hiện thủ tục điều chuyển tài sản về địa phương quản lý). Đề nghị rà soát, cập nhật	Tiếp thu ý kiến góp ý, đường Hồ Chí Minh qua thành phố Kon Tum phương (Km1542+750 - Km1562+250, dài khoảng 18,61km) thành đường địa phương, và không thể hiện trong hiện trạng quốc lộ.
	Đối với đường Hồ Chí Minh tránh Kon Tum có điểm đầu Km0+000 (tùng Km1542+750), điểm cuối Km21+460, dài khoảng 21,46km đã thi công hoàn thành, chuẩn bị tiếp nhận. Đề nghị rà soát, cập nhật.	Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật tuyến đường Hồ Chí Minh qua thành phố Kon Tum dài khoảng 25Km thành quốc lộ.
	Đề nghị rà soát, bổ sung số liệu hiện trạng các cảng hàng không trong vùng Tây Nguyên (vị trí địa lý CHK, các thông số kỹ thuật, thống kê sản lượng vận tải hàng không,...) theo thuyết minh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống CHK, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ GTVT trình Thủ tướng Chính phủ.	Tỉnh Kon Tum hiện nay không sân bay, hiện trạng chỉ nêu 03 sân bay đã chiến thời chiến tranh. Các sân bay này hiện không còn sử dụng và chuyển đổi mục đích sử dụng.
	Đề nghị Tỉnh căn cứ các Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển GTVT về đường bộ, đường sắt, đường	Tiếp thu ý kiến góp ý, Tỉnh Kon Tum ưu tiên tập trung phát triển

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	thủy nội địa để chỉ đạo rà soát, tổng hợp, xây dựng phương án quy hoạch phát triển các lĩnh vực giao thông, xác định các công trình đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh cho phù hợp.	trong lĩnh vực đường bộ, gồm các trục quan trọng (đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 24, 14C trong giai đoạn trước năm 2030, trục cao tốc CT.02, CT.21 sau năm 2030) và một số tuyến quốc lộ quan trọng, có lưu lượng phương tiện cao như ĐT.671, 673, 674, 676, 677, 679,...
	Về định hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các trang 346, 358 đề nghị nghiên cứu tập trung tại mục V (trang 376) cho phù hợp, tránh dàn trải.	Tiếp thu ý kiến góp ý, tập trung định hướng trong lĩnh vực phát triển hạ tầng giao thông và vận tải trong lĩnh vực đường bộ.
	Về mục tiêu phát triển mạng lưới giao thông (trang 376) đề nghị bổ sung định hướng tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động có liên quan.	Tiếp thu ý kiến góp ý, bổ sung Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị vào mục: “Mục tiêu phát triển”.
	Để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong quá trình triển khai theo quy hoạch, đặc biệt liên quan đến vấn đề đầu tư, đề nghị bổ sung đầy đủ quy mô các đoạn tuyến quốc lộ qua khu vực đô thị, khu chức năng (nếu có). Trường hợp chưa xác định cụ thể phạm vi đô thị, quy mô mặt cắt ngang, đề nghị nêu rõ quy mô các tuyến quốc lộ đi qua khu vực đô thị, khu chức năng theo quy mô được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong các đồ án quy hoạch đô thị, khu chức năng liên quan.	Quy hoạch các tuyến quốc lộ trong Đồ án quy hoạch đã tuân thủ theo quy hoạch quốc gia, bổ sung tuyến tránh đường Hồ Chí Minh qua các đô thị thị trấn Đắk Hà, Đắk Tô, Plei Kản, Đắk Glei. Các tuyến này đã thể hiện cụ thể điểm đầu, điểm cuối, hướng tuyến tránh (tránh về phía Đông hoặc phía Tây), quy mô tuyến tránh (giai đoạn 2021 - 2030, quy hoạch đường cấp IIIĐB, 02 làn xe, Hệ thống cầu trên tuyến vĩnh cửu đạt tải trọng HL-93; sau năm 2030 và định hướng đến năm 2050 đầu tư với quy mô từ 4 làn xe). Hướng tuyến chi tiết, điểm giao cắt cụ thể theo Đồ án quy hoạch đô thị được duyệt.
	Rà soát, bổ nội dung liên quan đến nút giao với mạng lưới đường bộ quốc gia (đường cao tốc, quốc lộ), trạm dừng nghỉ do nội dung này nằm trong quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch. Đề nghị UBND tỉnh Kon Tum phối hợp chặt chẽ với Bộ GTVT trong quá trình lập quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thời gian tới.	Tiếp thu ý kiến góp ý, bổ nội dung liên quan đến nút giao với mạng lưới đường bộ quốc gia (đường cao tốc, quốc lộ), trạm dừng nghỉ
	Về đầu tư các tuyến đường gom, đường tránh qua đô thị lớn: tại khoản 5, mục III Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định “trong quá trình thực hiện quy hoạch, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực, nghiên cứu đầu tư một số tuyến tránh đô thị”. Trường hợp địa phương có nhu cầu đầu tư các tuyến đường tránh để phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực có thể đưa vào Quy hoạch của địa phương để chủ động đầu tư, Bộ GTVT sẽ phối hợp trong quá trình triển khai. Đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp	Các tuyến tránh đường Hồ Chí Minh qua các đô thị thị trấn Đắk Hà, Đắk Tô, Plei Kản, Đắk Glei đã có trong Đồ án quy hoạch.
	Theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ, trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 02 tuyến cao tốc, cụ thể: (1) đoạn Ngọc Hồi - Kon Tum - Pleiku (thuộc trục cao tốc Bắc - Nam phía Tây) dài 90 km, quy mô 6 làn xe, tiến trình đầu tư trước năm 2030; (2) đoạn Đà Nẵng - Thanh Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y, dài 281 km, quy mô 4 làn xe, tiến trình	Quy hoạch các tuyến quốc lộ trong Đồ án quy hoạch đã tuân thủ theo quy hoạch quốc gia. Cụ thể tuyến Ngọc Hồi - Kon Tum – Pleiku (CT.02) quy mô 6 làn xe, lộ trình đầu tư trước năm 2030,

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	đầu tư sau năm 2030. Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát, chuẩn xác lại quy mô, tiến trình đầu tư tuyến cao tốc đi qua địa bàn Tỉnh tại mục 2.7.1.6 (trang 223).	tuyến Đà Nẵng - Thanh Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y đoạn qua tỉnh Kon Tum quy mô 4 làn xe, lộ trình đầu tư trước năm 2030.
	Tại khoản 3, Điều 6 Luật Quy hoạch quy định “Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Trường hợp quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có mâu thuẫn với quy hoạch ngành quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia”. Tuy nhiên, theo đề xuất có bổ sung thêm 02 tuyến cao tốc: (1) cao tốc kết nối từ thành phố Kon Tum với cao tốc Bắc - Nam phía Đông và (2) cao tốc kết nối tỉnh Kon Tum với tỉnh Quảng Nam không nằm trong Quy hoạch mạng lưới đường bộ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát lại toàn bộ nội dung tại mục 6.7.1.5 (trang 536) để điều chỉnh bảo đảm nguyên tắc theo quy định của Luật Quy hoạch nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.	Nội dung quy hoạch hạ tầng giao thông đã phù hợp với quy hoạch quốc gia được duyệt (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng không). Tuyến cao tốc kết nối tỉnh Kon Tum với tỉnh Quảng Nam đã đưa ra khỏi đồ án quy hoạch. Riêng tuyến cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum đã được kiến nghị 2 tỉnh Kon Tum và Quảng Ngãi kiến nghị Bộ GTVT đã có ý kiến và Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận về mặt nguyên tắc, sẽ điều chỉnh bổ sung vào quy hoạch quốc gia trước khi phê duyệt Quy hoạch tỉnh, đề nghị giữ nguyên tuyến cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum trong đồ án quy hoạch.
	Đối với danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (Phụ lục 10): đề nghị rà soát lại phạm vi, quy mô và tiến trình đầu tư các dự án đường cao tốc và quốc lộ theo Quy hoạch được duyệt để có đề xuất phù hợp.	Nội dung quy hoạch hạ tầng giao thông đã phù hợp với quy hoạch quốc gia được duyệt (<i>phạm vi, quy mô, lộ trình đầu tư</i>)
	Bộ GTVT đang tổ chức lập Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, đề nghị bổ sung giải pháp phối hợp với Bộ GTVT xem xét, cập nhật khi lập Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	QHT xin tiếp thu, cập nhật
	Liên quan đến đề xuất quy hoạch Cảng hàng không tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông (trang 464, 532, 548, . . .): trên cơ sở kết quả đánh giá sơ bộ về kỹ thuật khả năng hình thành cảng hàng không và nội dung làm việc với tỉnh Kon Tum, Cục Hàng không Việt Nam đã hoàn thiện và trình dự thảo hồ sơ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Cục Hàng không Việt Nam kiến nghị tiếp tục “nghiên cứu, khảo sát, đánh giá khả năng quy hoạch cảng hàng không tại một số tỉnh có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh và có tiềm năng phát triển về du lịch, dịch vụ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét việc bổ sung quy hoạch khi có nhu cầu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và nguồn lực đầu tư”. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu điều chỉnh nội dung cho phù hợp.	Sân bay Kon Tum tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông trong danh sách Cảng Hàng không, sân bay tiềm năng tại Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập đề án quy hoạch cảng hàng không. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập đề án quy hoạch cảng hàng không trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bổ sung quy hoạch. Vị trí, quy mô tuân thủ theo Quy hoạch quốc gia được duyệt, dự kiến tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, quy mô 4C (ICAO), đảm bảo công suất 01 triệu hành khách/năm, có bố trí quỹ đất dự phòng để nâng công suất từ 03 – 05 triệu hành khách/năm
	Đề nghị nghiên cứu bổ sung căn cứ “Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.	QHT đã rà soát, chỉnh sửa tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch
	Đề nghị thống nhất nội dung quy hoạch mạng lưới đường sắt giai đoạn đến năm 2050 qua địa bàn tỉnh Kon Tum “Từng bước xây dựng tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Chon Thành))”.	Quy hoạch giao thông đường sắt qua địa bàn tỉnh Kon Tum tuân thủ theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
		tướng Chính phủ phê duyệt. Theo đó sẽ nghiên cứu, xây dựng các tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên: Kon Tum – Gia Lai - Đắk Nông - Đắk Lắk - Bình Phước dài khoảng 550 km, khổ đường 1435mm, đường đơn. Giai đoạn đầu tư sau năm 2030 khi có điều kiện về nguồn vốn và phát sinh nhu cầu vận tải
	Do điều kiện tự nhiên về địa hình, thủy văn, kinh tế - xã hội của tỉnh Kon Tum, giai đoạn hiện nay và trong những năm tới chưa cân đối được nguồn lực từ ngân sách nhà nước hoặc thu hút được đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân có thể xây dựng được mạng lưới kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, đội tàu vận tải hàng hóa hoạt động hiệu quả, đề nghị nghiên cứu đề xuất tập trung nguồn lực xây dựng, cải tạo, nâng cao chất lượng các bến thủy nội địa trên các vùng lòng hồ thủy điện, thủy lợi để phục vụ dân sinh.	Điều kiện tỉnh Kon Tum không có khả năng để phát triển đường thủy nội địa, nên chỉ tập trung vào đầu tư các bến thủy nội địa dọc sông Đắk Bla và trong các vùng lòng hồ thủy điện để phục vụ dân sinh
	Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện: Đề nghị sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và thống nhất với tiến trình đầu tư các dự án công trình giao thông, đồng thời làm rõ tính khả thi thực hiện, huy động nguồn lực trong quá trình triển khai.	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư đã tập trung vào các trục chính, các tuyến quốc lộ và các tuyến tỉnh lộ trọng yếu, gồm dự án do Trung ương đầu tư và dự án do địa phương đầu tư, mà chủ yếu là đầu tư công và một phần theo hình thức PPP. Dự kiến nguồn vốn từ Trái phiếu chính phủ, ngân sách TW, ngân sách địa phương, PPP, nguồn Xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác
	Hệ thống bản đồ: đề nghị nghiên cứu rà soát thuyết minh, làm rõ; đặc biệt là những nội dung bổ sung so với quy hoạch GTVT của Tỉnh đã được phê duyệt trước đây.	Trong phương án đã thể hiện những vấn đề đã triển khai so với quy hoạch GTVT của Tỉnh đã được phê duyệt trước đây. Tại thời điểm lập, trên cơ sở quy hoạch GTVT được duyệt, đã cập nhật theo quy hoạch quốc gia, hiệu chỉnh bổ sung các tuyến giao thông vận tải mới để phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển hiện nay.
	Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC): - Đề nghị rà soát, xác định các vấn đề môi trường chính và sắp xếp thứ tự ưu tiên trên cơ sở phù hợp với các nội dung của dự thảo Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa báo cáo ĐMC
	- Về nội dung Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch: đề nghị rà soát lại toàn bộ phần căn cứ pháp lý, căn cứ kỹ thuật, lược bỏ các văn bản đã hết hiệu lực (Luật BVMT 2014, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, ...) hoặc không điều chỉnh các nội dung trong ĐMC (Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, ...) bổ sung các văn bản đang có hiệu lực thi hành (Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ...).	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa báo cáo ĐMC
	Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch: đề nghị tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia nêu trên; rà soát văn bản tham gia ý kiến đối với quy hoạch tỉnh Kon Tum trước đây và cập nhật, chỉnh sửa nội dung dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh cho phù hợp trước khi trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Đặc biệt lưu ý bổ sung nội dung về dự báo nhu cầu vận tải các công trình giao thông làm cơ sở xác định quy mô, công suất, tiến trình đầu tư các công trình, bảo đảm tính khoa học, khả thi, sử dụng hiệu quả nguồn lực đối với đồ án quy hoạch.	QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
6	Bộ Khoa học và Công nghệ (Văn bản số /BGĐĐT-KHTC ngày tháng năm 2023)	
	Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ hồ sơ gửi thẩm định còn thiếu Văn bản thống nhất về nội dung quy hoạch của cơ quan, tổ chức lập quy hoạch tỉnh.	QHT đã tiếp thu, bổ sung văn bản
	Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13/4/2020. Theo quy định tại Điều 2, Thủ tướng Chính phủ đã giao Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tổ chức việc lập Quy hoạch tỉnh. Do vậy, những người chịu trách nhiệm chính lập quy hoạch tỉnh không chỉ gồm thành phần như đã nêu tại Báo cáo quy hoạch (Công ty CP tư vấn và thiết kế kiến trúc Việt Nam). Đề nghị lưu ý.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung
	Về quan điểm phát triển (trang 311): đề nghị nghiên cứu thành các nhóm quan điểm chính như quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum; về bảo vệ môi trường; quan điểm về sắp xếp, tổ chức không gian; về tăng cường liên kết, hợp tác phát triển vùng, ... Bên cạnh đó, tỉnh Kon Tum là địa phương có độ che phủ rừng xếp thứ 5/63 tỉnh thành trên cả nước (khoảng 63,02%), đây là nguồn tài nguyên quan trọng của tỉnh. Do vậy trong quan điểm phát triển cần nhấn mạnh nội dung bảo vệ môi trường làm nền tảng, phát triển hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.	BCTH QHT đã tiếp thu tại mục 3.1. Quan điểm phát triển Tỉnh.
	Về mục tiêu (339): Xuyên suốt trong nội dung quy hoạch tỉnh, từ đánh giá điểm mạnh, điểm yếu; các thách thức; quan điểm phát triển cũng như xác định các nhiệm vụ trọng tâm cho thấy tỉnh Kon Tum đã xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) là yếu tố quan trọng trong việc quyết định tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững. Do vậy, đối với các chỉ tiêu phát triển của tỉnh Kon Tum trong thời kỳ quy hoạch, nên bổ sung một số chỉ tiêu về KH,CN&ĐMST để có căn cứ thực hiện góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Về tầm nhìn phát triển tỉnh đến năm 2050 (trang 342): đối với các chỉ tiêu bảo vệ môi trường, đề nghị xem lại quy định về việc sử dụng công nghệ sạch. Đề nghị nghiên cứu theo hướng sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong các ngành kinh tế - xã hội.	BCTH QHT đã tiếp thu tại mục 3.4. Tầm nhìn phát triển Tỉnh đến năm 2050.
	Tại Công văn số 3655/BKH-CN-ĐT-G, Bộ Khoa học và Công nghệ đã lưu ý nội dung lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) không thuộc nhóm “Các ngành, lĩnh vực dịch vụ”, nội dung này đã được tiếp thu, chỉnh sửa. Đồng thời, cũng lưu ý tới việc bổ sung nội dung về “thực trạng hạ tầng KH&CN”, tuy nhiên nội dung này chưa được thể hiện trong Báo cáo quy hoạch tỉnh. Đề nghị bổ sung vào mục 2.7.7. Kết cấu hạ tầng xã hội (trang 258). Đánh giá hiện trạng hạ tầng KH&CN của tỉnh Kon Tum cũng như việc đáp ứng của hạ tầng KH&CN đối với sự phát triển của ngành nói riêng và của tỉnh Kon Tum nói chung. Đồng thời, đề nghị bổ sung phương án phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST của tỉnh Kon Tum (mục 6.8. Phương án phát triển hạ tầng xã hội - trang 587), trong đó thể hiện được phương án bố trí không gian nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển hoạt động KH,CN&ĐMST. Có phương án tăng cường cơ sở vật chất đối với các cơ sở hiện có để phát huy tối đa hiệu quả trong sự phát triển chung của tỉnh.	BCTH QHT đã tiếp thu tại mục 2.6.5. Hiện trạng KH&CN. BCTH QHT đã tiếp thu tại mục 8.6. KH&CN.
	Về phương hướng phát triển KH&CN (trang 454): đề KH,CN&ĐMST thực sự là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển chung của tỉnh Kon Tum trong thời kỳ quy hoạch nên đưa ra lộ trình và tập trung đầu tư	BCTH QHT đã tiếp thu tại mục 4.5.4.2. Phương án phát triển KH&CN.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	KH,CN&ĐMST cho các ngành thế mạnh của tỉnh, tránh đầu tư dàn trải cho tất cả các ngành, lĩnh vực trong cùng một thời điểm. Đồng thời, đề nghị đưa một số chỉ tiêu phát triển cụ thể như: nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/vạn dân; Đầu tư cho KH,CN&ĐMST/tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh; Đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh; Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ/Đầu tư cho KH,CN&ĐMST,... để làm căn cứ triển khai khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.	
	<p>Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (trang 766), đề nghị bổ sung nội dung sau để giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lượng gió, mặt trời và năng lượng tái tạo, năng lượng sạch khác; hạn chế sử dụng năng lượng có chỉ số phát thải các-bon cao, hạn chế nhiệt điện than. - Ưu tiên nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xử lý chất thải nông nghiệp để giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp. 	QHT đã tiếp thu, bổ sung vào phần các giải pháp giảm nhẹ tác động của BĐKH đối với từng lĩnh vực
	<p>Đối với Báo đánh giá môi trường chiến lược:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị ngoài 06 vấn đề môi trường chính đã xác định cần xem xét thêm các vấn đề môi trường khác có tác động tích cực đến Quy hoạch tỉnh, đặc biệt là tình có diện tích che phủ rừng khá cao thì nội dung này cần được nghiên cứu và bổ sung. 	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa báo cáo ĐMC
	<ul style="list-style-type: none"> - Về trách nhiệm của các tổ chức: đề nghị quy định rõ trách nhiệm các các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo chung. Hiện nay trong Báo cáo quy hoạch tỉnh, trách nhiệm chính trong việc bảo vệ môi trường chủ yếu thuộc về Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chưa đủ. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung. 	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị rà soát và đính chính lại tên Sở Kế hoạch và Đầu tư nên tại trang 21 và tên các sông nêu tại trang 247. 	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Về Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: đề nghị căn cứ vào các ý kiến nêu trên để chỉnh sửa cho phù hợp. Đồng thời, bổ sung phương án phát triển hạ tầng KH&CN tại mục VI. Phương án phát triển hạ tầng xã hội (trang 27).	QHT đã tiếp thu, rà soát chỉnh sửa Dự thảo Quyết định phê duyệt thống nhất với báo cáo tổng hợp QHT Kon Tum
7	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Văn bản số /BGĐĐT-KHTC ngày tháng năm 2023)	
	<p>Phần I. Mở đầu</p> <p>Về căn cứ lập quy hoạch (từ trang 4-20):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản quy phạm pháp luật: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành trung ương: Đề nghị bổ sung Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. 	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục IV. Căn cứ pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, lược bỏ những văn bản hết hiệu lực không liên quan đến công tác lập quy hoạch (Thông tư 	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	08/2019/TT-BKHĐT, Thông tư 113/2018/TT-BTC áp dụng cho việc xây dựng dự toán nhiệm vụ lập quy hoạch...)	
	<p>Phần II. Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>a) Mục I. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh.</p> <p>Tại điểm 1.2.1. Dân số và 1.2.2. Lao động và việc làm (trang 47-50): Đề nghị nghiên cứu đánh giá kỹ hơn việc chuyển dịch cơ cấu lao động theo cơ cấu kinh tế; tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng năng suất lao động (vì các yếu tố tăng năng suất lao động và tăng lao động có ảnh hưởng đến tăng trưởng GRDP của tỉnh). Đồng thời, bổ sung dự báo về nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có kỹ năng nghề.</p>	<p>QHT xin được tiếp thu ý kiến, đã rà soát bổ sung tại mục II.Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển tỉnh Kon Tum /2.2. Thực trạng phát triển Xã hội/2.2.2. Lao động và việc làm</p>
	<p>b) Mục II. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng đô thị và nông thôn.</p> <p>- Tại điểm 2.2.1. Dân số và 2.2.2 Lao động và việc làm (từ trang 119-124): Đề nghị làm rõ thêm thông tin, số liệu về cơ cấu lao động theo nhóm tuổi (để làm rõ lực lượng lao động trong nhóm tuổi thanh niên, nguồn nhân lực quan trọng phục vụ cho quá trình phát triển tỉnh Kon Tum); năng suất lao động theo ngành, lĩnh vực; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; dịch chuyển lao động từ tỉnh Kon Tum đến các tỉnh khác và ngược lại.</p>	<p>QHT xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục 2.2. Thực trạng phát triển Xã hội; tuy nhiên, số liệu thống kê của tỉnh thời kỳ trước chưa đầy đủ, thiếu nguồn tham khảo, dẫn chứng, đối chiếu; do đó, quá trình thu thập dữ liệu gặp khó khăn, cơ quan lập quy hoạch sẽ tiếp thu, cập nhật tối đa vào báo cáo.</p>
	<p>- Tại điểm b. Hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trang 267): Đề nghị tách giáo dục nghề nghiệp (trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác) thành một mục riêng vì các trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp không thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp (theo quy định tại khoản 2 Điều 6 luật giáo dục năm 2019); đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực của hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến, phân tách nội dung hệ thống GDTX; GDNN thành mục riêng, tại 2.2.4.3 và 2.2.4.4</p>
	<p>- Tại điểm 2.7. Hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng (trang 258): Đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội bao gồm: Đánh giá về mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội, bao gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy (thuộc Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050); Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Kon Tum (thuộc Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng) và Trung tâm dịch vụ việc làm (thuộc Danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ).</p>	<p>QHT đã tiếp thu và bổ sung tại mục 2.6. Hiện trạng phát triển Kết cấu hạ tầng xã hội</p>
	<p>c) Mục III. Quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển tỉnh.</p> <p>- Tại điểm 3.2. Xây dựng các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển tỉnh (trang 312): Đề nghị bổ sung luận cứ về dự báo quy mô dân số, lực lượng lao động, nguồn nhân lực chất lượng cao, từ đó đưa ra các luận chứng để lựa chọn kịch bản phát triển tích cực.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, các dự báo về quy mô dân số, lao động tại mục 3.2.1. Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển Tỉnh</p>
	<p>- Tại điểm 3.3. Mục tiêu phát triển tỉnh (từ trang 339-342): Đề nghị bổ sung chỉ tiêu “tỷ lệ lao động qua đào tạo” nói chung và rà soát các chỉ tiêu “tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” và “tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm” với tỷ lệ phù hợp với Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã rà soát bổ sung trong mục tiêu cụ thể</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>d) Mục IV. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng (trang 361):</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu, đưa ra các tiêu chí cụ thể (các chỉ số có thể đo lường) để đánh giá, lựa chọn các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm việc lựa chọn các ngành được chính xác, các ngành quan trọng được lựa chọn phải là ngành trọng điểm, mũi nhọn. . . , gắn với lợi thế của tỉnh, có đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tránh việc lựa chọn quá nhiều ngành quan trọng, dẫn đến việc đầu tư không tập trung, trọng điểm, dễ dàn trải, hiệu quả không cao như kỳ vọng.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Tại điểm 4.4.Các lĩnh vực xã hội (trang 430), đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau: “Rà soát, sắp xếp các cơ sở GDNN công lập theo hướng hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phân đầu đưa trường cao đẳng công đồng Kon Tum trở thành trường nghề chất lượng cao; tăng cường công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo nhất là tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp. Nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, thị trường lao động, trong đó, tập trung đào tạo các ngành, nghề trọng điểm theo quy hoạch vùng Tây Nguyên, quy hoạch tỉnh Kontum. Đẩy mạnh đào tạo nhân lực chất lượng cao, đa dạng hóa các hình thức tổ chức đào tạo, đẩy mạnh triển khai đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, đào tạo và đào tạo lại cho người lao động để phát triển nguồn nhân lực, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; triển khai các mô hình đào tạo, đào tạo lại trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác gắn với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025”.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung tại mục 4.5.1</p>
	<p>đ) Mục VI. Phương án phát triển hệ thống đô thị - nông thôn và các khu vực chức năng.</p> <p>Báo cáo tổng hợp quy hoạch đã đề cập đến phương án phát triển hạ tầng thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, bao gồm: giáo dục nghề nghiệp (từ trang 595-596), hạ tầng an sinh xã hội (dịch vụ việc làm, trợ giúp xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng từ trang 604-606) theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Tuy nhiên, đối với các phương án phát triển cần đảm bảo về số lượng cơ sở, quy mô phát triển (quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm đối với cơ sở dịch vụ việc làm, quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng đối với cơ sở bảo trợ xã hội, quy mô tuyển sinh, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ...); định hướng không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này trong thời kỳ quy hoạch.).</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Đối với hạ tầng giáo dục nghề nghiệp, đề nghị nghiên cứu, bổ sung theo nội dung Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (được phê duyệt tại Quyết định số 73/2023/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ) để đảm bảo sự phù hợp, thống nhất của quy hoạch tỉnh với quy hoạch ngành quốc gia. Bổ sung phương hướng liên kết ngành giữa mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các hệ thống giáo dục đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục phổ thông, giáo dục đại học)</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung tại mục 8.2. phương án phát triển lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đảm bảo sự phù hợp, thống nhất của quy hoạch tỉnh với quy hoạch ngành quốc gia. Bổ sung phương hướng liên kết ngành giữa mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các hệ thống giáo dục đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục phổ thông, giáo dục đại học) tại mục 4.5.1 phương hướng phát triển lĩnh vực giáo dục</p>
	<p>e) Mục XIII. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (trang 780 và Phụ lục 9): Đề nghị rà soát, bảo đảm danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện theo phân kỳ đầu</p>	<p>QHT đã rà soát, chỉnh sửa Danh mục dự án ưu tiên đầu tư</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>tư trong thời kỳ quy hoạch (các dự án từ cấp liên huyện trở lên); đối với các dự án, công trình quy mô nhỏ (cấp huyện, xã...) có thể nghiên cứu để đưa vào các danh mục khác. Đồng thời, đề nghị rà soát, bổ sung dự án đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ việc làm, trợ giúp xã hội (gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy) trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư, bảo đảm phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao, tạo việc làm và cung ứng các dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách.</p>	
8	<p>Bộ Ngoại giao (VB 1601/BNG-THKT, ngày 11/04/2023)</p>	
	<p>Về Báo cáo tổng hợp</p>	
	<p>- Về sự cần thiết lập quy hoạch: đề nghị chỉnh sửa đoạn 2 (trang 2) như sau: “Sự tác động của bối cảnh quốc tế, trong nước... đồng thời đàm phán nhiều Hiệp định thương mại tự do lớn (RECP, Việt Nam - Israel, Việt Nam - EFTA)...”.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục I. Sự cần thiết lập quy hoạch tỉnh</p>
	<p>Tại đoạn 3 (trang 01), đề nghị chỉnh sửa lại lỗi kỹ thuật văn bản.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa</p>
	<p>- Về phạm vi, ranh giới lập quy hoạch (trang 02): đề nghị rà soát và đảm bảo sự thống nhất về diện tích tự nhiên đã được nêu tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Đối với ý kiến về diện tích tự nhiên tỉnh Kon Tum tại dự thảo báo cáo Quy hoạch tỉnh (9.677,3 km²) chưa thống nhất với Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum (9.690,5 km²) do diện tích tự nhiên của tỉnh Kon Tum được xác định theo Thống kê đất đai năm 2020 của tỉnh Kon Tum (Theo Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/03/2022 phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai cả nước năm 2020) là 9.677,3 km² đây là số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 của tỉnh Kon Tum. Thời điểm thống kê có sự thay đổi về diện tích tự nhiên của tỉnh so với số liệu các năm trước nguyên nhân do việc xác định lại địa giới hành chính giữa tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai tại ba khu vực do lịch sử để lại theo Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 05/12/2019. Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Kon Tum được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020, thời điểm này chưa thực hiện thống kê đất đai năm 2020 nên số liệu diện tích tự nhiên tỉnh Kon Tum có sự sai khác so với số liệu sử dụng trong báo cáo quy hoạch tỉnh.</p>
	<p>- Về căn cứ lập quy hoạch (trang 04-20), đề nghị rà soát, lược bỏ các văn bản bị trùng lặp (Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022), văn bản đã hết hiệu lực (Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008, Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019, Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17/5/2018, Nghị quyết số 10/2012/NQ-CP ngày 24/4/2012, Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020, Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011, Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011, Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008, Quyết định số 711/2012/QĐ-TTg ngày 13/6/2012, Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006, Quyết định số</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục IV. Căn cứ pháp lý</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013...); bổ sung các văn bản có liên quan (Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 09/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...).</p> <p>Ngoài ra, đề nghị Cơ quan lập quy hoạch rà soát, sắp xếp các văn bản theo nhóm và theo trình tự thời gian ban hành.</p>	
	<p>- Về tác động của vùng và quốc gia đến phát triển của tỉnh (trang 60): đề nghị chỉnh sửa, bổ sung (đoạn 2) như sau: “Kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng, một số Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RECP), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU. ...”.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 1.4.1. Tác động của Vùng và Quốc gia đến phát triển Tỉnh</p>
	<p>- Về tác động của quốc tế và khu vực đến sự phát triển của tỉnh (mục 1.4.2 - trang 62), đề nghị cân nhắc bổ sung một số xu thế lớn như: phát triển bền vững, năng lượng xanh, năng lượng sạch, kinh tế số, chuyển đổi số, thương mại điện tử. ...</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia tại mục 1.4. Các yếu tố của Vùng, Quốc gia và Quốc tế tác động đến phát triển Tỉnh</p>
	<p>- Về các biện pháp triển khai, đề nghị cân nhắc nêu đậm hơn nội dung về hội nhập quốc tế và tận dụng các nguồn lực bên ngoài trong từng lĩnh vực, như: (i) Nâng cao hiệu quả tận dụng các cam kết kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) mà Việt Nam là thành viên; (ii) Chủ động tiếp cận các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế cũng như tham gia hợp tác địa phương trong các khuôn khổ song phương và đa phương mà Việt Nam tham gia nhằm tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý và thu hút đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực trong các lĩnh vực hợp tác, trong đó có hợp tác về kết nối, nhất là kết nối hạ tầng cơ sở, kết nối tiêu vùng; thu hẹp khoảng cách phát triển; dịch vụ hậu cần; phòng, chống, ứng phó, quản lý rủi ro thiên tai; thích ứng biến đổi khí hậu; an ninh lương thực; chuyển đổi năng lượng; hợp tác kinh tế biển; quản lý, sử dụng bền vững nguồn nước; phát triển bao trùm; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. ...; (iii) Xúc tiến thương mại và đầu tư chất lượng cao. ...</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia tại tiết 2. Nguồn vốn ngoài ngân sách. “Mục 16.1. Nhóm giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư”</p>
	<p>- Về các kiến nghị và lưu ý trong giai đoạn xây dựng phương án phát triển hạ tầng cấp điện (trang 241 - 242): đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung: “Huy động nguồn lực quốc tế để đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng”.</p>	<p>Đã có trong nội dung tại mục 4.2.3.3. công nghiệp năng lượng tái tạo</p>
	<p>- Về quan điểm phát triển tỉnh (mục 3.1.4 - trang 312): đề nghị chỉnh sửa như sau: “Phát triển tỉnh Kon Tum trên quan điểm mở và hội nhập..., các nước trong khu vực, các đối tác phát triển và các cơ chế hợp tác quốc tế, bao gồm cả các cơ chế hợp tác của tiêu vùng Mê Công, tiêu biểu như hợp tác khu vực Tam giác phát triển... (EWEC) nhằm thu hút nguồn lực vào các lĩnh vực, khu vực ưu tiên phát triển của vùng với mục tiêu phát triển bền vững và bao trùm”.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 3.1. Quan điểm phát triển Tỉnh, tiêu mục 4.</p>
	<p>- Về mục tiêu phát triển của tỉnh (mục 3.3.1 - trang 339): đề nghị bổ sung như sau: “... Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại; kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 3.3.1. Mục tiêu tổng quát.</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; làm sâu sắc hơn các quan hệ đối ngoại, đặc biệt là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, và trong các khuôn khổ hợp tác tiểu vùng Mê Công như: Hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, Hợp tác Khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần phát triển vùng và đất nước”.</p>	
	<p>- Về xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết (mục 3.5 - trang 345): đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung sau: “Chủ động phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan xây dựng các chương trình, kế hoạch hợp tác cụ thể để hoàn thành “Nội dung hợp tác triển khai Kế hoạch hành động kết nối ba nền kinh tế Campuchia - Lào - Việt Nam đến năm 2030”, thực hiện có hiệu quả “Kế hoạch phát triển ngành công nghiệp cao su bền vững trong khu vực Tam giác phát triển CLV” và “Kế hoạch phát triển ngành du lịch khu vực Tam giác phát triển giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030”; đồng thời, tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế để thu hút nguồn lực từ các nước và các đối tác phát triển trong triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh”.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 3.5. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết.</p>
	<p>Để tạo cơ sở pháp lý cho việc bố trí nguồn vốn đầu tư, xây dựng hạ tầng, kêu gọi hỗ trợ xã hội, đồng thời tạo thuận lợi trong quá trình mở mới, nâng cấp các cửa khẩu biên giới đất liền thuộc địa bàn tỉnh sau này, đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung về phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới trên đất liền trên địa bàn tỉnh như sau:</p> <p>*) Tuyên biên giới Việt Nam - Lào: + Giai đoạn 2021 - 2030: nâng cấp cửa khẩu Đăk Long - Văng Tắt lên cửa khẩu chính. + Giai đoạn đến năm 2050: ++ Nâng cấp cửa khẩu Đăk Long - Văng Tắt lên cửa khẩu quốc tế. ++ Nâng cấp cửa khẩu Đăk Blô - Đăk Bar lên cửa khẩu chính.</p> <p>*) Tuyên biên giới Việt Nam - Campuchia: + Giai đoạn 2021-2030: mở mới cửa khẩu phụ Đăk Kôi - Kon Tuyneak và Hồ Le - Đôn Công an 505. + Giai đoạn đến năm 2050: nâng cấp cửa khẩu Đăk Kôi -Kon Tuyneak và Hồ Le - Đôn Công an 505 lên cửa khẩu chính. Đề nghị rà soát và chỉnh sửa tên gọi cửa khẩu “Đăk Plô” thành “Đăk Blô”.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến, đã bổ sung nội dung tại “mục 8.6. Hệ thống cửa khẩu đường bộ trong hồ sơ QHT”</p>
	<p>- Về danh mục dự án ưu tiên: đề nghị tiếp tục rà soát và sắp xếp danh mục dự án theo thứ tự ưu tiên; tách danh mục đầu tư theo nhóm: từ ngân sách trung ương, từ ngân sách địa phương và danh mục ưu tiên kêu gọi đầu tư; chỉ đưa các dự án từ cấp liên huyện trở lên, các dự án, công trình quy mô nhỏ có thể nghiên cứu để đưa vào các danh mục khác. Danh mục dự án cần đảm bảo phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện theo phân kỳ đầu tư trong thời kỳ quy hoạch.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại PL10. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư</p>
	<p>- Về hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu: đề nghị rà soát và bổ sung trích dẫn nguồn tại một số biểu, bảng; rà soát và đảm bảo các bản đồ thể hiện được rõ ranh giới quốc gia, địa giới hành chính, có tọa độ theo quy định. Các bản đồ, sơ đồ thể hiện phạm vi tổng thể của Việt Nam cần phải có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và được thể hiện bằng chữ viết.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại hệ thống bản đồ</p>
	<p>2.2. Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</p>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	- Về phạm vi, ranh giới quy hoạch: đề nghị rà soát và đảm bảo sự thống nhất về số liệu diện tích tự nhiên với Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Việc chênh lệch diện tích lập quy hoạch tỉnh Kon Tum đã được giải trình theo ý kiến tham gia về Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh (nêu trên)
	- Về quan điểm phát triển, đề nghị chỉnh sửa theo hướng ngắn gọn và súc tích hơn.	
	- Về danh mục dự án ưu tiên đầu tư, đề nghị rà soát và sắp xếp danh mục dự án theo thứ tự ưu tiên; tách danh mục đầu tư theo nhóm: từ ngân sách trung ương, từ ngân sách địa phương và danh mục ưu tiên kêu gọi đầu tư; chỉ đưa các dự án từ cấp liên huyện trở lên.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại phần Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên đầu tư, đảm bảo thống nhất với Báo cáo tổng hợp QHT Kon Tum
	3. Một số ý kiến khác: - Đề nghị bổ sung vào Hồ sơ dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ. - Cần đảm bảo quy hoạch được xây dựng và thực hiện không ảnh hưởng đến các di sản văn hóa, đảm bảo tuân theo các tiêu chí và quy định của UNESCO. - Rà soát và đảm bảo sự thống nhất về nội dung tại các văn bản trong Hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung.	QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa
9	Bộ Nội vụ (VB 1593/BNV-CQDP, ngày 12/04/2023)	
	1. Về Hồ sơ Quy hoạch tỉnh	
	a) Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 6099/BNV-CQDP ngày 02/12/2022 gửi UBND tỉnh Kon Tum và Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Kon Tum gửi kèm theo Văn bản số 1969/CV-HĐTĐ của Hội đồng thẩm định chưa có nội dung tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ về đề nghị bổ sung phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã để làm căn cứ sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Kon Tum nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên của Bộ Nội vụ.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung tại phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng
	b) Về căn cứ lập quy hoạch:	
	- Mục II Phần I Báo cáo tổng hợp: Đề nghị bổ sung Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	QHT đã tiếp thu, bổ sung tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch
	- Phần mở đầu Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội nêu trên.	QHT đã tiếp thu, bổ sung căn cứ pháp lý tại dự thảo Quyết định phê duyệt
	c) Về phương án quy hoạch hệ thống đô thị (khoản 1 Mục IV Điều 1 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Mục VI Phần II Báo cáo tổng hợp):	
	- Đề nghị bổ sung phương án thành lập, điều chỉnh mở rộng địa giới các đơn vị hành chính đô thị của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch theo 02 giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung tại phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng
	- Đề nghị chỉnh sửa Phụ lục I Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo hướng nêu rõ tên, loại	QHT đã tiếp thu tại phụ lục I trang 38

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	đô thị và phương án thành lập, điều chỉnh mở rộng địa giới các đơn vị hành chính đô thị của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch theo 02 giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.	
10	Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn (VB 2249/BNN-KH, ngày 12/04/2023)	
	1. Về hiện trạng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	
	Báo cáo Quy hoạch cơ bản đã tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 8246/BNN-KH ngày 07/12/2022 về việc tham gia ý kiến góp ý đối với dự thảo Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề Báo cáo quy hoạch đầy đủ, hoàn thiện hơn; đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số nội dung như sau:	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Về hiện trạng lâm nghiệp: (1) Đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp (đường lâm nghiệp, trạm bảo vệ rừng; công trình xây dựng chính của các Công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng; công trình phòng cháy, chữa cháy rừng. . .); làm cơ sở đề xuất danh mục dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp trong kỳ quy hoạch tới; (2) về hiện trạng rừng năm 2020, đề nghị thống nhất sử dụng số liệu (diện tích có rừng, diện tích rừng tự nhiên, diện tích rừng trồng, tỷ lệ che phủ rừng. . .) theo Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020.	BCTH QHT đã tiếp thu tại điểm c mục 2.1.2.1. Nông – lâm – thủy sản
	- Về thủy lợi: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng và kết quả thực hiện các mô hình tưới tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở đề xuất giải pháp tưới cho cây trồng cạn trong điều kiện biến đổi khí hậu.	QHT đã tiếp thu, bổ sung tại mục 2.5.4.2. Kết cấu hạ tầng thủy lợi:
	2. Về quan điểm, mục tiêu, định hướng quy hoạch thời kỳ 2021-2030	
	- Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo Nghị Quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội); Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23- 2 NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; các Quy hoạch, Chiến lược phát triển ngành quốc gia. . .nhằm phát huy tối đa lợi thế của địa phương.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Về mục tiêu phát triển ngành: Theo Báo cáo quy hoạch Tỉnh, giai đoạn 2016-2020 ngành nông lâm và thủy sản giảm từ 20,5% xuống còn 20% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh (Hình 2.5, trang 73); tương ứng với cơ cấu tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 66,1% xuống 63,4% (Bảng 2.17, trang 121). Mục tiêu, đến năm 2030 tỷ trọng cơ cấu kinh tế ngành nông lâm và thủy sản còn khoảng 17%; tỷ lệ lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là dưới 25% tổng lực lượng lao động của Tỉnh. Đề nghị làm rõ cơ sở khoa học, thực tiễn và tính khả thi đối với mục tiêu trên.	QHT xin tiếp thu và đã chỉnh sửa nội dung đến năm 2030 tỷ trọng cơ cấu kinh tế ngành nông lâm và thủy sản còn khoảng 17%; tỷ lệ lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là dưới 45% tổng lực lượng lao động của Tỉnh để phù hợp với bối cảnh của Tỉnh
	- Về định hướng chung phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: Trong kỳ quy hoạch, đề nghị Tỉnh quan tâm thực hiện theo Nghị Quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội, cụ thể là “Bảo	BCTH QHT đã tiếp thu tại mục 4.2.3. Phương hướng phát triển ngành Nông nghiệp

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn gắn với bảo đảm an ninh nguồn nước. Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao với quy mô phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả phát triển cây công nghiệp, mở rộng diện tích cây ăn quả, dược liệu, rau, hoa, chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường. Phát triển thủy sản nước lạnh có giá trị cao và nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thủy lợi, thủy điện. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống người làm nghề rừng. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông lâm sản. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh”.</p>	
	<p>- Về định hướng phát triển thủy sản: Đề nghị xác định và quản lý các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên các hệ thống sông và hồ chính (theo định tại khoản 1, Điều 10 Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội).</p>	<p>BCTH QHT đã được đề cập tại điểm d mục 4.2.3.2. Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản</p>
	<p>- Về định hướng phát triển lâm nghiệp (trang 391):</p>	
	<p>+ Đề nghị điều chỉnh tăng độ che phủ rừng từ 64% lên 66%; đảm bảo phù hợp với kế hoạch phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, phối hợp với các tỉnh trong vùng bảo vệ và phát triển rừng, phấn đấu đạt mục tiêu tỷ lệ che phủ rừng của vùng Tây Nguyên đến năm 2030 là trên 47% (Nghị quyết số 23-NQ/TW). Thực hiện quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy định pháp luật về lâm nghiệp; hạn chế tối đa việc chuyển đổi rừng sang mục đích khác ngoài lâm nghiệp, đặc biệt là rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tỷ lệ che phủ rừng tỉnh Kon Tum đến năm 2030 đạt 66%</p>
	<p>+ Đề nghị bổ sung Bảng danh mục các khu rừng đặc dụng (tên, diện tích, địa điểm, loại rừng đặc dụng); đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu phân bổ quy 3 hoạch đất rừng đặc dụng thời kỳ 2021-2030 của Tỉnh (95.015 ha) tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>BCTH QHT đã tiếp thu tại điểm b mục 11.7.2. Phương án phát triển rừng bền vững</p>
	<p>- Về phương án phân bổ kế hoạch sử dụng đất (trang 606-633): Đề nghị báo cáo bổ sung Bảng cân đối đất đai trong kỳ quy hoạch, thể hiện rõ chu chuyển từng loại đất; đảm bảo phân bổ chỉ tiêu các loại đất của Tỉnh phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>QHT xin tiếp thu chỉnh sửa đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu phân bổ theo QĐ 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
	<p>- Về danh mục dự án ưu tiên: Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang triển khai hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Cụm Hồ Đăk Rô Gia - IaTul, thời gian thực hiện 2023-2026, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1.033 tỷ đồng; giai đoạn 2026-2030 dự kiến thực hiện dự án kết nối hệ thống Hồ Đăk A Kôi - Đăk Pô Kei; đề nghị tỉnh rà soát, bổ sung các dự án trên trong kỳ quy hoạch.</p>	<p>Quy hoạch xin tiếp thu chỉnh sửa bổ sung tại phụ lục 10 Danh mục dự án ưu tiên đầu tư</p>
	<p>- Về bản đồ quy hoạch: Bộ Nông nghiệp và PTNT chưa nhận được bản đồ gửi kèm Hồ sơ báo cáo quy hoạch tỉnh Kon Tum theo đúng tỷ lệ quy định; vì vậy, chưa có ý kiến cụ thể về nội dung này</p>	<p>QHT đã chỉnh sửa bản vẽ theo tỷ lệ bản đồ quy định</p>
	<p>- Đề nghị Tỉnh nghiên cứu, tham khảo Dự thảo Báo cáo các Quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Nông nghiệp và PTNT đang tổ chức lập (Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia; Quy hoạch thủy lợi và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai; Quy hoạch khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản) để bổ sung, hoàn thiện Báo cáo quy hoạch.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến</p>
<p>11</p>	<p>Bộ Tài chính (VB số 3334/BTC-NSNN ngày 10/04/2023)</p>	
	<p>1.Nhận xét chung:</p>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>a. Về thành phần hồ sơ quy hoạch: Đã đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch</p> <p>b. Nội dung báo cáo tổng hợp quy hoạch đã bám sát quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13/4/2020</p>	
	<p>2. Về nội dung báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh;</p> <p>a. Về sự phù hợp của các căn cứ pháp lý:</p> <p>Theo quy định của Luật Quy hoạch và nghị định số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 (thay thế nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích 1 số điều của Luật Quy hoạch): Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Các quy hoạch có thể lập đồng thời; quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước; sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Ngày 06/10/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 14/4/2022 và quy hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 39 /2021/QH15 ngày 13/11/2021; các nghị quyết của Chính phủ: số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030; số 64/NQ-CP ngày 06/5/2022 về thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật quy hoạch có hiệu lực thi hành và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030; hướng dẫn về nội dung quy hoạch tỉnh quy định tại điều 27 luật quy hoạch và điều 28 nghị định Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của chính phủ; Nguyên tắc nêu tại điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của luật Quy hoạch; ngoài ra, quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được chính phủ ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 28/10/2022 để tỉnh Quốc hội xem xét, quyết định. Do đó, đề nghị Tỉnh rà soát, cập nhật nội dung các quy hoạch nêu trên đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp và thống nhất.</p>	<p>QHT đã rà soát, cập nhật nội dung các quy hoạch theo ý kiến tham gia vào dự thảo báo cáo</p>
	<p>b. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt; độ tin cậy và sự đầy đủ của số liệu, dữ liệu:</p> <p>Quy hoạch tỉnh được lập trên cơ sở các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội các huyện; thị xã; thành phố; các quy hoạch phát triển ngành của tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và các nội dung còn hiệu lực, còn phù hợp với giai đoạn 2021-2030; các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội của trung ương đối với tỉnh Kon Tum còn hiệu lực. Qua rà soát hồ sơ quy hoạch</p>	<p>QHT xin cảm ơn nhận xét, đánh giá của quý Bộ</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	bám sát phù hợp với nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
	Độ tin cậy và tính đầy đủ của thông tin, số liệu; tính khoa học và khách quan, tính đồng bộ và thống nhất của thông tin, số liệu dữ liệu đầu vào để xây dựng các nội dung trong báo cáo quy hoạch tỉnh: Quy hoạch tỉnh được xây dựng có sự kết hợp giữa thực tế của địa phương với kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm quốc tế của các chuyên gia, nhà khoa học từ các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế...kết hợp với các chuyên gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum, vì vậy có cơ sở để xác định quy hoạch được lập sát với thực tiễn tỉnh Kon Tum.	QHT xin cảm ơn nhận xét, đánh giá của quý Bộ
	<p>c. Về nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch</p> <p>Ngày 28/7/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 29/2021/QH15 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Kon Tum là 12.088,22 tỷ đồng. Đồng thời căn cứ khoản 6 điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội, đối với vốn cân đối ngân sách địa phương, các địa phương được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương trên cơ sở khả năng thu thực tế, bảo đảm không tăng mức bội chi của ngân sách địa phương hằng năm</p> <p>Theo báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Kon Tum trang 784 tổng vốn đầu tư xã hội cần để đạt được mục tiêu phát triển trong kỳ quy hoạch 2021-2030 khoảng 273.000 tỷ đồng (giai đoạn 2021-2025 khoảng 118.000 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 khoảng 155.000 tỷ đồng). Tuy nhiên chưa chi tiết từng năm cho từng nguồn vốn. Đề nghị rà soát nguồn vốn, đảm bảo tính khả thi của quy hoạch tỉnh Kon Tum, dự kiến nguồn vốn NSNN phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao, đồng thời phân kỳ chi tiết nguồn vốn đầu tư theo từng năm đối với từng nguồn vốn và có giải pháp huy động đối với từng nguồn vốn phù hợp</p>	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Bảng 16.1 và Bảng 3.7
12	Bộ Tài nguyên và Môi trường (VB số/BTNMT-KHTC ngày/04/2023)	
	Ngày 12/12/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 7527/BTNMT-KHTC gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản nêu trên.	QHT đã rà soát, chỉnh sửa theo ý kiến tham gia tại công văn số 7527/ BTNMT-KHTC
	Về cơ sở pháp lý, căn cứ pháp lý lập quy hoạch tỉnh: : Bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội Khóa XV về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	QHT đã rà soát, bổ sung tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch
	Về phạm vi lập quy hoạch: Đề nghị rà soát diện tích tự nhiên toàn tỉnh Kon Tum đảm bảo thống nhất giữa dự thảo báo cáo Quy hoạch tỉnh (9.677,3 km2) với Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 (9.690,5 km2).	Về phạm vi lập quy hoạch diện tích tự nhiên của tỉnh Kon Tum được xác định theo Thống kê đất đai năm 2020 của tỉnh Kon Tum (Theo Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/03/2022 phê

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
		<p>duyet và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai cả nước năm 2020) là 9.677,3 km2 đây là số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 của tỉnh Kon Tum. Thời điểm thống kê có sự thay đổi về diện tích tự nhiên của tỉnh so với số liệu các năm trước nguyên nhân do việc xác định lại địa giới hành chính giữa tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai tại ba khu vực do lịch sử để lại theo Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 05/12/2019.</p> <p>Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Kon Tum được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020, thời điểm này chưa thực hiện thống kê đất đai năm 2020 nên số liệu diện tích tự nhiên tỉnh Kon Tum có sự sai khác so với số liệu sử dụng trong dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh.</p>
	<p>Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện (tại mục VII của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050):</p> <p>Về các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đến năm 2030: Tại bảng 7.1 Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xác định 21/25 chỉ tiêu sử dụng đất bằng chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 40 kèm theo Quyết định này), có 03 chỉ tiêu sử dụng đất xác định cao hơn cấp quốc gia phân bổ (trong đó, đất nông nghiệp cao hơn 312 ha, đất phát triển hạ tầng cao hơn 1.141 ha, đất đô thị cao hơn 28.506 ha); có 01 chỉ tiêu sử dụng đất thấp hơn chỉ tiêu quốc gia phân bổ (đất khu kinh tế thấp hơn 54.438 ha)</p>	<p>Các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh xác định chênh lệch với cấp quốc gia phân bổ, giải trình như sau: (1) Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng đề xuất tăng 1.141 ha do trong thời kỳ 2021-2030 hạ tầng của tỉnh được đầu tư phát triển mạnh với các tuyến cao tốc Ngọc Hồi – Kon Tum – Pleiku, tuyến cao tốc Kon Tum – Quảng Ngãi, Cảng hàng không Măng Đen; hạ tầng mạng lưới cấp thoát nước, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng các khu xử lý chất thải rắn phục vụ phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ và phát triển các đô thị mới và khu du lịch Măng Đen. (2) Chỉ tiêu đất đô thị đề xuất cao hơn 28.506 ha nguyên nhân chủ yếu là do tỉnh quy hoạch mở rộng không gian đô thị, đẩy mạnh nâng cấp các đô thị vệ tinh như quy hoạch trung tâm huyện lỵ Kon Rẫy, trung tâm huyện lỵ Ia H’Drai, trung tâm huyện lỵ Tu Mơ Rông đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, hình thành thị xã Ngọc Hồi trên cơ sở huyện Ngọc Hồi, hình thành đô thị Mô Rai đạt đô thị loại V trên cơ sở xã Mô Rai huyện Sa Thầy nên tổng diện tích đất đô thị cấp tỉnh xác định đến năm 2030 có chênh lệch so với cấp quốc gia phân bổ. (3) Chỉ tiêu Đất khu kinh tế 16.000 ha (đề xuất giảm 54.438 ha) đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương điều chỉnh quy mô Khu kinh tế giảm còn 16.000 ha, để tập trung nguồn lực đầu tư có trọng điểm, trình bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thủ tướng chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch KKT theo tờ trình số 46/TTR-UBND ngày 20/4/2020.</p>
	<p>Đề nghị rà soát, giải trình làm rõ một số nội dung chính sau:</p>	
	<p>- Đất phát triển hạ tầng (đề xuất tăng 1.141 ha), đề nghị giải trình, làm rõ cơ sở pháp lý, khả năng thực hiện các công trình, dự án làm cơ sở đề xuất tăng diện tích đất phát triển hạ tầng nêu trên.</p>	
	<p>- Đất khu kinh tế (đề xuất giảm 54.438 ha): Khu kinh tế Bờ Y được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 8 tháng 02 năm 2007 với quy mô 70.438 ha, theo giải trình của Tỉnh thì sau gần 20 năm thành lập, đến nay việc thực hiện còn chậm so với nhiều mục tiêu đề ra, do vậy Ban thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương điều chỉnh quy mô khu kinh tế còn 16.000 ha. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum làm việc với Bộ Kế hoạch Đầu tư xem xét thực trạng, thống nhất xác định lại diện tích Khu kinh tế Bờ Y trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định làm cơ sở điều chỉnh giảm diện tích Khu kinh tế Bờ Y trong Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	
	<p>- Đất đô thị (đề xuất cao hơn 28.506 ha), đề nghị giải trình đầy đủ về cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, có dẫn chứng số liệu minh chứng cụ thể diện tích các khu đô thị, khu vực phát triển đô thị làm cơ sở đề nghị tăng diện tích đất rất đất đô thị nêu trên.</p>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>- Đề nghị giải trình làm rõ diện tích chuyển mục đích sử dụng đất tại bảng 7.8 (trang 636) và bảng 7.7 (trang 623), trong đó có việc chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang đất phát triển hạ tầng, đất khoáng sản, đất đô thị, ... phải thực hiện theo các quy định pháp luật về đất đai, lâm nghiệp, chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và Nghị quyết số 71/NQCP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, theo đó, không chuyển mục đích rừng tự nhiên hiện có sang mục đích khác, trừ các dự án phục vụ mục đích quốc phòng an ninh hoặc các dự án đặc biệt, cấp thiết do Chính phủ quyết định.</p>	<p>Về việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp để thực hiện các chương trình, dự án, việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên để thực hiện các công trình, dự án cần thực hiện đúng theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017, cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng rà soát việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp để thực hiện các chương trình, dự án theo hướng (i) không chuyển đổi đất lúa và được quản lý nghiêm ngặt; (ii) việc chuyển đổi đất lâm nghiệp chỉ được thực hiện đối với các công trình cấp quốc gia, các công trình trọng điểm phục vụ quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương.</p>
	<p>- Rà soát Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đảm bảo thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (sửa đổi Điều 39 Luật Đất đai), khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p>	<p>QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa tại mục VII. Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện</p>
	<p>- Về một số chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh xác định theo thẩm quyền trong quá trình lập quy hoạch tỉnh không được làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ; rà soát lại các công trình, dự án trong thời kỳ quy hoạch để đảm bảo không vượt quá chỉ tiêu sử dụng đất hoặc còn thiếu gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các nội dung có liên quan đến đất đai cần thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật đất đai. Đề nghị rà soát diện tích các khu chức năng tăng cao như: khu du lịch 145.820ha, khu dân cư nông thôn 37.465 ha, khu lâm nghiệp 640.985ha khu, khu phát triển công nghiệp 2.305 ha, Khu thương mại - dịch vụ 809 ha.</p>	<p>Về một số chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh xác định theo thẩm quyền như đất khu du lịch, đất thương mại dịch vụ... trong quá trình lập quy hoạch tỉnh đã được xác định trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong quy hoạch tỉnh Kon Tum đến năm 2030, có rà soát đánh giá khả năng thu hút đầu tư, vốn đầu tư công và tiến độ thực hiện các dự án sử dụng vào các loại đất nông nghiệp; kế hoạch đầu tư công trung hạn, các công trình trọng điểm trong quy hoạch tỉnh, khả năng thu hút vốn đầu tư tư nhân, tiến độ thực hiện các công trình dự án, bồi thường giải phóng mặt bằng, các công trình phục vụ nâng cấp phát triển đô thị, xây dựng hệ thống đô thị và nông thôn mới của các huyện, thành phố và không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ theo quyết định 326.</p>
	<p>5. Hiện nay, Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2022. Vì vậy, quá trình thực hiện đề nghị rà soát, cập nhật các nội dung, thông tin dữ liệu để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các Quy hoạch nêu trên theo quy định.</p>	<p>QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa, rà soát cập nhật Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại mục XI. Phương án bảo vệ, khai thác, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra</p>
	<p>6. Về phương án xử lý chất thải nguy hại: Chưa làm rõ được công nghệ xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải công nghiệp và xây dựng. Đề nghị rà soát, hạn chế đầu tư các lò đốt chất thải quy mô nhỏ; nghiên cứu xử lý, tái chế chất thải để bảo đảm hiệu quả kinh tế, môi trường.</p>	<p>Đã rà soát, chỉnh sửa tại mục 7.7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>Ngày 15 tháng 3 năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1617/BTNMT-KSONMT (Công văn gửi kèm theo) gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thực hiện quy định của Luật Bảo vệ môi trường đối với nội dung quy hoạch các khu xử lý chất thải. Đặc biệt, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 “cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp cơ sở đồng xử lý chất thải nguy hại”. Tuy nhiên, mục 6.7.7 của Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn mới tập trung chủ yếu vào nội dung chất thải rắn sinh hoạt, chưa có định hướng cụ thể về phương án vị trí, quy mô của các khu xử lý chất thải tập trung có liên quan đến chất thải nguy hại. Do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum thực hiện quy hoạch các khu xử lý chất thải khi xây dựng quy hoạch tỉnh theo Công văn 1617/BTNMT-KHONMT nêu trên.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến</p>
	<p>7. Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: trong Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Kon Tum mới chỉ nêu được diện tích quy hoạch vườn quốc gia, khu bảo tồn, các cơ sở phục vụ bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học, chưa cụ thể hóa được mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các khu vực này.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến</p>
	<p>- Tại Mục 9.4. Phương án bảo tồn đa dạng sinh học, sinh cảnh quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên (trang 729) đề xuất: + Vườn quốc gia (VQG), khu bảo tồn (KBT): Nâng cấp, mở rộng VQG Chư Mom Ray; Giữ nguyên: Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, Rừng đặc dụng Đăk Uy, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Plông, Khu Du lịch sinh thái Măng Đen; Đề xuất thành lập mới: Khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước Yaly, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh đất ngập nước Sông Se San - hồ Yaly; + Cơ sở Bảo tồn: Tiếp tục duy trì vườn thực vật hiện có ở VQG Chư Mom Ray, VQG Ngọc Linh và KBT loài – sinh cảnh Đăk Uy, Vườn thú hiện có ở VQG Chư Mom Ray, Trung tâm cứu hộ động vật ở VQG Chư Mom Ray; Thành lập mới vườn thực vật ở khu du lịch sinh thái và bảo vệ cảnh quan Măng Đen, Vườn thú ở VQG Ngọc Linh và KBT loài – sinh cảnh Đăk Uy, Trung tâm cứu hộ động vật ở VQG Ngọc Linh; + Hành lang đa dạng sinh học: Đến năm 2030 dự kiến thành lập mới hành lang đa dạng sinh học Ngọc Linh – Ngọc Linh trên địa bàn xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum diện tích khoảng 2.336 ha. Tuy nhiên Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần làm rõ các đối tượng trong quy hoạch tỉnh như sau: (1) khu vực đa dạng sinh học cao, (2) vùng đất ngập nước quan trọng, (3) khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, (4) hành lang đa dạng sinh học, (5) khu bảo tồn thiên nhiên, (6) cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo (Khoản 9, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch); đối tượng thành lập mới bao gồm thông tin chi tiết về mục tiêu, diện tích, vị trí địa lý, giới hạn, biện pháp tổ chức quản lý và các đánh giá khả thi (có ý kiến tham vấn cộng đồng khu vực dự kiến thành lập) làm căn cứ quyết định việc đưa vào quy hoạch. Các đề xuất này cần rà soát đối chiếu và thống nhất với Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang trình Thủ</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến, sau khi rà soát đã đề xuất bỏ khu thành lập mới: Khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước Yaly. Các nội dung còn lại xin được cập nhật bổ sung trong báo cáo.</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	tướng Chính phủ phê duyệt	
	<p>- Về nội dung tại Thuyết minh tổng hợp và Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:</p> <p>+ Mục 1.1.3.4. Tài nguyên sinh vật: Đề nghị rà soát, cập nhật số liệu mới về đa dạng sinh học và bổ sung nội dung về diễn biến đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Thuyết minh tổng hợp);</p>	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<p>+ Mục 9.2. Mục tiêu về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học: bổ sung mục tiêu về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, đặc biệt là bảo vệ nguồn gen và các loài động thực vật quý hiếm, đặc hữu của địa phương (Thuyết minh tổng hợp);</p>	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<p>+ Mục tiêu phát triển đến năm 2030 (mục tiêu cụ thể) về môi trường: bổ sung mục tiêu về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, đặc biệt là bảo vệ nguồn gen và các loài động thực vật quý hiếm, đặc hữu của địa phương (Quyết định phê duyệt – Trang 6).</p>	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<p>- Về phương án phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: lưu ý khi triển khai tuân thủ theo quy chế quản lý, với mục tiêu gắn kết, lồng ghép giữa mục tiêu bảo tồn và phát triển sinh kế. Trước hết cho các cộng đồng sống trong vùng đệm khu bảo tồn, hướng tới giảm thiểu áp lực lên tài nguyên thiên nhiên trong vùng lõi. Giảm thiểu hoạt động khai thác trái phép, bảo vệ các loài động, thực vật quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học. Đảm bảo cân bằng sinh thái, phục vụ mục đích du lịch, nghiên cứu, giáo dục, điều hòa khí hậu, thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu lên các đối tượng đa dạng sinh học.</p>	Đã lồng ghép vào mục tiêu của phương án, đồng thời là cơ sở để xây dựng phương án và định hướng phân vùng, bảo tồn.
	<p>8. Về Phương án bảo vệ môi trường tại các vùng môi trường chưa bám sát theo phân vùng môi trường, trong đó vùng bảo vệ nghiêm ngặt chỉ đề cập đến hệ thống các khu bảo tồn, vườn quốc gia, các khu di sản, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh mà chưa đề cập đến các khu đô thị, khu dân cư và nguồn cấp nước cho mục đích sinh hoạt. Do đó, đề nghị rà soát, bổ sung phù hợp với phân vùng môi trường theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p>	Đã rà soát, chỉnh sửa tại mục 11.3. Phương án bảo vệ môi trường tại các vùng môi trường
	<p>- Về phương án về quan trắc môi trường và đa dạng sinh học cơ bản thực hiện theo Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030, chưa có sự kết nối với mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, liên tỉnh, chưa làm rõ các thông số và tần suất quan trắc đa dạng sinh học.</p>	Đã rà soát, chỉnh sửa tại mục 11.6 Phương án về điểm, tần suất quan trắc môi trường đất, nước, không khí (đã chỉnh sửa cả phụ lục)
	<p>- Các nội dung về hiện trạng môi trường và công tác môi trường chưa được phân tích và đánh giá cụ thể về sự thay đổi đối với chất lượng môi trường qua các năm, sự phù hợp của công tác quản lý chất thải và hiện trạng các khu xử lý chất thải.</p>	Đã rà soát, chỉnh sửa tại mục 2.7.1. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường
	<p>9. Về phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BTNMT ngày 18 tháng 4 năm 2022 quy định về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và đánh giá khí hậu quốc gia. Do vậy đối với các nội dung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, đề nghị thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01</p>	QHT tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung nội dung phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu (hiện tại trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Kon Tum, việc đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đang được thực hiện theo Thông tư số 08/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và đánh giá khí hậu quốc gia).</p>	<p>vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu; văn bản số 5858/BNN-PCTT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
	<p>10. Về địa chất và khoáng sản trong quy hoạch:</p> <p>- Cần đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước cũng như hiệu quả của việc quy hoạch kỳ trước, trong đó có phân tích số liệu cụ thể về hiện trạng tài nguyên như đánh giá chi tiết cấp phép thăm dò, khai thác, sản lượng đã khai thác, mức độ tiêu thụ, trữ lượng (tài nguyên) khoáng sản đã quy hoạch, trữ lượng (tài nguyên) khoáng sản đã quy hoạch còn lại tới thời điểm quy hoạch mới. Nghiên cứu, xác định nhu cầu nguyên liệu khoáng sản cho các dự án và phát triển kinh tế xã hội vùng thời kỳ để xây dựng kế hoạch phân kỳ thăm dò, khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép, gồm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đá xây dựng, cát, sỏi xây dựng, đất làm vật liệu san lấp công trình. . .) và một số điểm mỏ khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, tránh phải điều chỉnh, bổ sung sau khi Quy hoạch được phê duyệt. Chưa định hướng quy hoạch tầm nhìn đến 2050 nên cần xem xét, bổ sung.</p>	<p>Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum được xây dựng và đánh giá dựa trên các kết quả quy hoạch kỳ trước.</p>
	<p>- Hiện nay, Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản (kể cả khoáng sản làm vật liệu xây dựng) cả nước lập theo Luật Quy hoạch đang được Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng hoàn thiện để trình phê duyệt. Do đó, đề nghị không quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến đối với các khu vực khoáng sản không thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum mà chỉ thống kê số lượng khu vực khoáng sản theo quy hoạch Trung ương để đưa ra số liệu dự báo về sử dụng đất đai, lao động, phát triển hạ tầng. . . nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung. Đối với các diện tích chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ, đề nghị không đưa vào hồ sơ quy hoạch.</p>	<p>QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa và rà soát</p>
	<p>- Đối với danh mục một số khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác (Phụ lục 6.1); Danh mục các điểm mỏ quy hoạch, đề xuất bổ sung quy hoạch (Phụ lục 6.2, 6.3, 6.4, 6.5): Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum rà soát các điểm mỏ trong danh mục để đảm bảo việc quản lý khoáng sản theo thẩm quyền được giao, ví dụ: Phụ lục 6.4, Khoáng sản II.1, II.2 (Khoáng sản làm vật liệu thông thường (đá xây dựng, mỹ nghệ), Phụ lục 6.5, Khoáng sản I.3(Đá secpentinit làm đá ốp lát), . . .</p>	<p>QHT đã tiếp thu và chỉnh sửa tại thác (Phụ lục 6.1; Phụ lục 6.2, 6.3, 6.4, và 6.5):</p>
	<p>11. Về cơ sở dữ liệu và bản đồ:</p> <p>- Việc lập bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh cần thực hiện theo đúng quy định tại Mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; cần thể hiện đầy đủ các công trình, dự án và các khu vực sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 lên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Bổ sung bản đồ thu nhỏ vào báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bản đồ theo ý kiến tham gia</p>
	<p>- Đối với bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần tuân thủ theo quy định tại</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bản đồ theo ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Điều 41, Luật Quy hoạch cũng như tại điểm b khoản 5 Điều 41 và khoản 1 Điều 47 của Luật Đo đạc và bản đồ. Việc xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch cần được thực hiện trên cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp. Tỷ lệ bản đồ dùng cho quy hoạch cần tuân thủ theo mục IX phụ lục 1 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và bổ sung chú giải cho các đối tượng quy hoạch.	
	- Bản đồ phương án thăm dò, khai thác sử dụng bảo vệ tài nguyên thì nội dung bản đồ đã thể hiện chi tiết các khu vực mỏ, số hiệu khu vực quy hoạch và chỉ thể hiện các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh; bổ sung khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản, khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản. Ngoài ra, các bản đồ chưa thể hiện tọa độ địa lý 4 góc khung, số hiệu bản đồ và các yếu tố địa hình....	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bản đồ theo ý kiến tham gia
13	Bộ Thông tin và Truyền thông (VB số/BTTTT-VC ngày//2023)	
	<p>Nhận xét chung về hồ sơ quy hoạch</p> <p>1. Danh mục hồ sơ: Danh mục hồ sơ quy hoạch tỉnh Kon Tum đầy đủ tính hợp lệ theo quy định tại Điều 4: Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.</p> <p>2. Kết luận: thành phần hồ sơ Quy hoạch tỉnh Kon Tum đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.</p>	QHT xin cảm ơn nhận xét, đánh giá của quý Bộ
	<p>Nhận xét cụ thể về nội dung quy hoạch</p> <p>1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch theo quy định tại các Điều 12, 14 và 15 của Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.</p> <p>a) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt</p> <p>Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch: “Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”: phù hợp với tên quy hoạch trong nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.</p>	QHT xin cảm ơn nhận xét, đánh giá của quý Bộ
	<p>b) Nội dung quy hoạch theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ</p> <p>Báo cáo Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.</p>	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ và Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/08/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 37/2019/NĐ-CP
	<p>2. Nhận xét, đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông</p> <p>2.1. Ý kiến tổng quan đối với báo cáo tổng hợp</p> <p>a. Những nội dung chưa tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản số 5717/BTTTT-VCL ngày 24/11/2022 về việc tham gia ý kiến Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, báo cáo tổng hợp</p>	QHT tiếp thu cập nhật bổ sung tại mục 2.5.5 Hạ tầng Thông tin - Truyền Thông (Phần hiện trạng Bưu chính và hiện trạng Viễn thông)

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>chưa tiếp thu một số ý kiến góp ý, cụ thể như sau:</p> <p>- Trang 250, mục 2.7.5.2. Viễn thông: chưa bổ sung hiện trạng công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, hạ tầng mạng truyền dẫn liên tỉnh, nội tỉnh, vùng chưa có hạ tầng mạng cấp, hạ tầng mạng thông tin di động theo công nghệ, theo loại hình cột ăng ten, vùng lốm sổng, sổng yếu.</p>	
	<p>Trang 252, mục 2.7.5.3. Công nghệ thông tin: chưa bổ sung hiện trạng chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong cơ quan nhà nước; nguồn nhân lực công nghệ thông tin và hiện trạng kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số.</p>	<p>QHT tiếp thu cập nhật bổ sung trang Hiện trạng TT và truyền thông (<i>Công nghệ thông tin/ Hiện trạng chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong các cơ quan nhà nước tại Kon Tum:</i>) phản hiện trạng công nghệ thông tin (Mục 2.5.5.3)</p>
	<p>Trang 580, mục 6.7.6. Phương án phát triển mạng lưới thông tin, viễn thông, chưa chỉnh sửa thành ‘Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông’ và chưa bổ sung những nội dung sau:</p> <p>+ Mục tiêu, chỉ tiêu và phương án phát triển hạ tầng mạng thông tin di động, hạ tầng mạng cấp, hạ tầng viễn thông thụ động.</p> <p>+ Mục tiêu, chỉ tiêu và phương án phát triển của từng lĩnh vực cụ thể bao gồm: bưu chính, công nghệ thông tin, kinh tế số, xã hội số và mạng lưới báo chí, truyền thông.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia tại mục 7.6.2. Mục tiêu, phương án phát triển từng lĩnh vực cụ thể</p>
	<p>b. Ý kiến tổng quan</p> <p>Bản dự thảo báo cáo tổng hợp chưa đầy đủ nội dung về thông tin và truyền thông. Đề nghị nghiên cứu khoản 3, Điều 6 Luật Quy hoạch để rà soát tính thống nhất, phù hợp của quy hoạch tỉnh với quy hoạch vùng và quy hoạch cấp quốc gia. Liên quan tới lĩnh vực viễn thông, nội dung Quy hoạch tỉnh phải bao gồm Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh. Liên quan tới các lĩnh vực khác thuộc ngành thông tin và truyền thông như thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, an toàn an ninh mạng, công nghiệp công nghệ thông tin... đề nghị tham khảo các quy định cụ thể để bổ sung nội dung về hiện trạng, mục tiêu và phương án phát triển còn thiếu.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Đề nghị rà soát các nội dung liên quan tới mục tiêu phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông đồng bộ, thống nhất với các chỉ tiêu, định hướng phát triển của các văn bản có liên quan (Chiến lược quốc gia về phát triển Kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 - Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022; dự thảo Quy hoạch hạ tầng ngành Thông tin và Truyền thông) đồng thời bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Quy hoạch phát triển địa phương cần gắn kết với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và quy hoạch phát triển của vùng, đồng thời gắn kết với định hướng phát triển của ngành trong thời kỳ tới. Các mục tiêu của tỉnh cần ưu tiên các giải pháp liên kết vùng, tận dụng lợi thế của các địa phương lân cận có thế mạnh về nguồn lực để triển khai đồng bộ với định hướng phát triển của ngành trên cơ sở tìm ra tiềm năng, lợi thế của tỉnh, từ đó xác định tính đặc thù và yếu tố khác biệt của địa</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và cập nhật</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>phương gắn với yêu cầu quy hoạch của tỉnh. Bên cạnh đó, quy hoạch cũng cần đưa ra các yêu cầu phát triển mang tính đột phá, đổi mới nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội. Dự thảo quy hoạch trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh Kon Tum chưa thể hiện được những nội dung này.</p>	
	<p>Đề nghị căn cứ vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực có liên quan (giao thông, xây dựng, năng lượng, ...) tại địa phương để nghiên cứu, bổ sung các mục tiêu, giải pháp phát triển hạ tầng viễn thông thụ động, hạ tầng mạng cáp, hạ tầng mạng thông tin di động trong quá trình triển khai phát triển hạ tầng liên ngành như giao thông, xây dựng năng lượng, ... nhằm tạo cơ sở cho việc xây dựng, triển khai đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và nâng cao hiệu quả sử dụng chung cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Dự thảo quy hoạch trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh Kon Tum chưa đưa ra được mục tiêu, giải pháp để giải quyết vấn đề này.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và cập nhật</p>
	<p>Đề nghị nghiên cứu các phương án phát triển thông tin và truyền thông theo hướng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương. Những định hướng/phương án thể hiện tại dự thảo quy hoạch trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh chưa đề cập rõ ràng đến nội dung này. Cần tăng cường áp dụng công nghệ số, nền tảng số, các thành tựu khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực để phát triển sản xuất, kinh doanh. ... Đề nghị nghiên cứu Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, từ đó thực hiện rà soát, nghiên cứu và đưa ra các giải pháp nhằm bám sát chỉ tiêu của cả nước, đảm bảo đạt được mục tiêu cơ bản đến năm 2030.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và cập nhật</p>
	<p>2.2. Ý kiến cụ thể đối với báo cáo tổng hợp Trang 249, mục 2.7.5. Hạ tầng thông tin và truyền thông, đề nghị bổ sung hiện trạng của lĩnh vực báo điện tử, thông tin điện tử, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia tại mục hiện trạng Thông tin – truyền thông Mục 2.5.5.</p>
	<p>Trang 249, mục 2.7.5.2. Bưu chính, đề nghị bổ sung hiện trạng phát triển mạng đường thư cấp 2, 3; mạng vận chuyển công cộng; cơ cấu dịch vụ bưu chính, dịch vụ liên quan đến chính quyền điện tử, dịch vụ liên quan đến thương mại điện tử và logistics, tỷ lệ bưu gửi/người; hiện trạng chuyển đổi số, ứng dụng địa chỉ số và tham gia sàn thương mại điện tử của các doanh nghiệp bưu chính; phân tích sự phát triển bưu chính đối với nhu cầu thương mại số, logistics trong đặc thù của tỉnh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia tại mục hiện trạng Thông tin – truyền thông Mục 2.5.5.</p>
	<p>Trang 254, phần b). Hiện trạng triển khai xây dựng đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số, nhân lực số trên địa bàn tỉnh, đề nghị bổ sung nội dung về hiện trạng phát triển kinh tế số, xã hội số, nhân lực số trên địa bàn tỉnh cho tương ứng với nội dung tại phần b.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, đã bổ sung nội dung tại tiết (3) Hiện trạng triển khai xây dựng đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số, nhân lực số trên địa bàn tỉnh, tiêu mục 2.5.5.3. Công Nghệ thông tin – trang 266</p>
	<p>Trang 255, phần c). Công nghiệp công nghệ thông tin, đề nghị bổ sung hiện trạng của lĩnh vực này bao gồm số lượng các doanh nghiệp công nghệ số (nếu có); số lượng doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, cung cấp dịch vụ phần cứng, điện tử, sản xuất, gia công, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phần mềm và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nội dung số.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, đã bổ sung nội dung tại tiết (4) Công nghiệp công nghệ thông tin: tiêu mục 2.5.5.3. Công Nghệ thông tin – trang 268</p>
	<p>Trang 313, mục 3.1. Quan điểm phát triển tỉnh, đề nghị bổ sung thêm quan điểm phát triển ngành Thông tin</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, xin phép được bổ sung nội dung</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>và Truyền thông như sau “Hoàn thiện môi trường pháp lý, bổ sung, kiến tạo, xây dựng hệ thống thể chế phù hợp, thể chế cần phải đi trước một bước tạo động lực cho chuyển đổi số. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các ứng dụng, dịch vụ. Trong đó, bảo đảm an toàn thông tin mạng là yếu tố xuyên suốt, không thể tách rời để chuyển đổi số thành công và bền vững. Tập trung thực hiện 3 trụ cột của chuyển đổi số: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp với quy mô và xu hướng phát triển thông tin và truyền thông hiện đại, đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong việc truyền tải thông tin đến công chúng, đảm bảo các đối tượng trong tình cũng được tiếp cận các thông tin cơ bản; đảm bảo an ninh - quốc phòng, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững”.</p>	<p>này tại tiểu mục 7.6.1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển - Mục 7.6. Phương án phát triển Thông tin – Truyền thông.</p>
	<p>Trang 341, điểm b. Mục tiêu tổng quát, đề nghị bổ sung mục tiêu cụ thể cho các lĩnh vực thuộc ngành Thông tin và Truyền thông để có những mục tiêu định lượng được cho từng giai đoạn đến 2025, đến 2030.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Trang 580, mục 6.7.6. Phương án phát triển mạng lưới thông tin, viễn thông, đề nghị nghiên cứu Luật Quy hoạch và Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/06/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông để xác định rõ phạm vi, quy mô của hạ tầng viễn thông thụ động, từ đó thể hiện chính xác hơn nội dung của mục này. Bổ sung mục tiêu, phương án phát triển của những lĩnh vực còn thiếu thuộc ngành thông tin và truyền thông (buu chính, an toàn thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin, báo chí, truyền thông. . .)</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và cập nhật</p>
	<p>Trang 785, mục XIII. Danh mục các dự án và thứ tự ưu tiên đầu tư, đề nghị xem xét, bổ sung các chương trình, đề án, dự án cần thiết liên quan tới phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số nhằm đảm bảo sẵn sàng hạ tầng để phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; làm rõ cơ sở của việc xây dựng dự toán và nguồn vốn thực hiện nhằm đảm bảo tính hiệu quả, khả thi của các dự án liên quan tới lĩnh vực viễn thông</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và rà soát</p>
	<p>2.3. Ý kiến cụ thể đối với dự thảo Quyết định phê duyệt Trang 24, mục 3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, đề nghị bổ sung phương án phát triển các lĩnh vực còn thiếu trong hạ tầng thông tin và truyền thông thống nhất với nội dung đã được thể hiện tại hiện trạng thông tin và truyền thông của Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Các nội dung về viễn thông đã đề cập trong dự thảo Quyết định đang dừng lại ở việc xác định các mục tiêu; chưa có phương án phát triển và giải pháp thực hiện, chưa đồng bộ với các nội dung đã trình bày trong báo cáo Thuyết minh Quy hoạch; chưa đề cập đầy đủ, chi tiết các nội dung yêu cầu của Luật Quy hoạch và Quyết định số 510/QĐ-TTg. Đề nghị đồng bộ nội dung giữa dự thảo Quy hoạch với Dự thảo báo cáo thuyết minh; bổ sung phương án phát triển, giải pháp thực hiện và bổ sung đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Luật Quy hoạch, của Quyết định số 510/QĐ-TTg vào Dự thảo Quyết định phê duyệt hành Quy hoạch.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Đề nghị nghiên cứu sự đồng bộ giữa kế hoạch phát triển hạ tầng của các doanh nghiệp viễn thông với dự thảo Quy hoạch để đảm bảo tính khả thi khi thực hiện; có cơ chế giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch hàng năm của doanh nghiệp nhằm đảm bảo hiệu quả tổ chức thực hiện kế hoạch.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>2.4. Ý kiến cụ thể đối với bản đồ</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Bản đồ số QH -02.17: Bản đồ hiện trạng phát triển thông tin và truyền thông, đề nghị thể hiện hiện trạng hạ tầng mạng cáp quang liên tỉnh, nội tỉnh; hạ tầng mạng thông tin di động trên địa bàn tỉnh.	
14	Bộ Xây dựng (VB số 1534/BXD-QHKT ngày 19/04/2023)	
	1. Về căn cứ lập quy hoạch Bổ sung, nghiên cứu, rà soát cập nhật Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch
	2. Về đánh giá hiện trạng phát triển:	
	a) Hiện trạng phát triển đô thị: - Tại điểm a mục 2.6.2 (trang 189) Báo cáo Tổng hợp quy hoạch tỉnh Kon Tum, đánh giá hiện trạng thành phố Kon Tum là đô thị loại III. Tuy nhiên hiện nay, thành phố Kon Tum đã là đô thị loại II theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 10/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, đề nghị cập nhật số liệu hiện trạng thành phố Kon Tum năm 2022.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa nội dung TP Kon Tum đã được công nhận đô thị loại II vào ngày 10/01/2023 tại mục 2.4. Hiện trạng phát triển hệ thống Đô thị, nông thôn và các khu chức năng
	- Đề nghị bổ sung số liệu hiện trạng về dân số đô thị, tỷ lệ đô thị hóa năm 2021, 2022 tại hồ sơ Quy hoạch tỉnh Kon Tum.	QHT được lập đã đảm bảo tuân thủ nhiệm vụ QHT Kon Tum đã được phê duyệt, trong đó, các số liệu hiện trạng được nghiên cứu, tổng hợp trong tầm thời kỳ 2011-2020
	b) Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật: - Bổ sung thực trạng, tình hình quản lý, đầu tư phát triển và vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung.	Bổ sung thực trạng, tình hình quản lý, đầu tư phát triển và vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung, tại mục 2.5.2 và cập nhật mục 2.5.2.4. Những khó khăn, vướng mắc trong quản lý, phát triển cấp, thoát nước
	- Tại Mục II.2.5 Phần II. Hiện trạng sử dụng đất và tiềm năng đất đai (trang 165): Bổ sung phân tích thực trạng các chỉ tiêu về mật độ công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (liên quan đến quỹ đất công viên, cây xanh đô thị; đất xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải so với đất xây dựng đô thị), làm cơ sở phân tích, đánh giá, đề xuất các giải pháp quản lý, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị phù hợp với từng giai đoạn của quy hoạch.	QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa
	c) Nghiên cứu bổ sung nội dung đánh giá về công tác lập và tổ chức thực hiện các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng có liên quan trên địa bàn tỉnh Kon Tum (quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch chung khu chức năng. . .), làm cơ sở đề xuất phương án phát triển phù hợp.	QHT đã rà soát, chỉnh sửa tại mục 2.4. Hiện trạng phát triển hệ thống Đô thị, nông thôn và các khu chức năng
	3. Về các phương án phát triển:	
	a) Định hướng phát triển đô thị: Bổ sung giải trình việc tiếp thu ý kiến về định hướng phát triển hệ thống đô thị tại điểm a mục 2.4 Văn bản số 514/BXD-QHKT ngày 17/02/2023 của Bộ Xây dựng, do nội dung này chưa được tiếp thu tại hồ sơ quy	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến tham gia tại văn bản số 514/BXD-QHKT ngày 17/02/2023 của Bộ Xây dựng

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	hoạch.	
	<p>2.4. Phương hướng phát triển và phương án tổ chức không gian, phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện:</p> <p>a) Về định hướng phát triển đô thị:</p> <p>- Về mục tiêu phát triển đô thị: Đề nghị nghiên cứu bổ sung chỉ tiêu phát triển đô thị tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2030, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị.</p>	<p>Phương án phát triển đô thị tỉnh Kon Tum đã đảm bảo phù hợp với thực trạng phát triển, khả năng phát triển của tỉnh và đảm bảo phù hợp với các chương trình, nghị quyết của trung ương</p>
	<p>- Về hệ thống đô thị: Theo Báo cáo Thuyết minh tổng hợp tỉnh Kon Tum có 03 đô thị không thuộc danh mục phân loại đô thị theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ), cụ thể: đến năm 2025 (bảng 6.1, trang 428), thị trấn Đăk Tô (huyện Đăk Tô) và thị trấn Đăk Hà (huyện Đăk Hà) được phân cấp lên đô thị loại IV; đến năm 2030 (bảng 6.2, trang 429), thị trấn Sa Thầy được phân cấp lên đô thị loại IV, Đô thị Mô Rai (huyện Sa Thầy) được phân cấp đô thị loại V. Do đó, đề nghị rà soát định hướng phát triển đô thị tại Báo cáo Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Kon Tum theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc.</p>	<p>Theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15, tiêu chuẩn dân số đô thị đối với đô thị thuộc vùng Tây Nguyên, miền núi chỉ cần đạt từ 50-60% mức quy định của loại đô thị tương ứng, các tiêu chuẩn khác bằng 70% mức quy định. Vì vậy, việc dự báo cấp đô thị đối với các đô thị thị trấn Đăk Tô (huyện Đăk Tô); thị trấn Đăk Hà (huyện Đăk Hà); thị trấn Sa Thầy; Đô thị Mô Rai (huyện Sa Thầy) là hoàn toàn phù hợp. Đồng thời, việc xác định phương án phát triển hệ thống đô thị tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 23/08/2022 Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XVI về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040</p>
	<p>- Về tình hình ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum: Theo Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030” tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Kon Tum không thuộc danh mục các tỉnh, đô thị triển khai thực hiện Đề án. Tuy nhiên, đề nghị rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ và giải pháp của tỉnh Kon Tum về ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 trong Quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó thể hiện rõ các giải pháp kiểm soát phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại các đô thị có nguy cơ cao bị ảnh hưởng của ngập lụt, sạt lở, lũ quét (nếu có).</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến</p>
	<p>- Về phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Kon Tum: Đề nghị bổ sung nội dung về phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh vào Dự thảo Báo cáo Thuyết minh tổng hợp.</p> <p>- Về phát triển đô thị tăng trưởng xanh: Đề nghị bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về phát triển đô thị tăng trưởng xanh vào nội dung Dự thảo Báo cáo Thuyết minh tổng hợp tỉnh Kon Tum.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại tiểu mục 6.1.4. Các giải pháp thực hiện/ 6.1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>b) Hạ tầng kỹ thuật:</p> <p>- Định hướng phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, các khu xử lý chất thải, hạ tầng thông tin, truyền thông, thủy lợi... cần được nghiên cứu, tính toán trên cơ sở nhu cầu theo dự báo phát triển của tỉnh Kon Tum, làm cơ sở triển khai thực hiện quy hoạch.</p>	<p>Định hướng phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng kỹ thuật đã được nghiên cứu, tính toán đảm bảo phù hợp với nhu cầu theo dự báo phát triển tỉnh Kon Tum</p>
	<p>- Nội dung quy hoạch tỉnh cần lưu ý định hướng phát triển quy hoạch không gian ngầm đô thị trong phương án phát triển hệ thống đô thị làm cơ sở cho việc triển khai quy hoạch đô thị và các quy hoạch khác có liên quan.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, bổ sung nội dung không gian ngầm tại tiểu mục 6.2.4.4. Định hướng phát triển quy hoạch không gian ngầm đô thị</p>
	<p>- Bổ sung nghiên cứu xác định hệ thống mạng lưới đường ống truyền tải chính trong vùng tỉnh và khả năng liên kết giữa các vùng cấp nước với nhà máy cấp nước công suất lớn; nghiên cứu phương án phát triển cấp nước đô thị kết hợp cấp nước cho khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum, đảm bảo cấp nước an toàn, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai (trang 554).</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã bổ sung nội dung vào hồ sơ quy hoạch</p>
	<p>- Để đảm bảo an toàn nguồn nước cho các nhà máy nước, cần xây dựng hệ thống kiểm soát, cảnh báo chất lượng, trữ lượng nguồn nước.</p>	<p>QHT xin được tiếp thu ý kiến vì hệ thống kiểm soát, cảnh báo chất lượng, trữ lượng nguồn nước đã được cập nhập tại Bảng 11. 17: Mạng giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước tỉnh Kon Tum – mục 13.6 và các biện pháp bảo vệ nguồn nước được đề cập trong nội dung XIII</p>
	<p>- Về phương án phân bổ sử dụng đất (trang 616): Đối với đất phi nông nghiệp, đề nghị bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu dành cho phát triển hạ tầng kỹ thuật như đất xây dựng công viên, cây xanh đô thị; đất xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp, đảm bảo phù hợp với QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.</p>	<p>QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa tại Mục VII. Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện đã thể hiện các chỉ tiêu sử dụng đất phát triển hạ tầng cấp tỉnh gồm đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao, đất giao thông, đất thủy lợi, đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính viễn thông; cơ sở tôn giáo; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng và chỉ tiêu đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị đến từng huyện, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế xã hội của QHT</p>
	<p>- Tại Mục VIII Phần II. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện, vùng liên huyện: Nghiên cứu, cập nhật bổ sung nội dung quy hoạch “Phương án mạng lưới cấp nước liên huyện” theo Mục 8 Phụ lục 2 - Mức độ chi tiết tích hợp một số nội dung quy hoạch tỉnh (theo Văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật của tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần đặc biệt lưu ý đến các yếu tố ảnh hưởng theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng đã được công bố.</p>	<p>QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	c) Phát triển nhà ở:	
	- Về Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh Kon Tum: Tại Văn bản số 514/BXD-QHKT ngày 17/2/2023, Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum rà soát các nội dung về nhà ở trong dự thảo Quy hoạch tỉnh Kon Tum để đảm bảo sự thống nhất và phù hợp giữa Quy hoạch với Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và Chương trình phát triển nhà ở của Tỉnh. Ngày 21/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 829/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2030. Tuy nhiên, trong nội dung tại điểm g1, mục 6.1.6.1 Báo cáo tổng hợp (trang 489) về phương án phát triển thành phố Kon Tum không nêu rõ các chỉ tiêu phát triển nhà ở. Do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum rà soát Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt để bổ sung nội dung này vào trong hồ sơ đề xuất Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nội dung này đã được trình bày tại mục 8.1. Phương án phát triển nhà ở/ VIII. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội
	- Về phát triển nhà chung cư và nhà ở cho thuê: Theo giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, nội dung về phát triển nhà chung cư và nhà ở cho thuê đã tiếp thu và bổ sung tại trang 481 của Báo cáo tổng hợp, cụ thể hơn sẽ được tổ chức lập quy hoạch chung thành phố Kon Tum. Tuy nhiên, nội dung này không được bổ sung tại trang 481 như giải trình mà được bổ sung tại điểm g1, mục 6.1.6.1 Báo cáo tổng hợp (trang 489) về phương án phát triển thành phố Kon Tum. Đề nghị rà soát, chỉnh lý hồ sơ cho phù hợp.	Nội dung này đã được trình bày tại mục 8.1. Phương án phát triển nhà ở/ VIII. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội
	- Về phát triển nhà ở xã hội: Theo giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, nội dung về phát triển nhà ở xã hội đã tiếp thu và bổ sung tại trang 481 của Báo cáo tổng hợp, cụ thể hơn sẽ được tổ chức lập quy hoạch chung thành phố Kon Tum và các quy hoạch chung các đô thị của tỉnh. Tuy nhiên, nội dung này không được bổ sung tại trang 481 như giải trình mà được bổ sung tại điểm g1, mục 6.1.6.1 Báo cáo tổng hợp (trang 489) về phương án phát triển thành phố Kon Tum. Đối với nội dung về nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn đối với 4 đô thị dự kiến là loại IV và 7 đô thị dự kiến là loại V như đã nêu tại Văn bản 514/BXD-QHKT chưa được bổ sung vào Báo cáo tổng hợp. Do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum bổ sung, làm rõ các nội dung nêu trên trong hồ sơ đề xuất Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nội dung này đã được trình bày tại mục 8.1. Phương án phát triển nhà ở/ VIII. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội
	d) Danh mục các dự án và thứ tự ưu tiên đầu tư: Nghiên cứu, bổ sung một số dự án ưu tiên thuộc lĩnh vực thoát nước chống ngập, thu gom xử lý nước thải đô thị nhằm đảm bảo mục tiêu quy hoạch đề ra (trang 558).	Bổ sung dự án Xây dựng hệ thống cống tự chảy, hồ ga thu gom và các trạm bơm nước thải trên địa bàn thành phố Kon Tum; Nạo vét lòng hồ cung cấp nước cho Nhà máy nước sạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (Hồ Lạc Long Quân)... tại phụ lục 10
	4. Về sơ đồ, bản vẽ quy hoạch: Sơ đồ, bản vẽ quy hoạch phải thể hiện đầy đủ, đúng nội dung quy hoạch, tương ứng với từng loại sơ đồ, bản vẽ; có tỷ lệ phù hợp theo quy định. Nội dung thông tin tại bản vẽ phải đảm bảo chính xác, số liệu tích hợp được cập nhật.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa hệ thống bản đồ
15	Bộ Y tế (VB số 1980/BYT-KH-TC ngày 07/04/2023)	
	a) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ - Tại trang 6 nêu "Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới <50% và trẻ em dưới 1 tuổi còn dưới 32,5% vào năm 2025; <46% đối với trẻ em dưới 5 tuổi và <29% dưới 1 tuổi vào năm 2030". Theo nguồn số liệu	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>của Tổng cục Thống kê, tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi của tỉnh Kon Tum năm 2021 là 48,09 trên 1.000 trẻ em sinh sống; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi của tỉnh Kon Tum năm 2021 là 31,29 trên 1.000 trẻ em sinh sống. Như vậy, mục tiêu năm 2025 còn kém hơn so với hiện tại, đề nghị xem xét điều chỉnh cho phù hợp. Đối với toàn quốc, mục tiêu tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống năm 2025 là 18,5, năm 2030 là 15; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống năm 2025 là 12,5, năm 2030 là 10.</p>	
	<p>- Tại trang 27 về hệ thống công trình y tế "(1) Tuyến tỉnh: phát triển hệ thống bệnh viện đa khoa, chuyên khoa có quy mô năng lực đáp ứng chỉ tiêu 20 giường bệnh/vạn dân đến 2030 và 21 giường bệnh/vạn dân đến 2050; (2) Tuyến huyện: Phát triển các trung tâm y tế huyện bao gồm: bệnh viện huyện và các phòng chức năng của y tế công cộng; Bệnh viện tuyến huyện cần đáp ứng số giường là 18 giường bệnh/vạn dân đến 2030. Số giường bệnh/vạn dân là chỉ tiêu về tổng số giường bệnh (cả công lập và ngoài công lập) thuộc một khu vực tại một thời điểm nhất định, do vậy việc phân tách theo tuyến là không phù hợp, đề nghị nêu số tổng số giường bệnh (số tuyệt đối, không tính trên dân số).</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến, về số liệu giường bệnh các tuyến (số tuyệt đối) thể hiện ở Bảng 4. 20: Quy mô giường bệnh và số lượng BS. Nội dung trong thuyết minh tại mục 4.5.2</p>
	<p>- Tại Phụ lục XXII: năm 2030 định hướng tăng thêm 01 bệnh viện chuyên khoa, đề nghị phải bảo đảm đúng chủ trương tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/ 2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới: "Tập trung hoàn thiện bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh trước khi thành lập mới các bệnh viện chuyên khoa ở cấp tỉnh."</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>b, Báo cáo tóm tắt - Trang 92 Phụ lục Tiếp thu giải trình ý kiến nêu "Theo Niên giám thống kê tỉnh Kon Tum năm 2021, tuổi thọ trung bình của người dân tỉnh Kon Tum năm 2021 đạt 68,0 tuổi". Tuy nhiên, tại trang 3 Báo cáo tóm tắt nêu tuổi thọ trung bình 70,7; tại trang 24 Báo cáo tóm tắt nêu tuổi thọ trung bình năm 2021 là 72. Đề nghị chỉnh sửa cho chính xác, thống nhất, nêu đầy đủ đơn vị tính; xem xét mục tiêu đề ra đến năm 2025 (75) và đến năm 2030 (>75) cho phù hợp, khả thi. Đối với toàn quốc, mục tiêu tuổi thọ trung bình là 74,5 năm 2025 và 75 năm 2030.</p>	<p>QHT đã rà soát, chỉnh sửa thống nhất số liệu tuổi thọ trung bình của người dân tỉnh Kon Tum năm 2020 theo niên giám thống kê là 67,7 tuổi. Mục tiêu đến năm 2030 Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 69,5 tuổi.</p>
	<p>- Tại trang 3 nêu "tỷ suất chết < 32,6%", đề nghị làm rõ tỷ suất chết của đối tượng nào (trẻ em dưới 1 tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi). "mạng lưới y tế đạt 38,5 giường bệnh/vạn dân (cả nước trên 27,5 giường)", tại trang 41 lại nêu hiện trạng là 41,1 giường bệnh/vạn dân và đặt ra mục tiêu 40 giường bệnh/vạn dân năm 2030 là không thống nhất, phù hợp. Đề nghị chỉnh sửa số liệu cả nước là 31 giường bệnh/vạn dân năm 2021.</p>	<p>QHT đã rà soát, chỉnh sửa số liệu tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi năm 2020 là 32,6/1.000 trẻ sinh sống đồng thời bổ sung số liệu tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi là 50,2/1.000 trẻ sinh sống. Mạng lưới y tế năm 2020 đạt 38,5 giường bệnh/vạn dân</p>
	<p>- Tại trang 21 nêu "Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới <50% và trẻ em dưới 1 tuổi còn dưới 32,5% vào năm 2025; <46% đối với trẻ em dưới 5 tuổi và <29% dưới 1 tuổi vào năm 2030": ý kiến như đã nêu tại dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Tại trang 24 nêu " Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi ước thực hiện năm 2021 là 30,7%", đề nghị điều chỉnh theo số liệu của Viện Dinh dưỡng, Tổng cục thống kê công bố là 30,2%, trên cơ sở đó đề xuất mục tiêu năm 2025, năm 2030 bảo đảm vừa khả thi, vừa tạo động lực phát triển.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Tại trang 40 nêu "đến 2030 đảm bảo số bác sĩ/10.000 dân đạt 12 bác sĩ", tuy nhiên tại Bảng 24 trang 40 lại là</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã rà soát chỉnh sửa số liệu</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	số lượng Y Bác sĩ (bao gồm cả y sĩ), đề nghị chỉnh sửa cho thống nhất.	
	- Tại Bảng 25 trang 41 nêu năm 2030 định hướng tăng thêm 01 bệnh viện chuyên khoa: ý kiến như đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	c, Báo cáo tổng hợp: Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung các nội dung nêu trên tương ứng trong Báo cáo tổng hợp.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
16	Ủy ban Dân tộc (VB số 545/UBND-KHTC ngày 11/04/2023)	
	Nhận xét cụ thể về nội dung quy hoạch	
	- Đối với Hồ sơ Báo cáo tổng hợp Quy hoạch, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh KonTum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Hồ sơ QHT Kon Tum được lập đã bám sát Nhiệm vụ được phê duyệt và đảm bảo tuân thủ quy định PL
	- Khoản 6.5, Mục VI, Phần II, “Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn” (tr516): đề nghị làm rõ hơn về đầu tư hạ tầng giao thông liên kết những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các trung tâm đô thị của tỉnh (khu vực động lực) từ đó làm cơ sở đề xuất xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh.	Theo hiện trạng giao thông, có 03 huyện khó khăn là huyện Đăk Glei, huyện Tu Mơ Rông và huyện Ia H’Drai; đồng thời Tỉnh cũng xác định thành phố Kon Tum và huyện Kon Plong là 2 vùng kinh tế động lực của Tỉnh, vì vậy ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông cho 03 huyện Đăk Glei, huyện Kon Rẫy và huyện Ia H’Drai, nhưng vẫn đảm bảo thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh, đảm bảo kết nối hiệu quả với hạ tầng giao thông và các hạ tầng khác của tỉnh, các tỉnh lân cận, trong vùng và cả nước; đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành trên địa bàn; phát triển hài hòa các địa phương, các vùng, đáp ứng các yêu cầu phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Các tuyến quốc lộ bổ sung gồm QL24D qua huyện Kon Rẫy, bổ sung quy hoạch mới các đường tỉnh 673A, Đường tỉnh 675A, Đường tỉnh 675B, Đường tỉnh 677A, Đường tỉnh 678A, ĐT.680.
	- Tại Khoản 13.1, Mục XIII, Phần II, “Tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch” (tr780): đề nghị bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại tiểu mục 15.1. Tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư/ XV. Danh mục các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện
17	Bộ Quốc phòng - Đại tá Nguyễn Đức Hòa (Cục tác chiến)	
	- Hiện nay, Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh Kon Tum chưa được Bộ Quốc phòng phê chuẩn, đề nghị UBND tỉnh Kon Tum – Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Quân khu 5 để kịp thời cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào quy hoạch tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 về tích hợp Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội vào hệ thống quy hoạch tỉnh để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch ngành và phối hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành với quản lý lãnh thổ, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường thế trận quân sự khu vực phòng thủ; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	
II	CHUYÊN GIA	
1	PGS. TS. Nguyễn Huy Dũng	
	Báo cáo có một số nội dung thứ tự, tên các mục thể hiện trong Báo cáo quy hoạch chưa bám sát quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Nội dung Báo cáo, một số nội dung còn thiếu, trùng lặp... cần rà soát điều chỉnh.	QHT đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP
	Hệ thống sơ đồ, bản đồ trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Kon Tum, gồm 77 bản đồ, được xây dựng theo quy định về các loại bản đồ thể hiện, tại mục IX Phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, số lượng quá nhiều, một số bản đồ xây dựng chưa theo đúng quy định xây dựng bản đồ, như chưa có tỷ lệ bản đồ, quy định nội dung nhóm lớp cơ sở toán học trong xây dựng bản đồ; nội dung thể hiện... cần rà soát bổ sung, chỉnh sửa theo quy định.	QHT đã rà soát, chỉnh sửa hệ thống sơ đồ, bản đồ
	<p>Kết cấu của Báo cáo</p> <p>a) Báo cáo đã thể hiện theo các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 24, Luật Quy hoạch, năm 2017. Báo cáo kết cấu thành 2 phần, tuy nhiên, cần rà soát sắp xếp lại thành 3 phần sẽ rõ ràng hơn cho Báo cáo QHT: Phần I. Mở đầu; Phần II. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế, xã hội tỉnh Kon Tum; Phần III. Quy hoạch tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cần bổ sung mục Kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo của Báo cáo QHT. Rà soát các nội dung, để sắp xếp vào các phần thích hợp. Báo cáo xây dựng cần tuân thủ đầy đủ thứ tự, đề mục, nội dung đã quy định, bổ sung một số nội dung còn thiếu. ...</p> <p>b) Một số nội dung bố trí chưa hợp lý cần ghép gộp, tránh trùng lặp, thiếu nội dung; một số hoạt động còn thiếu, như: xác định 8 ngành, lĩnh vực quan trọng là quá nhiều, cần rà soát lại theo các tiêu chí; cần bổ sung nội dung Phương án phát triển không gian xanh vào Báo cáo QHT...</p>	QHT đã rà soát, chỉnh sửa. Việc xác định 8 ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh Kon Tum là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Kon Tum
	Căn cứ lập quy hoạch và phương pháp lập quy hoạch	
	Các văn bản về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quy hoạch, đã được liệt kê. Tuy nhiên, cần rà soát, bổ sung, một số Luật còn thiếu, như: Luật Đa dạng sinh học, số 20/2008/QH12, ngày 13/11/2008; Luật giao thông đường bộ, số 23/2008/QH12, ngày 13/11/20; Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Luật Đo đạc, bản đồ, số 27/2018/QH14, ngày 14 tháng 6	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	năm 2018...	
	<p>Các chiến lược, các quyết định về quy hoạch, chương trình, dự án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nên sắp xếp thành từng mục riêng. Các văn bản có liên quan còn thiếu cần rà soát, bổ sung, như: Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thương mại trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát loại bỏ một số văn bản từng lập, như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh...</p>	
	<p>Báo cáo áp dụng 9 phương pháp nghiên cứu, mục V (trang 20), tuy nhiên, các phương pháp trình bày nội dung còn chung chung, có thể áp dụng cho nơi khác, cần rà soát, bổ sung nội dung chính của các phương pháp áp dụng, khối lượng, địa điểm đã áp dụng để xây dựng quy hoạch tỉnh Kon Tum. Cần làm rõ phương pháp tiếp cận và phương pháp thực hiện QHT; cần rà soát, chuẩn lại tên của một số phương pháp thực hiện quy hoạch... để đảm bảo các thông tin, số liệu thu thập và kết quả phân tích, đánh giá có độ tin cậy cần thiết theo yêu cầu của việc xây dựng báo cáo quy hoạch tỉnh.</p>	<p>QHT đã rà soát, nghiên cứu các phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13/4/2020</p>
	<p>Rà soát, bổ sung nội dung về việc thu thập, xử lý tài liệu, thời điểm lấy số liệu, dữ liệu đầu vào phục vụ lập quy hoạch tỉnh và việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch; làm rõ tính đầy đủ, cập nhật của thông tin, dữ liệu; đánh giá tác động do thiếu số liệu, công cụ, mô hình phân tích, đánh giá dự báo chưa cập nhật và các biện pháp khắc phục cụ thể.</p>	<p>Về vấn đề này, cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và tiếp tục bổ sung phân tích, đánh giá số liệu, dữ liệu đầu vào. Tuy nhiên, số liệu thống kê của tỉnh thời kỳ trước chưa đầy đủ, thiếu nguồn tham khảo, dẫn chứng, đối chiếu; do đó, quá trình thu thập dữ liệu gặp khó khăn, cơ quan lập quy hoạch sẽ tiếp thu, cập nhật tối đa vào báo cáo.</p>
	<p><i>Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của Kon Tum</i></p>	
	<p>Báo cáo đã tổng hợp, trình bày tổng quan chung về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường, mục 1.1 (trang 22). Tuy nhiên, cần rà soát, chỉnh sửa: - Diện tích tự nhiên của tỉnh theo Báo cáo QHT, năm 2020 là 967.7,29 km² (967.729 ha), mục 1.1.1 (trang 22), sai lệch so với số liệu của Bộ TN&MT, theo QĐ số 1435/QĐ-BTNMT, ngày 22 tháng 7 năm 2021, của Bộ TN&MT, công bố kết quả Kiểm kê đất đai năm 2019, tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Kon Tum 967.418 ha.</p>	<p>Dện tích tự nhiên của tỉnh Kon Tum được xác định theo Thống kê đất đai năm 2020 của tỉnh Kon Tum (Theo Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/03/2022 phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai cả nước năm 2020) là 9.677,3 km² đây là số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 của tỉnh Kon Tum</p>
	<p>- Diện tích rừng theo Báo cáo QHT, năm 2020 là 609.666,41 ha, diện tích các loại rừng tự nhiên và rừng trồng, sai lệch so với Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN, ngày 13/4/2021, của Bộ Nông nghiệp, công bố diện tích rừng năm 2020, diện tích rừng của tỉnh là 621.025 ha, trong đó: rừng tự nhiên 547.776 ha; rừng trồng 73.249 ha, tại Bảng 1.3 (trang 35).</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Đề nghị cần có luận giải và thống nhất các loại số liệu trên trong báo cáo QHT.</p>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>Đối với các khu rừng đặc dụng, tên và phân hạng các Khu bảo tồn trong Báo cáo chưa đúng theo quy định: VQG Chư Mom Ray, Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, Rừng đặc dụng Đak Uy (trang 35), cần rà soát sửa lại trong toàn bộ Báo cáo QHT: VQG Chư Mom Rây; Khu dữ trữ thiên nhiên Ngọc Linh; Khu bảo tồn loài-sinh cảnh Đak Uy, theo đúng tên và phân hạng trong hệ thống khu rừng đặc dụng của Việt Nam, theo QĐ số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Tài nguyên sinh vật, mục 1.1.3.4 (trang 35), các loài quý hiếm được liệt kê (trang 35, 36) chưa đúng như Nhựa thông, Bông đốt... các đánh giá như hệ thực vật rừng rậm... , chủng loại quý hiếm ? ... cần rà soát, xem xét nguồn tài liệu tham khảo và chỉnh sửa. Tài nguyên đa dạng sinh học cần chú ý tới các loài động, thực vật trong nông nghiệp của tỉnh chưa được đề cập.</p>	<p>QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung tại tiểu mục 1.1.3.4 Tài nguyên sinh vật</p>
	<p>Đối với các loại tài nguyên cần rà soát phân tích, đánh giá để làm rõ thực trạng khai thác và sử dụng; dự báo khả năng có thể khai thác sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và những khó khăn, thách thức đặt ra khi khai thác.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Hiện trạng đa dạng sinh học, mục d (trang 45), nên đổi thành Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của tỉnh. Cần nêu đặc điểm của từng KBT; bổ sung nội dung các HST chủ yếu phân bố trên địa bàn tỉnh, với diện tích, phân bố, cấu trúc đặc trưng, các loài đại diện chủ yếu. Đối với vấn đề bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH, cần chú ý đánh giá hệ thống các khu bảo tồn, các khu bảo vệ đất ngập nước quan trọng, các HST tự nhiên, các có sở bảo tồn, các hành lang ĐDSH... và tình hình quản lý, những kết quả đạt được, những tồn tại, khó khăn, nguyên nhân chủ yếu.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Hiện trạng môi trường, mục 1.1.4 (trang 44), cần phân tích, tổng hợp, đánh giá hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của tỉnh, những kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân. Cần kiểm tra lại diện tích của VQG Chư Mom Rây và Khu dữ trữ thiên nhiên Ngọc Linh còn sai khác với QĐ số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Cần bổ sung QĐ thành lập 2 KBT mới nhất và cập nhật diện tích theo quyết định mới. Rà soát lại thông tin đánh giá về KBT (trang 47) chưa đúng, cần chỉnh sửa: "Đến năm 2020, chuyển tiếp 2 KBT hiện có sang hệ thống KBT theo luật ĐDSH... Đến năm 2030 thành lập mới 2 KBT (VQG Ngọc Linh và khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh Măng Đen). Đánh giá điều kiện tự nhiên, mục 1.1.5 (trang 47), cần bổ sung, đánh giá về tài nguyên đất tỉnh Kon Tum.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, đã rà soát bổ sung tại mục 1.1.4. Hiện trạng môi trường. Đã bổ sung đánh giá về tài nguyên đất tại tiểu mục 1.1.3.1. Tài nguyên đất.</p>
	<p>Điều kiện xã hội, mục 1.2 (trang 47), cần bổ sung, đánh giá về xu hướng di cư thuần của tỉnh; phân tích các tác động của văn hoá, dân tộc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.</p>	<p>QHT đã tiếp thu và bổ sung tại 1.2. Điều kiện xã hội Tỉnh Kon Tum (Giai đoạn 2011-2021)</p>
	<p>Bổ sung đánh giá mức độ thụ hưởng về điều kiện xã hội của tỉnh Kon Tum, so sánh với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên và cả nước.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, bổ sung nội dung tại 1.3. Các yếu tố</p>
	<p>Các yếu tố của vùng, quốc gia và quốc tế tác động đến phát triển tỉnh, mục 1.4 (trang 59), đã trình bày được một số nội dung chính, tuy nhiên còn chung chung, cần rà soát, bổ sung, làm nổi bật các nội dung chủ yếu: (i) Các yếu tố quốc tế: Bối cảnh và định hướng phát triển của khu vực, các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) có liên quan đến thị trường các sản phẩm chủ lực của tỉnh; bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; kinh tế cửa khẩu... , cuộc chiến giữa Nga và Ucraina... tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; (ii)</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia, đã bổ sung nội dung mục 1.4. Các yếu tố của vùng, Quốc Gia và Quốc tế tác động đến phát triển tỉnh</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>Các yếu tố quốc gia: Bối cảnh và định hướng lớn của quốc gia liên quan đến hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế quốc gia trong khu vực và thế giới đặt ra các yêu cầu đối với phát triển của tỉnh; (iii) Các yếu tố vùng: Bối cảnh và định hướng lớn của vùng Tây Nguyên đặt ra các yêu cầu phát triển đối với tỉnh; (iv) Các yếu tố tác động từ các tỉnh, khu vực lân cận: Nhu cầu và thực trạng liên kết phát triển, giải quyết các mâu thuẫn phát triển giữa tỉnh và các địa phương lân cận.</p>	
	<p>Các nguy cơ và tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, mục 1.5 (trang 63): cần bổ sung phân tích các thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân cụ thể khi ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, như về mặt tổ chức từ tỉnh xuống huyện, xã; công tác tuyên truyền tập huấn. . .</p>	<p>QHT xin tiếp thu và đã chỉnh sửa trong BCH</p>
	<p>Dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, được đề cập ở mục 3.2.1 (trang 312), cũng là cơ sở đề xuất các kịch bản phát triển cho kỳ quy hoạch, được xây dựng tương đối cụ thể. Tuy nhiên, đối với nội dung mục 3.2.1.2.i. Thể chế chính trị và các chính sách nhà nước (trang 325), tập trung nhiều về thể chế chính trị chung chung ở cấp tỉnh là không cần thiết, vì đã có quy định chung theo Hiến pháp. Nội dung này nên tập trung vào xây dựng cơ chế, tăng cường cải cách hành chính để thực hiện các đường lối chủ trương của Nhà nước cụ thể trên địa bàn tỉnh, nhằm tăng cường thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội bền vững tỉnh Kon Tum.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p><i>Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn</i></p>	
	<p><i>a) Thực trạng phát triển kinh tế</i></p>	
	<p>Cần rà soát bổ sung công nghiệp sản xuất, phân phối khí đốt trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, bổ sung tại mục 2.1.2.2. ý 3 (Giá trị SXCN)</p>
	<p>Sản xuất nông, lâm nghiệp đã nêu được hiện trạng và có đánh giá về tái cơ cấu, tuy nhiên, cần rà soát, bổ sung đánh giá cụ thể, làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại và nguyên nhân chủ yếu, sau khi thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, theo quyết định số 899/QĐ-TTg của Thủ tướng, ngày 10/6/2013.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo Quyết định số 1895/QĐ – TTg, ngày 17/12/2012, phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 và Quyết định 738/QĐ-BNN-KHCN, ngày 14/3/2017, quy định tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, cần rà soát, đánh giá cụ thể về các kết quả đạt được, cũng như các tồn tại và nguyên nhân.</p>	<p>QHT xin tiếp thu và đã chỉnh sửa trong BCH</p>
	<p>Cần rà soát, đánh giá kết quả phát triển kinh tế HTX tại tỉnh Kon Tum, theo Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/03/2002, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (KTTT) khẳng định rõ vai trò, vị trí quan trọng nòng cốt của kinh tế hợp tác xã (HTX) trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Đã có đề cập đến các sản phẩm OCOP đạt được của tỉnh, tuy nhiên cần rà soát, bổ sung đánh giá thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm: Chương trình OCOP, thực hiện theo quyết định số 490/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 05 năm 2018. Chương trình mỗi xã một sản phẩm, giai đoạn 2018 – 2020. Cần bổ sung đánh giá những kết quả đạt được, cũng như các tồn tại và nguyên nhân khi thực hiện Chương trình.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>Đối với tỉnh Kon Tum, ngành Lâm nghiệp, quản lý, sử dụng diện tích đất lớn nhất trong các ngành của tỉnh 609.666,41 ha (Báo cáo QHT), chiếm 62,99% diện tích tự nhiên của tỉnh, có ý nghĩa rất lớn đối với kinh tế, xã hội, môi trường và an ninh, quốc phòng, do vậy cần bổ sung đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020, theo Quyết định 886/QĐ-TTg, ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, những kết quả đạt được, cũng như các tồn tại và nguyên nhân.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Hoạt động lâm nghiệp, mục c. (trang 82), đã có thông kê một số hoạt động lâm nghiệp, như: giao rừng quản lý, bảo vệ, khai thác, phát triển rừng... mới chỉ nêu hiện trạng. Cần rà soát bổ sung các thông tin liên quan chủ yếu, như tổng diện tích rừng đã tham gia dịch vụ môi trường rừng của tỉnh, tổng tiền thu dịch vụ môi trường rừng hàng năm, số hộ, đơn vị tham gia... cần rà soát, bổ sung đánh giá cụ thể về công tác quản lý hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn, các kết quả đạt được, cũng như các tồn tại và nguyên nhân.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p><i>b) Thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội</i></p>	
	<p>Hiện trạng phát triển xã hội, mục 2.2 (trang 119), nên sửa lại Thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội. Nội dung thực trạng dân số, mục 2.2.1 (trang 119), một số nội dung trùng lặp với mục 1.2.1 (trang 47), Bảng 2.16 (trang 120) trùng với Bảng 1.7 (trang 50), cần rà soát lược bỏ.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa mục 2.2. Thực trạng phát triển Xã hội; 1.2. Điều kiện xã hội tỉnh Kon Tum/ II. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh và 2.2. Thực trạng phát triển xã hội/II. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển tỉnh Kon Tum</p>
	<p>Đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội, mục 2.2 (trang 119), cần rà soát, bổ sung phân tích, tổng hợp đánh giá thực trạng trật tự, an ninh, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Đánh giá kết quả thực hiện Bộ trí, ổn định dân cư theo Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT hướng dẫn thực Hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg, ngày 21/11/2012, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020”, những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Bên cạnh đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội, những kết quả đạt được, các khó khăn, tồn tại cần chú ý đánh giá bổ sung các nguyên nhân chủ yếu đối với từng ngành, lĩnh vực.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p><i>c) Hiện trạng sử dụng đất</i></p>	
	<p>Hiện trạng sử dụng đất, mục 2.5.1.1 (trang 164), Bảng 2.10 (trang 165), số liệu về hiện trạng sử dụng một số loại đất còn sai lệch với QĐ số 1435/QĐ-BTNMT, ngày 22 tháng 7 năm 2021, của bộ TN&MT, công bố kết quả Kiểm kê đất đai năm 2019, như đất trồng lúa, đất các loại rừng, đất quốc phòng, đất ở đô thị, đất ở nông thôn... cần rà soát thống nhất diện tích sử dụng các loại đất của tỉnh trong toàn bộ Báo cáo QHT với số liệu công bố của Bộ TNMT và có luận giải cụ thể.</p>	<p>Hiện trạng sử dụng đất tỉnh Kon Tum được xác định theo thống kê đất đai năm 2020 (Theo Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/03/2022 phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai cả nước năm 2020) nên có sự sai lệch so với QĐ số 1435/QĐ-BTNMT, ngày 22 tháng 7 năm 2021, của bộ TN&MT, công bố kết quả Kiểm kê đất đai năm 2019.</p>
	<p>Hiện trạng môi trường, đa dạng sinh học, mục 2.8 (trang 271), cần rà soát, chỉnh sửa tên các khu bảo tồn như trên đã đề cập và bổ sung đánh giá Khu bảo tồn loài-sinh cảnh Đak Uy.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p><i>d) Hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng</i></p>	
	<p>Thực trạng hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng, mục 2.6 (trang 184), đã đề cập tương đối cụ thể</p>	<p>QHT đã tiếp thu và bổ sung tại mục 2.4. Hiện trạng phát triển hệ</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>về công tác quy hoạch và phát triển đô thị và nông thôn, các khu chức năng trên địa bàn tỉnh, cần bổ sung:</p> <p>- Đã có đánh giá về tồn tại, khó khăn trong phát triển hệ thống đô thị, tuy nhiên, cần rà soát, bổ sung đánh giá tổng quát những khó khăn, hạn chế và thiếu sót của hệ thống đô thị - nông thôn toàn tỉnh; phân tích nguyên nhân của những hạn chế nêu trên. Rà soát đánh giá thực trạng liên kết đô thị với nông thôn của tỉnh trong xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng đô thị và điểm dân cư nông thôn.</p>	<p>thống Đô thị, nông thôn và các khu chức năng</p>
	<p>Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4 tháng 6 năm 2010, thực hiện trên địa bàn tỉnh, đề cập còn chung chung. Cần bổ sung đánh giá cụ thể các kết quả đạt được, cũng như các tồn tại và nguyên nhân thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>QHT đã tiếp thu và bổ sung tại mục 2.4. Hiện trạng phát triển hệ thống Đô thị, nông thôn và các khu chức năng</p>
	<p>Các khu chức năng đã có mô tả và đánh giá khái quát hiện trạng hệ thống các khu chức năng, mục 2.6.5 (trang 205), tuy nhiên, khu chức năng nghiên cứu, đào tạo chưa được đánh giá, cần bổ sung; rà soát bổ sung đánh giá quy mô và sự phù hợp về quy mô phát triển của mỗi khu chức năng, nhất là các công trình trọng điểm; sự phù hợp về sức chứa lãnh thổ; đánh giá tổng quát những khó khăn, hạn chế và thiếu sót của các khu chức năng; phân tích nguyên nhân của những hạn chế và thiếu sót nêu trên.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Đối với các KCN, CCN, cần rà soát, bổ sung đánh giá làm rõ hiện trạng, sản xuất kinh doanh, lực lượng lao động, các tiện ích phục vụ công nhân. . . những khó khăn, tồn tại và các nguyên nhân chủ yếu trong xây dựng, thu hút các dự án đầu tư...</p>	<p>QHT đã rà soát, bổ sung</p>
	<p><i>d) Hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật</i></p>	
	<p>Hiện trạng kết cấu hạ tầng, mục 2.7 (trang 212), Báo cáo chưa có đánh giá hạ tầng của các ngành du lịch, y tế, khoa học - công nghệ, cơ sở dạy nghề và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, cần rà soát, bổ sung. Cần bổ sung đánh giá mức độ đáp ứng của các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đối với nhu cầu phát triển của tỉnh.</p>	<p>Hiện trạng hạ tầng du lịch đã đề cập tại điểm b. Ngành du lịch; mục 2.1.2.3. Các ngành, lĩnh vực dịch vụ</p>
	<p>Bổ sung đánh giá sự kết nối hạ tầng cơ sở ngành của tỉnh với hệ thống cơ sở hạ tầng ngành của vùng và quốc gia; phân tích nguyên nhân yếu kém và thiếu sót trong cơ sở hạ tầng ngành. Phân tích, đánh giá nguyên nhân yếu kém và thiếu sót trong cơ sở hạ tầng ngành.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Đánh giá thực hiện Chương trình, kế hoạch và dự án thời kỳ trước, mục 2.9 (trang 289), nên tập trung vào đánh giá quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội tỉnh giai đoạn 2021-2020, cần rà soát, đánh giá số các chỉ tiêu đạt được và không đạt được về phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, những tồn tại, khó khăn và các nguyên nhân chủ yếu.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p><i>Các điểm mạnh và điểm yếu</i></p>	
	<p>Điểm mạnh và yếu của tỉnh, mục 2.10 (trang 299): Báo cáo QHT đưa ra 4 điểm mạnh và 10 điểm yếu, 4 cơ hội và 7 thách thức, về cơ bản đã phản ánh được thực trạng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh. Tuy nhiên, một số nội dung liên quan cần rà soát, thống nhất: vấn đề dân cư, dân tộc được xác định là điểm mạnh thứ 3) Tiềm năng về xã hội và con người (trang 302), nhưng đồng thời cũng xác định là điểm thách thức thứ 6, cần xem xét, điều chỉnh; rà soát, ghép gộp các điểm yếu 2, 3, 4, 9; điểm yếu 10 nên gộp vào điểm yếu 5; thách thức 6. “Biến đổi khí hậu, trong đó tiềm tàng những nguy</p>	<p>QHT Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 2.9.2; 2.9.4</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>ơ về thiên tai, lũ lụt, trôi trượt. . .”, nên sửa lại: Biến đổi khí hậu và bảo vệ tài nguyên rừng và ĐDSH đang là thách thức lớn đối với tỉnh. Vì hiện nay bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ tài nguyên rừng và ĐDSH đang là vấn đề của Tây Nguyên được các ngành, các cấp quan tâm.</p>	
	<p>Báo cáo kết quả thực hiện đề tài ĐTDL.CN-01/20 “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nhằm ổn định SXNN và đời sống của người dân trên ĐLN ở Tây Nguyên” của Bộ KH-CN, cho thấy: Giai đoạn 2015 – 2020, diện tích rừng ở Tây Nguyên giảm 63.222 ha, trong đó rừng tự nhiên giảm (mất) 130.595 ha, tốc độ mất rừng tự nhiên là 26.119 ha/năm. Như vậy, trong giai đoạn 2005-2020, Tây Nguyên mất khoảng 713.184 ha rừng tự nhiên (bình quân 47.546 ha/năm). Một trong các nguyên nhân dẫn đến mất rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là phá rừng, lấn chiếm đất rừng để lấy đất SXNN. Kon Tum là một tỉnh có diện tích đất lâm nghiệp lớn, diện tích rừng năm 2020 là 609.666,41 ha (Báo cáo QHT) nên vấn đề bảo vệ và phát triển rừng đang đặt ra thách thức lớn cho tỉnh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến</p>
	<p><i>Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển</i></p>	
	<p>Quan điểm phát triển, mục 3.1 (trang 311), Báo cáo quy hoạch tỉnh đề cập 6 quan điểm phát triển, gồm các vấn đề về phát triển kinh tế, xã hội, không gian các hoạt động kinh tế xã hội, về phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên một số quan điểm viết còn dài dòng, như quan điểm (2) cần viết cô đọng, súc tích thể hiện được những quan điểm chính về phát triển tỉnh trong thời gian tới. Mặt khác, tăng trưởng xanh với kinh tế tuần hoàn theo Quyết định số 687/QĐ-TTg, ngày 7/6/2022, phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam chưa được lồng ghép, quán triệt đầy đủ trong quan điểm phát triển của tỉnh. Đây là một xu hướng phát triển quan trọng đang được quan tâm áp dụng tại nhiều nước trên thế giới. Quan điểm mới chỉ đề cập đến phát triển không gian xanh, cần rà soát và có đề xuất về vấn đề này đối với QHT.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Như đã đề cập ở trên, đối với vùng Tây nguyên, vấn đề bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên ĐDSH, đang là vấn đề được Chính phủ đặc biệt quan tâm. Do vậy, nhiệm vụ bảo vệ rừng tự nhiên và ĐDSH của Tỉnh cần được đưa vào trong quan điểm của tỉnh, đồng thời cần đưa vào thành một trong những mục tiêu tổng quát và cụ thể trong Báo cáo QHT.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Báo cáo chưa xác định chủ đề phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch (2021-2030), có tính đến các chủ trương chính sách và ý tưởng chủ đạo của Đảng cho phát triển tỉnh phù hợp với lợi thế và đặc thù của tỉnh và vùng Tây Nguyên, cần rà soát bổ sung.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Báo cáo đã đưa mục tiêu tổng quát và đề xuất các mục tiêu cụ thể của lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, kết cấu hạ tầng và an ninh quốc phòng để thực hiện. Cần rà soát và bổ sung một số chỉ tiêu, về xã hội: mức giảm bệnh tật và tệ nạn xã hội, tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi. . .</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án, mục 3.2 (trang 312): báo cáo đã đề xuất 3 kịch bản về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giai đoạn 2021-2030 và đã lựa chọn phương án 2. Phát triển theo hướng kinh tế bền vững, với GRDP giai đoạn 2021-2025 là 10% và giai đoạn 2026-2030 là 9,5%; chỉ tiêu GRDP bình quân thu nhập 70 trđ/ng và 110,2 trđ/ng. Với phương án được lựa chọn, chỉ tiêu kinh tế đặt ra</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>tương đương với Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI (2020-2025) với tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2020-2025 từ 10%/năm trở lên. Báo cáo đã chọn mức tăng trưởng an toàn và chưa có tính đột phá trong quy hoạch phát triển tỉnh. Mặt khác, cần luận giải cụ thể và đầy đủ về khả năng thu hút nguồn lực từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động, các thế mạnh của tỉnh chủ yếu là đất đai, nông nghiệp, năng lượng tái tạo. . . để tăng tính khả thi của phương án lựa chọn.</p>	
	<p>Các nhiệm vụ trọng tâm, mục 3.5 (trang 345), xác định gồm 6 nhiệm vụ tương đối phù hợp, tuy nhiên, cần rà soát bổ sung hoạt động bảo vệ rừng tự nhiên và ĐDSH vào một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Các định hướng lớn tạo đột phá phát triển đến năm 2030, mục 3.6 (trang 346), bao gồm: (i) Các ngành và lĩnh vực kinh tế; (ii) Phát triển các chuỗi sản phẩm chủ lực của tỉnh trong liên kết vùng; (iii) Các khâu đột phá về không gian lãnh thổ. Tuy nhiên, các đột phá đề xuất còn dàn trải, không có trọng điểm, một số nội dung còn chung chung, không có tính đột phá, như: 1. Phân đầu đến năm 2025, ổn định diện tích trồng sắn. . . cao su. . . đây không phải khâu đột phá. . . nên rà soát tập trung vào 1 số lĩnh vực, hoạt động chủ yếu đối với phát triển kinh tế, xã hội, cơ chế quản lý. . . để tránh đầu tư dàn trải, không có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả thấp.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Phương án phát triển cấu trúc mạng lưới tổng thể chiến lược không gian kinh tế, xã hội, mục 3.7 (trang 354), đã đề xuất hình thành 3 hình thức: (i) Cấu trúc mạng lưới; (ii) Các cực và điểm tăng trưởng; (iii) Các tuyến liên kết phát triển (hành lang kinh tế). Tuy nhiên, Kon Tum là tỉnh có địa hình đồi, núi trung bình và núi cao chiếm 61,73%, địa hình đồi, núi thấp chiếm 21,01% (Báo cáo QHT), nên việc tổ chức Cấu trúc mạng lưới, gồm: cấu trúc mạng lưới phát triển tam giác; cấu trúc mạng lưới ô bàn cờ; cấu trúc mạng lưới hỗn hợp, sẽ gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với các huyện vùng phía Bắc và phía đông của tỉnh Kon Tum, do vậy nên rà soát và xem xét Phương án phát triển cấu trúc tổng thể chiến lược không gian kinh tế, xã hội theo 2 hình thức cấu trúc (i) Các cực, điểm tăng trưởng và (ii) Các trục liên kết phát triển.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng trên địa bàn tỉnh Xác định các ngành quan trọng, mục b (trang 361), Báo cáo QHT xác định có 8 lĩnh vực quan trọng là quá nhiều. Các ngành, lĩnh vực lựa chọn chưa tập trung, còn dàn trải không có trọng điểm để kêu gọi đầu tư, phân bổ nguồn lực phát triển sẽ dẫn đến việc đầu tư thiếu trọng tâm, trọng điểm. Cần bổ sung tiêu chí xác định các ngành, lĩnh vực sản xuất hay dịch vụ quan trọng là có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, giải quyết việc làm, thu ngân sách tỉnh; xác định những ngành có mối liên kết liên ngành lớn và những ngành có xu thế cầu tăng nhanh trong tương lai, phù hợp với bối cảnh công nghệ mới của thế giới.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Qua đánh giá hiện trạng phát triển của tỉnh, các ngành, lĩnh vực quan trọng có thể là: công nghiệp; nông, lâm nghiệp; du lịch, dịch vụ. Các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội khác sẽ tiếp tục phát triển theo định hướng của ngành và xu hướng đầu tư về cơ sở hạ tầng của Chính phủ.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Rà soát, mục tiêu, định hướng phát triển các ngành quan trọng, trình bày còn dài dòng, một số còn chung chung, nên bổ sung thông tin, số liệu cụ thể, viết cô đọng, không giải thích dài dòng.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Sản xuất nông nghiệp, mục a.3 (trang 374), rà soát diện tích trồng các loại cây dược liệu dưới tán rừng, như Sâm Ngọc Linh... nên đưa về mục 4.1.3.3.c. Lĩnh vực Lâm nghiệp (trang 389), vì liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa
	Định hướng hoạt động của một số ngành, lĩnh vực quan trọng đối với lâm nghiệp, việc bố trí diện tích phát triển các loại rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất, với tổng diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2030 là 640.985 ha, về cơ bản phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, của Bộ NN&PTNT đang trình Chính phủ phê duyệt và Quyết định 326/QĐ-TTg, ngày 9/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chỉ tiêu phân bổ quy hoạch sử dụng đất Quốc gia.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Công nghiệp được xác định là một trong số những ngành quan trọng đối với sự phát triển tỉnh Kon Tum, với mục tiêu tỷ trọng GRDP công nghiệp – xây dựng trong kỳ quy hoạch 2021-2030 chiếm khoảng 32-35%. Do đó, đề nghị xem xét nghiên cứu bổ sung mô hình sản xuất theo chuỗi trong nông nghiệp, lâm nghiệp, khai khoáng... qua đó thúc đẩy phát triển các cụm liên kết ngành của tỉnh.	QHT đã tiếp thu, bổ sung mô hình sản xuất theo chuỗi trong nông nghiệp, lâm nghiệp, khai khoáng, tại mục IV. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng
	Một số ngành và lĩnh vực, như lĩnh vực trồng trọt, lĩnh vực thủy sản, ngành Lâm nghiệp, công nghiệp, du lịch là những ngành, lĩnh vực quan trọng. Tuy nhiên các lĩnh vực này chưa xây dựng giải pháp, nhất là các giải pháp mang tính đột phá, để thực hiện các định hướng phát triển. Đối với các ngành quan trọng cần bổ sung các giải pháp cụ thể về đào tạo lao động cho các ngành, lĩnh vực chủ yếu; chú trọng các giải pháp hỗ trợ việc chuyển đổi việc làm cụ thể cho người lao động từ khu vực nông thôn, cần rà soát bổ sung.	QHT đã tiếp thu, bổ sung các giải pháp cho các ngành lĩnh vực tại mục IV. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng
	Du lịch, mục 4.3.1 (trang 411) được xác định là ngành quan trọng đối với tỉnh, đã đề xuất mục tiêu, định hướng tương đối cụ thể, tuy nhiên xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động du lịch, nhất là các trọng điểm du lịch chưa được đề xuất cụ thể, chủ yếu vẫn dựa vào mạng lưới cơ sở dịch vụ đã có, cần rà soát quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, như: phát triển hệ thống cơ sở lưu trú; phát triển các cơ sở dịch vụ... để tạo cơ sở cho các đột phá về hoạt động du lịch.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Định hướng phát triển lĩnh vực dịch vụ, trong đó dịch vụ kinh tế ban đêm chưa được đề cập, cần nghiên cứu bổ sung thêm hoạt động này.	QHT đã tiếp thu, bổ sung nội dung dịch vụ kinh tế ban đêm tại mục 4.4. Ngành dịch vụ/4.4.1. Ngành du lịch
	Các lĩnh vực xã hội, mục 4.4 (trang 430), về: giáo dục; y tế; văn hoá, thể thao; khoa học-công nghệ, chưa xây dựng các giải pháp có tính đột phá để phát triển ngành, lĩnh vực đề xuất, mặt khác sau khi rà soát, xác định các ngành quan trọng, những ngành, lĩnh vực khác cần chuyển gộp với các nội dung của Phương án phát triển hạ tầng xã hội, mục 6.8 (trang 587), để tránh trùng lặp nội dung.	QHT tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung giải pháp tại các mục 8.2 Phương án phát triển hạ tầng xã hội
	Cần lồng ghép kinh tế tuần hoàn (KTTH) trong định hướng, phương án, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực theo như quy định tại Khoản 2, Điều 142, Luật BVMT, năm 2020. Lồng ghép phát triển các mô hình KTTH trong QHT sẽ giúp Kon Tum tăng trưởng kinh tế, giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái tài nguyên môi trường, đồng thời thích ứng với BĐKH, giảm phát thải KNK.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội	
	Phương án tổ chức hoạt động kinh tế, xã hội, mục V (trang 458), đã đề xuất các hoạt động chính liên quan tương đối cụ thể, một số vấn đề cần rà soát, điều chỉnh:	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>- Bố trí không gian các công trình dự án quan trọng. . ., mục 5.2 (trang 460), cần rà soát sửa tên Khu dữ trữ thiên nhiên Ngọc Linh, bổ sung Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Đăk Uy, theo QĐ số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	
	<p>- Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế, xã hội của tỉnh, mục 5.4 (trang 464), cần rà soát bổ sung việc tổ chức các trục phát triển (các hành lang phát triển) kết nối các cực phát triển, bổ sung Sơ đồ Hình 5.1, cần gắn với các địa phương cụ thể trên địa bàn tỉnh. Ngoài phạm vi, lợi thế vai trò, cần rà soát bổ sung chức năng, định hướng phát triển cụ thể của mỗi vùng phân chia. Định hướng phát triển không gian cho từng hành lang kinh tế, cần chú ý mở rộng không gian phát triển công nghiệp-đô thị- nông nghiệp-du lịch và kết nối không gian với cả các tỉnh, vùng tiếp giáp. Rà soát bổ sung phân bổ quy hoạch không gian đô thị và nông thôn cho các vùng. Cần rà soát bổ các khái niệm, ý nghĩa, tránh dài dòng trong phân vùng.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn</p>	
	<p><i>a) Phương án phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh</i> - Phương án phát triển hệ thống đô thị của tỉnh, mục 6.1 (trang 477), cần rà soát, cập nhật các đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>	<p>Các đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã được xác định căn cứ quyết định 241/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/02/2021 về kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 và Nghị quyết số 16-NQ/TU của Tỉnh ủy tỉnh Kon Tum ngày 23/08/2022, đảm bảo phù hợp với QHV Tây Nguyên</p>
	<p>- Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, mục 6.1.3 (trang 478), Nội dung Báo cáo xây dựng tương đối cụ thể kế hoạch phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh, kế hoạch phát triển đô thị của tỉnh đến năm 2030 (Bảng 6.1, 6.2), toàn tỉnh có 12 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại I, 5 đô thị loại IV, 6 đô thị loại V. Tuy nhiên, so sánh có sự sai khác với Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030, tỉnh Kon Tum có 6 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại II, 2 đô thị loại IV, 1 đô thị loại V. Cần bổ sung luận giải về sự sai khác, nhu cầu và định hướng phát triển đô thị của tỉnh giai đoạn 2021-2030.</p>	<p>Hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 16-NQ/TU của Tỉnh ủy tỉnh Kon Tum ngày 23/08/2022. Trong đó, các TT. Măng Đen, Đăk Tô, Sa Thầy, Đăk Hà, Đăk Glei và Đăk Rve hiện đang là các đô thị hiện hữu (đã được công nhận đô thị) của tỉnh Kon Tum; vì vậy, QHT Kon Tum đề xuất tiếp tục phát triển các đô thị này, đảm bảo phù hợp với thực trạng phát triển đô thị của tỉnh. Đối với đô thị Mô Rai, theo tính toán của nhóm chuyên gia tư vấn, đến năm 2030 khu vực này có đủ các điều kiện đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, vì vậy QHT Kon Tum đề xuất đưa đô thị Mô Rai vào hệ thống đô thị của tỉnh trong giai đoạn đến năm 2030</p>
	<p>- Bổ sung xác định phương án phát triển hệ thống đô thị của tỉnh, gồm xác định các chỉ tiêu dự báo, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về phát triển đô thị của tỉnh; đề xuất mô hình, cấu trúc hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; định hướng nâng cấp các đô thị hiện có và hình thành các đô thị mới trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Bổ sung nội dung phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống đô thị để có định hướng phù hợp cho sự phát triển đô thị quy hoạch. Xác định tiêu chuẩn lựa chọn các khu vực dành cho mục tiêu phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030) trong thời kỳ quy hoạch. Định hướng bố trí sử dụng đất phát triển hệ thống đô thị.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p><i>b) Phương án phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn</i></p> <p>- Phương án phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn, mục 6.3 (trang 509), cần rà soát, đề xuất định hướng, nguyên tắc tổ chức, phân bố điểm dân cư nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán địa phương; giảm thiểu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu; thuận tiện trong kết nối giao thông; đáp ứng yêu cầu theo tiêu chí nông thôn mới.</p>	<p>Phương án phân bố điểm dân cư nông thôn đã được nghiên cứu đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh và phù hợp với các quy định của pháp luật</p>
	<p>- Rà soát, bổ sung xây dựng tiêu chuẩn lựa chọn xác định các khu vực dành cho mục tiêu phát triển điểm dân cư trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030) trong thời kỳ quy hoạch, đảm bảo nguyên tắc khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả; bổ sung định hướng xây dựng các trung tâm cụm xã.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Bổ sung dự án quan trọng cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư. Xây dựng giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.</p>	<p>QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại PL10. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư; giải pháp thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn đã được trình bày tại mục 6.1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và 6.3. Phương án quy hoạch hệ thống nông thôn</p>
	<p><i>c) Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực</i></p> <p>Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, mục 6.5 (trang 516), cần rà soát, bổ sung:</p>	
	<p>- Định hướng phát triển kinh tế các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn cần gắn với các địa phương cụ thể và gắn với giải quyết vấn đề an sinh xã hội, thoát nghèo bền vững, từng bước nâng cao dân trí, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống với các vùng khác của tỉnh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu và bổ sung nội dung này tại mục 6.6.3. Phương hướng phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn</p>
	<p>- Đối với Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực, mục 6.6 (trang 524) cần bổ sung định hướng chủ yếu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển các khu đô thị mới, phát triển các cơ sở công nghiệp tại các khu vực có vai trò động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Bổ sung xây dựng phương án kết nối, liên kết cụ thể giữa các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực có vai trò động lực của tỉnh. Xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh. Xây dựng giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch cụ thể.</p>	<p>QHT đã bổ sung nội dung dung kết nối, liên kết cụ thể giữa các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực có vai trò động lực của tỉnh: Quy hoạch đầu tư các tuyến đường giao thông kết nối, phát triển các ngành, sản phẩm, lĩnh vực quan trọng của địa phương; đầu tư phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh tại mục 15.1.2. Dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước; Phụ lục 10. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (trong đó có ưu tiên đầu tư các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện. . .) để kết nối các khu vực nông thôn với đô thị; kết nối khu vực khó khăn với khu vực động lực.</p>
	<p><i>Phương án phát triển các khu chức năng</i></p>	
	<p>Phương án phát triển các khu chức năng, mục 6.2 (trang 497), cần rà soát, bổ sung các khu chức năng còn thiếu, bao gồm khu sản xuất nông nghiệp, khu lâm nghiệp, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	thương mại - dịch vụ, khu đào tạo. Đối với khu sản xuất nông nghiệp, nên chuyển mục 6.3.5.Phương án phát triển các vùng, khu sản xuất nông nghiệp tập trung về mục 6.2.	
	<p><i>a) Phương án quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp, CCN</i></p> <p>- Đề phát triển Công nghiệp của tỉnh, trong giai đoạn 2021-2030, đề xuất thành lập 4 KCN, với diện tích 575 ha và 33 CCN với diện tích 1.729,715 ha. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2020, chỉ có 2/4 KCN, với diện tích 210 ha và 8/19 CCN, với tỷ lệ lấp đầy 72%, đi vào hoạt động. Do vậy để thành lập các KCN và CCN, cần bổ sung thêm: Thông tin về hiện trạng sử dụng đất và điều kiện phát triển cụ thể của KCN, CCN đề xuất bổ sung mới; đánh giá và giải trình về khả năng đáp ứng các điều kiện về việc bổ sung mới KCN, CCN, như: khả năng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, nhà ở và các công trình xã hội, văn hóa, thể thao phục vụ lực lượng làm việc của KCN, CCN; đánh giá về khả năng cung cấp và đáp ứng nhu cầu về lao động cho phát triển KCN, CCN; đảm bảo phù hợp của phương án phát triển KCN, CCN với các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên. . .</p>	QHT đã tiếp thu, bổ sung tại mục 6.3.2 Phương án phát triển KCN và mục 6.3.3 Phương án phát triển CCN
	- Đối với các KCN và CCN, cần dự kiến nhu cầu vốn đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng từng KCN, CCN và phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030). Xác định khả năng huy động vốn từ các nguồn: vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ; vốn của doanh nghiệp và vốn của các tổ chức khác. Bổ sung các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<p><i>b) Phương án phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu thể dục, thể thao, văn hoá.</i></p> <p>- Rà soát, bổ sung xây dựng giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch cụ thể của các khu chức năng. Đối với phương án phát triển các khu bảo tồn di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, cần rà soát sửa lại tên các Khu bảo tồn như đã đề cập</p>	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Rà soát, bổ sung các khu bảo tồn di tích, lịch sử, về: tên, phân hạng di tích, diện tích; phân bố; các đặc điểm chủ yếu...	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Bổ sung đề xuất các dự án ưu tiên; đề xuất giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch hệ thống.	
	Xác định khu vực quân sự, an ninh	
	Xác định khu vực quân sự, an ninh, mục 6.4 (trang 514), nội dung thể hiện tương đối cụ thể.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Phương án phát triển không gian xanh	
	Đề nghị bổ sung nội dung phương án này trong xây dựng trong báo cáo QHT. Bổ sung phương án phát triển không gian xanh và tập trung vào nội dung: quan điểm và mục tiêu; dự báo nhu cầu phát triển; định hướng diện tích và phân bố phát triển không gian xanh toàn tỉnh, thành phố, huyện (bao gồm: không gian xanh tự nhiên, không gian xanh bán tự nhiên, không gian xanh nhân tạo (không gian sử dụng công cộng: công viên, vườn hoa, vườn dạo); hành lang xanh; không gian xanh chuyên dụng. . .; đề xuất giải pháp và nguồn lực thực hiện.	QHT đã tiếp thu, bổ sung tại mục VIII. Phương hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội; 8.7. Phương hướng phát triển hệ thống không gian xanh
	Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>a) Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải</p> <p>Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, mục 6.7.1 (trang 526), các nội dung trình bày tương đối cụ thể, một số nội dung cần bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị cập nhật mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt, các tuyến đường thủy nội địa, sân bay, mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã xác định ở quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh. 	<p>QH tỉnh đã cập nhật theo các QH quốc gia có liên quan</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định phương án kết nối các tuyến đường bộ do tỉnh quản lý với đường cao tốc, đường quốc lộ trên địa bàn tỉnh. Xác định phương án kết nối các tuyến đường bộ của tỉnh với ga đường sắt, tuyến đường sắt trên địa bàn tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong bản đồ quy hoạch đã thể hiện kết nối cơ bản tuyến đường bộ do tỉnh quản lý với đường cao tốc, đường quốc lộ trên địa bàn tỉnh. Về chi tiết các điểm giao cắt, sẽ được thể hiện trong Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Bộ GTVT đang chủ trì lập) - Quy hoạch đường sắt qua địa bàn tỉnh còn Kon tum mang tính chất định hướng, chưa có hướng tuyến cụ thể và định hướng đầu tư sau năm 2050 khi có điều kiện về nguồn vốn và phát sinh nhu cầu vận tải. Vì vậy trong giai đoạn này chưa xác định được phương án kết nối các tuyến đường bộ của tỉnh với ga đường sắt, tuyến đường sắt trên địa bàn tỉnh.
	<ul style="list-style-type: none"> - Cần bổ sung nội dung phương án phát triển đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh; xác định nhu cầu sử dụng đất cho phát triển mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch, bao gồm diện tích đất: cho phát triển mạng lưới đường bộ; sân bay; phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; đất cho phát triển đường sắt; trung tâm logistic. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án phát triển đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh: Đường GT NT thuộc Đồ án quy hoạch nông thôn mới của các xã, không nằm trong Quy hoạch Tỉnh. Về danh mục công trình giao thông đầu tư thuộc hệ thống đường xã, thôn, xóm, nội đồng: Sau khi quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh Kon Tum sẽ chỉ đạo Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với các sở ban ngành, UBND các huyện thành phố triển khai lập Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050 để làm cơ sở để triển khai thực hiện - Nhu cầu quỹ đất cho phát triển hạ tầng giao thông đã có tính toán trong Phương án phát triển mạng lưới giao thông và phân bổ trong các chỉ tiêu sử dụng đất.
	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung đề xuất các dự án ưu tiên, xây dựng các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch. 	<p>Đã có trong phương án phát triển hạ tầng giao thông trong QHT</p>
	<p>b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước, thoát nước, thủy lợi,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với mạng lưới cấp, thoát nước, mục 6.7.2 (trang 544), cần cập nhật mạng lưới cấp, thoát nước, thủy lợi 	<p>QHT đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 6.7.4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>quy mô vùng, liên tỉnh; các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nguồn nước đã được xác định trong Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch vùng Tây Nguyên do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lập và quy hoạch lưu vực sông trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Đã rà soát mạng lưới cấp thoát nước tại các Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch vùng Tây Nguyên (không thấy phát sinh khác)</p>
	<p>- Bổ sung nội dung xác định nhu cầu sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, thủy lợi trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030; xác định các dự án ưu tiên; xây dựng đề xuất giải pháp quản lý, thực hiện nội dung quy hoạch.</p>	<p>QHT tiếp thu, chỉnh sửa đã xác định chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi đến từng huyện tại mục VII. Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện và xác định các dự án thủy lợi ưu tiên đầu tư tại Phụ lục 10. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư Bổ sung tại Bảng 6. 24: Công trình đầu mối cấp nước đô thị, công nghiệp Tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2030 – mục 7.2.2; bảng 6. 29: Phương án về vị trí, quy mô, loại, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận Nước thải – mục 7.3.5 và phụ lục 10</p>
	<p>c) <i>Phương án phát triển mạng lưới cấp điện</i> - Phát triển mạng lưới cấp điện, mục 6.7.5 (trang 564), cần rà soát, cập nhật thêm các công trình cấp điện, mạng lưới điện truyền tải ở cấp điện áp từ 220 kV trở lên đã được xác định trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Công Thương là cơ quan tổ chức lập và phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định các công trình đó trong quy hoạch vùng Tây Nguyên.</p>	<p>Quy hoạch tỉnh Đã cập nhật theo QH điện VIII</p>
	<p>- Hiện nay, tỉnh Kon Tum đã có 28 nhà máy thủy điện đang hoạt động, có 51 nhà máy đã và đang tiếp tục xây dựng, với tổng công suất 870,6 MW; phát triển điện gió, với 29 cụm dự án, công suất 2.614 MW; có 20 dự án điện mặt trời, tổng công suất 2.822,937 MWp, trong đó có 1 dự án công suất 40 MWp đã phát điện do vậy cần rà soát vị trí quy hoạch các nhà máy, tránh ảnh hưởng tới các khu bảo tồn đa dạng sinh học, sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Rà soát, bổ sung đề xuất quy hoạch (nhu cầu, định hướng quy hoạch... đối với hệ thống cung ứng xăng dầu, khí đốt trên địa bàn tỉnh;</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Cần xác định nhu cầu sử dụng đất phát triển mạng lưới sản xuất, cấp điện theo quy hoạch cụ thể; nhu cầu sử dụng đất đối với hệ thống cung ứng xăng dầu; đề xuất các dự án ưu tiên; đề xuất giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>d) <i>Phát triển hạ tầng thông tin truyền thông</i> - Hạ tầng thông tin truyền thông, mục 6.7.6 (trang 576), một số nội dung cần rà soát bổ sung thêm: Cập nhật các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức lập và xác định trong quy hoạch vùng Tây Nguyên; xác định các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia gồm tổng đài chuyển mạch BSC và truyền dẫn kết nối liên tỉnh trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>QH tỉnh đã cập nhật QH quốc gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	- Bổ sung quy hoạch sử dụng đất của ngành, đề xuất các dự án ưu tiên; đề xuất giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch trên địa bàn tỉnh.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<i>d) Phương án phát triển khu xử lý chất thải rắn</i> Phát triển khu xử lý chất thải rắn, mục 6.7.7 (trang 578), cần rà soát, bổ sung: - Cần rà soát, cập nhật các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Xây dựng tổ chức lập, Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập, xác định khu xử lý chất thải trong quy hoạch vùng Tây Nguyên.	Đã rà soát, chỉnh sửa tại mục 7.7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn
	- Bổ sung dự báo các nguồn phát thải, khối lượng phát thải và tỷ lệ thu gom chất thải rắn trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch. Các khu xử lý CTR huyện và liên huyện cần bổ sung quy mô diện tích xây dựng.	Đã rà soát, chỉnh sửa tại mục 7.7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn
	- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các khu xử lý chất thải rắn liên huyện trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch; xác định các dự án phát triển khu xử lý chất thải rắn quan trọng cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư; xây dựng đề xuất giải pháp quản lý, thực hiện nội dung quy hoạch.	Đã rà soát, chỉnh sửa tại mục 7.7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn
	<i>e) Phương án phát triển phòng cháy, chữa cháy</i> Phương án phát triển phòng cháy, chữa cháy, mục 6.7.8 (trang 582), các nội dung trình bày tương đối cụ thể. Cần rà soát, bổ sung nội dung xác định nhu cầu sử dụng đất, đề xuất các dự án ưu tiên; xây dựng đề xuất giải pháp quản lý, thực hiện nội dung quy hoạch.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<i>Phương án phát triển hạ tầng xã hội</i>	
	Cần rà soát xác định các ngành quan trọng, những ngành, lĩnh vực xã hội, mục 4.4 (trang 430), về: giáo dục; y tế; văn hoá, thể thao; khoa học-công nghệ, khác cần chuyển gộp với các nội dung của Phương án phát triển hạ tầng xã hội, mục 6.8 (trang 587), để tránh trùng lặp nội dung.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<i>a) Phương án phát triển nhà ở</i> Phát triển nhà ở, mục 6.8.1 (trang 587), nội dung được trình bày tương đối cụ thể, cần rà soát bổ sung đề xuất các dự án ưu tiên; đề xuất các giải pháp thực hiện.	Giải pháp phát triển nhà ở đã được trình bày tại mục 8.1. Phương án phát triển nhà ở; dự án ưu tiên đã được rà soát, bổ sung tại PL 10. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư
	<i>b) Hạ tầng thương mại, giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội</i> (i) Hạ tầng lĩnh vực giáo dục đào tạo, mục 6.8.2 (trang 595), cần rà soát, bổ sung hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh. Bổ sung dự kiến tổng diện tích đất sử dụng và nhu cầu vốn đầu tư để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục – đào tạo của tỉnh; xác định các dự án ưu tiên, xây dựng các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch. Nên chuyển mục 4.4.1 (trang 430) về mục này và sắp xếp lại nội dung.	QHT xin tiếp thu, bổ sung nội dung về giáo dục hòa nhập vào mục 6.8.1 phương án phát triển lĩnh vực giáo dục
	- Giáo dục nghề nghiệp, mục 6.8.2.2 (trang 598), cần định hướng phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề của tỉnh: cần dự báo quy mô đào tạo, ngành nghề và trình độ đào tạo cho lực lượng lao động của tỉnh thời kỳ quy hoạch. Dự kiến tổng số cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, phân theo loại hình cơ sở đào tạo, xác định vị trí, quy mô diện tích từng cơ sở dạy nghề do tỉnh quản lý trên địa bàn. Xác định nhu cầu sử dụng đất để phát triển các cơ sở dạy nghề của tỉnh. Xây dựng các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	QHT xin tiếp thu, bổ sung nội dung vào mục 6.8.1 phương án phát triển lĩnh vực giáo dục và đào tạo

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	(ii) Mạng lưới hạ tầng Y tế, mục 6.8.3 (trang 599), các cơ sở y tế, mới chỉ thống kê các cơ sở đến năm 2030, tuy nhiên cần rà soát xác định các cơ sở y tế: nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới; xác định các dự án cơ sở y tế cấp tỉnh và liên huyện được ưu tiên đầu tư nâng cấp và xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030). Xây dựng các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch. Nên chuyển mục 4.4.2 (trang 436) về mục này và sắp xếp lại nội dung.	QHT xin tiếp thu, bổ sung nội dung vào mục 6.8.2 phương án phát triển lĩnh vực y tế
	(iii) Hạ tầng văn hoá, thể dục, thể thao, mục 6.8. (trang 601), cần cập nhật các khu du lịch, khu thể dục thể thao, khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định ở quy hoạch vùng và quy hoạch ngành quốc gia. Nên chuyển mục 4.4.3 (trang 441) về mục này và sắp xếp lại nội dung.	QHT xin tiếp thu, chuyển nội dung này về mục 6.8.3 phương án phát triển lĩnh vực văn hóa thể thao.
	-Rà soát xác định các cơ sở: nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới; xác định các dự án ưu tiên đầu tư nâng cấp và xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030). Xây dựng các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	(iv) An sinh xã hội, mục 6.8.5 (trang 604), rà soát, bổ sung, xác định chỉ tiêu sử dụng đất và nhu cầu sử dụng đất để phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng của tỉnh. Định hướng phân bố không gian mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng: danh mục, địa điểm, quy mô phục vụ của các cơ sở, phân theo cơ sở công lập và cơ sở ngoài công lập; nhu cầu sử dụng đất của từng cơ sở; danh mục các cơ sở xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch, phân theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030. Xây dựng các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	(v) Hạ tầng thương mại, chưa được đề cập, cần rà soát bổ sung, như quy hoạch số lượng cụ thể về siêu thị, trung tâm thương mại. . . nhu cầu sử dụng đất từng loại hình và tổng diện tích sử dụng trên địa bàn tỉnh trong kỳ quy hoạch. Cần chuyển mục 4.3.2 (trang 423) về mục này và sắp xếp lại nội dung phù hợp.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	(vi) Hạ tầng KHCN chưa được đề cập, cần rà soát bổ sung, mục tiêu, định hướng. . . nên chuyển mục 4.4.4 (trang 453) về mục này.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<i>Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện</i>	
	Phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng, mục VII (trang 606), nội dung định hướng sử dụng đất theo các khu chức năng trình bày tương đối cụ thể và bám sát vào chỉ tiêu phân bố của Quốc gia theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022, của Thủ tướng Chính phủ, một số nội dung còn thiếu, cần rà soát, bổ sung, chỉnh sửa: - Cần bổ sung xây dựng nguyên tắc lập phương án phân bố sử dụng đất, trong các nguyên tắc nên có nguyên tắc: phù hợp với phương án phân bố chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 do Thủ tướng chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.	QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa tại phần VII. Phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện
	- Phương án sử dụng đất đến năm 2030, Bảng 7.1 (trang 614), về cơ bản diện tích đất phân bổ sử dụng phù hợp với QĐ số 326/QĐ-TTg, ngày 9/3/2022, của Thủ Tướng Chính phủ, về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử	QHT xin tiếp thu các chỉ tiêu sử dụng đất cơ bản phù hợp với QĐ số 326/QĐ-TTg, ngày 9/3/2022, của Thủ Tướng Chính phủ.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025. Cần rà soát một số chỉ tiêu còn sai lệch, theo Báo cáo QHT, đất Khu kinh tế 16.000 ha; đất đô thị 90.078 ha, theo chỉ tiêu phân bổ của Chính phủ: đất khu kinh tế 70.438 ha; đất đô thị 61.572 ha. Cần rà soát số liệu, có luận giải cụ thể về sự sai lệch, cần có mục đề xuất thay đổi diện tích sử dụng đất của tỉnh để xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Chính phủ. Về cơ bản cần tuân thủ nguyên tắc phù hợp với chỉ tiêu phân bổ sử dụng đất đã được Chính phủ phê duyệt.</p>	<p>- Các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh xác định chênh lệch với cấp quốc gia phân bổ, giải trình như sau: (1) Chỉ tiêu đất đô thị đề xuất cao hơn 28.506 ha nguyên nhân chủ yếu là do tình quy hoạch mở rộng không gian đô thị, đẩy mạnh nâng cấp các đô thị vệ tinh như quy hoạch trung tâm huyện lỵ Kon Rẫy, trung tâm huyện lỵ Ia H'Đrai, trung tâm huyện lỵ Tu Mơ Rông đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, hình thành thị xã Ngọc Hồi trên cơ sở huyện Ngọc Hồi, hình thành đô thị Mô Rai đạt đô thị loại V trên cơ sở xã Mô Rai huyện Sa Thầy nên tổng diện tích đất đô thị cấp tỉnh xác định đến năm 2030 có chênh lệch so với cấp quốc gia phân bổ. (2) Chỉ tiêu Đất khu kinh tế 16.000 ha (đề xuất giảm 54.438 ha) đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương điều chỉnh quy mô Khu kinh tế giảm còn 16.000 ha, để tập trung nguồn lực đầu tư có trọng điểm, trình bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thủ tướng chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch KKT theo tờ trình số 46/TTR-UBND ngày 20/4/2020.</p>
	<p>- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng, mục 7.3.4 (trang 629), cần rà soát viết đúng tên và phân hạng các khu rừng đặc dụng đã đề cập ở phần trên và rà soát chỉnh sửa tên trong toàn bộ báo cáo.</p>	<p>QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa tại phần VII. Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện</p>
	<p>-Báo cáo chưa làm rõ được định hướng sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực đến năm 2050, do đó cần bổ sung. Các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2050 cần dựa trên các cơ sở để xác định cụ thể và đề xuất.</p>	<p>QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa tại phần VII. Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện</p>
	<p>-Báo cáo chưa có thuyết minh về cơ sở xác định chỉ tiêu sử dụng đất cho từng loại đất ở cấp tỉnh, cơ sở và phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, cần rà soát bổ sung. Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 12.767 ha, gồm: đất trồng lúa chuyển sang phi nông nghiệp 470,44 ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp 5.623,57 ha; đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp 3.058,33 ha; đất rừng phòng hộ 109,59 ha; đất rừng đặc dụng 134,97 ha... Cần làm rõ cơ sở đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi nội bộ đất nông nghiệp, với diện tích chuyển đổi rất lớn 56.235,17 ha, cần rà soát lại số liệu này, cần có luận giải cụ thể và cần tuân thủ tiêu chí phân chia các loại rừng.</p>	<p>Việc xác định các chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp để thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên trong quy hoạch tỉnh và các công trình xây dựng hạ tầng, các dự án phát triển kinh tế - xã hội, cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng rà soát việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp để thực hiện các chương trình, dự án theo hướng (i) không chuyển đổi đất lúa và được quản lý nghiêm ngặt; (ii) việc chuyển đổi đất lâm nghiệp chỉ được thực hiện đối với các công trình cấp quốc gia, các công trình trọng điểm phục vụ quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương.</p>
	<p><i>Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện/ huyện</i></p>	
	<p>Báo cáo quy hoạch đã đề xuất quy hoạch 3 vùng liên huyện, thống nhất với nội dung về phân vùng kinh tế - xã hội chung của tỉnh: vùng liên huyện phía Nam tỉnh; vùng liên huyện phía Đông; vùng liên huyện phía</p>	<p>Nội dung luận cứ, cơ sở hình thành phạm vi ranh giới quy hoạch của 3 vùng liên huyện đã được trình bày tại mục 5.4. Phương án tổ</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>Bắc. Việc phân chia chủ yếu dựa vào một số nguyên tắc... các nội dung được chuẩn bị tương đối đầy đủ, tuy nhiên cần làm rõ một số vấn đề liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các vùng liên huyện cần rà soát, bổ sung các luận cứ, cơ sở hình thành phạm vi ranh giới quy hoạch của 3 vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh. 	chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của Tỉnh
	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, bổ sung việc dự báo tỷ lệ đô thị hóa của vùng/huyện trong thời kỳ quy hoạch, bố trí, sắp xếp hệ thống các trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bố sản xuất và phân bố dân cư trong vùng. 	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<ul style="list-style-type: none"> - Cần rà soát, bổ sung định lượng các định hướng phát triển, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của vùng trong thời kỳ quy hoạch nên phân ra từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030); bổ sung định hướng sử dụng đất. 	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình phát triển không gian các huyện, tỉnh Kon Tum được lựa chọn chủ yếu là cấu trúc dạng tam giác kết hợp ô bàn cờ, chưa hoàn toàn hợp lý vì như đã đề cập ở phần trên, địa hình các huyện của tỉnh Kon Tum chủ yếu là đồi, núi trung bình và núi cao chiếm 61,73%; địa hình đồi, núi thấp chiếm 21,01% (Báo cáo QHT). Đối với các huyện vùng phía Bắc và vùng phía Đông với địa hình đồi, núi cao nên rà soát phương án phát triển cấu trúc không gian kinh tế, xã hội theo hình thức cấu trúc: các cực, điểm tăng trưởng hoặc các trục liên kết phát triển. 	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định dự án quan trọng thuộc thẩm quyền cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư trên địa bàn vùng trong thời kỳ quy hoạch; xây dựng giải pháp thực hiện phương án quy hoạch. 	
	<i>Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh</i>	
	<p>Báo cáo đã trình bày tương đối cụ thể các nội dung chủ yếu, một số vấn đề cần rà soát, bổ sung:</p> <p>a) <i>Phương án bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và ĐDSH</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân vùng bảo vệ môi trường, Bảng 9.1 (trang 717), cần rà soát và có luận giải việc bố trí diện tích rừng phòng hộ tại các vùng, chủ yếu thuộc vùng hạn chế phát thải, trong khi nhiều diện tích rừng phòng hộ thuộc rừng phòng hộ đầu nguồn, nên rà soát xếp vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt. 	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án bảo tồn ĐDSH... , mục 9.4 (trang 724), cần rà soát lại tên, diện tích các khu bảo tồn còn sai lệch: VQG Chư Mom Rây, Khu dự trữ thiên nhiên Ngọc Linh, Khu bảo tồn loài-sinh cảnh Đăk Uy, Khu dự trữ thiên nhiên Kon Plông, Khu bảo vệ cảnh quan Măng Đen... , các thông tin, số liệu phải có nguồn tham khảo, nên lấy theo Quyết định mới nhất của cấp có thẩm quyền để xác định đúng tên, diện tích khu rừng đặc dụng. Chính phủ hoặc tỉnh. Tên Khu dự trữ thiên nhiên Ngọc Linh, không phải VQG Ngọc Linh... Rà soát, chuẩn hoá nguồn thông tin liên quan về đa dạng sinh học và bảo tồn trong toàn bộ báo cáo QHT. 	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã rà soát chuẩn hóa lại số liệu
	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra lại nguồn thông tin các khu đất ngập nước Yaly, Sông Se San (trang 726) tên phân hạng các khu bảo tồn đất ngập nước chưa đúng. 	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ sở phục vụ bảo tồn, mục b (trang 726), tên chưa đúng, sửa lại Các cơ sở bảo tồn. Rà soát, kiểm tra lại nguồn thông tin, Vườn thực vật ở KBT loài- sinh cảnh Đăk Uy... Vườn thú... Trong các VQG, các khu bảo tồn ở Kon Tum, không thiết lập Vườn thú, mà chỉ có các trung tâm cứu hộ động vật và không phải các KBT đều thiết lập trung tâm cứu hộ 	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p><i>b) Phương án phát triển rừng bền vững</i> Nội dung phương án phát triển bền vững rừng và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp, mục 9.7 (trang 728), xây dựng chưa đầy đủ và cụ thể, một số nội dung còn chung chung, chưa tương xứng với vai trò của lĩnh vực lâm nghiệp đối với tỉnh. Diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Kon Tum rất lớn 640.985 ha, chiếm 66,2% diện tích tự nhiên của tỉnh, có ý nghĩa rất quan trọng về kinh tế, xã hội, môi trường và quốc phòng, an ninh đối với tỉnh. Do vậy, nội dung Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, cần xây dựng chi tiết, cụ thể. Cần rà soát, bổ sung:</p> <p>(i) Xác định tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh đầu kỳ quy hoạch;</p> <p>(ii) Xác định các chỉ tiêu bảo vệ, phát triển rừng, dịch vụ môi trường rừng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu bảo vệ rừng: diện tích rừng phải bảo vệ, diện tích rừng giao khoán bảo vệ, diện tích đất lâm nghiệp giao khoán trồng rừng theo các chương trình mục tiêu quốc gia. - Chỉ tiêu phát triển rừng: rừng khoanh nuôi, rừng trồng mới, rừng trồng sau cải tạo rừng nghèo, rừng trồng sau khai thác; cải tạo rừng; trồng cây phân tán. - Chỉ tiêu khai thác rừng: khai thác gỗ rừng trồng, khai thác lâm sản phụ, (không khai thác rừng tự nhiên, vì hiện Chính phủ đã cấm khai thác rừng gỗ tự nhiên trên toàn quốc). - Phát triển kinh tế dưới tán rừng, dịch vụ môi trường rừng; xây dựng đề án tham gia thị trường chứng chỉ cacbon trong Lâm nghiệp. <p>(iv) Phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh: cần có quy hoạch, số liệu cụ thể, như: số km đường lâm nghiệp cần xây dựng; số trạm các công trình kiểm soát, bảo vệ rừng cần xây dựng và các công trình phòng, chống cháy rừng; trụ sở Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, . .</p> <p>(v) Xác định nhu cầu vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng: Nhu cầu vốn đầu tư cho bảo vệ rừng, nhu cầu vốn đầu tư phát triển rừng và nhu cầu vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch, phân theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030; Xác định nguồn vốn đầu tư gồm vốn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách địa phương và vốn khác; xây dựng giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã bổ sung nội dung tại “mục 11.7. Phương án phát triển bền vững rừng và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp”</p>
	<p><i>c) Xây dựng nguyên tắc, cơ chế phối hợp quản lý và bảo vệ môi trường</i> Báo cáo chưa xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, cần bổ sung cụ thể, bao gồm: các nguyên tắc bảo vệ môi trường; các nguyên tắc quản lý môi trường; cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn, cần xây dựng bổ sung.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p><i>Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên</i></p>	
	<p>- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên, mục 10.1 (trang 734), cần bổ sung nội dung: đối với các loại khoáng sản chuẩn bị cấp phép thăm dò khai thác cần xác định quy mô công suất khai thác cụ thể, định hướng mục tiêu sản phẩm chế biến và sử dụng, yêu cầu về công nghệ khai thác, chế biến đối với từng loại khoáng sản.</p>	<p>Đối với các loại khoáng sản chuẩn bị cấp phép thăm dò khai thác đã được xác định quy mô công suất khai thác, định hướng mục tiêu sản phẩm chế biến và sử dụng, yêu cầu về công nghệ khai thác, chế biến đối với từng loại khoáng sản. trong NDĐX về</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
		PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
	- Giải pháp bảo vệ. . ., mục 10.4 (trang 741), cần rà soát bổ sung các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường và phục hồi môi trường trong và sau khi khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản. Bổ sung các giải pháp và nguồn lực thực hiện nội dung quy hoạch.	QHT đã rà soát tại mục 12.4.4. Giải pháp về khoa học công nghệ, môi trường
	<i>Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra</i>	
	- Phương án khai thác, sử dụng. . . tài nguyên nước, mục XI (trang 744) cần bổ sung nội dung xác định cụ thể các khu vực cấm, hạn chế khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	Báo cáo đã bổ sung nội dung danh mục các khu vực cần bảo vệ, hạn chế khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum (mục XI. Phương án bảo vệ, khai thác, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra – Báo cáo thuyết minh tổng hợp)
	- Xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước trong thời kỳ quy hoạch, phân theo từng giai đoạn 2021-2025 và 2026 -2030; xác định nguồn vốn đầu tư	Báo cáo đã bổ sung danh mục các dự án đầu tư, đề tài nghiên cứu có liên quan đến ngành tài nguyên nước trong quy hoạch tỉnh Kon Tum, phân theo từng giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030, sau năm 2030, đã xác định nguồn vốn đầu tư (tại Bảng 08. Danh mục các dự án đầu tư – phần Phụ lục báo cáo thuyết minh tổng hợp)
	<i>Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu</i>	
	- Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, mục XII (trang 766), các nội dung chủ yếu được trình bày tương đối cụ thể, cần rà soát, cập nhật các công trình, dự án phát triển trạm khí tượng thủy văn; các công trình dự án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đã được xác định trong Quy hoạch mạng lưới trạm thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ TN&MT xây dựng; Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ NN&PTNT xây dựng; xác định các công trình trên ở quy hoạch vùng Tây Nguyên.	QHT đã tiếp thu và bổ sung vào phụ lục 8
	- Đề nghị rà soát, chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ các nội dung theo văn bản số 5858/BNN-PCTT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đảm bảo phù hợp với pháp luật về quy hoạch và pháp luật về phòng, chống thiên tai.	QHT đã tiếp thu và tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa báo cáo theo văn bản số 5858/BNN-PCTT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	- Các giải pháp về phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu, mục 12.4 (trang 774), một số nội dung còn chung chung, như xác định sạt lở, lũ quét thường xảy ra địa điểm cụ thể ở đâu? Giải pháp cụ thể là gì? giải pháp công trình là làm cái gì, như thế nào. . . cần rà soát bổ sung.	QHT tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 12.4. Giải pháp về phòng chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu
	-Rà soát các giải pháp Xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch để phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ quy hoạch, phân theo từng giai đoạn 2021-2025 và 2026 -2030; xác định nguồn vốn đầu tư; xây dựng giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	QHT đã trình bày tại phụ lục 7.1 và đã bổ sung phụ lục 7.2 về các công trình, dự án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu
	<i>Dự án ưu tiên, giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch, kết luận, kiến nghị</i>	
	a) Các dự án ưu tiên	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	- Cần rà soát, bổ sung các dự án đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ việc làm, trợ giúp xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.	
	- Đề nghị rà soát các dự án đề xuất phải liên quan với các hoạt động trong phương hướng hoặc phương án quy hoạch ngành đã được đề xuất trong Báo cáo, nếu không đề xuất hoạt động thì không đề xuất dự án, do vậy cần rà soát lại các dự án đề xuất, trong toàn bộ báo cáo.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Đề nghị rà soát lại các dự án ưu tiên đầu tư theo hướng chỉ đưa vào các dự án quan trọng của Tỉnh, liên huyện thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đề nghị xem xét đưa vào mục riêng các QH chuyên ngành, cấp dưới.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<i>b) Các giải pháp quy hoạch</i> - Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực, nên rà soát, bổ sung các hình thức đào tạo lao động cụ thể như liên kết với các trường đào tạo Đại học, sau Đại học, Cao đẳng, dạy nghề... trên địa bàn tỉnh hoặc vùng; thu hút lực lượng lao động ngoại tỉnh... để nâng cao chất lượng lao động của tỉnh.	Nội dung này đã được trình bày tại mục 16.2. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực & phát triển thị trường lao động/ XVI. Giải pháp, nguồn lực thực hiện
	- Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách bổ sung giải pháp phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã trong đó chú trọng phát triển các hợp tác xã sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa, hiện đại, quy mô lớn, nông nghiệp hữu cơ, hiệu quả cao và các hợp tác xã xuất khẩu sản phẩm nông sản chủ lực gắn với vùng nguyên liệu đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ...	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 16.4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển// XVI. Giải pháp, nguồn lực thực hiện
	- Cần bổ sung lồng ghép các giải pháp Tăng trưởng xanh với kinh tế tuần hoàn theo Quyết định số 687/QĐ-TTg, ngày 7/6/2022, phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam vào trong phương án phát triển các ngành, lĩnh vực, nhân rộng các mô hình KTTH, sử dụng tiết kiệm hiệu quả tài nguyên, năng lượng, tái sử dụng, tái chế chất thải... trong sản xuất công nghiệp, nông lâm nghiệp, dịch vụ	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	-Bổ sung thêm nhóm giải pháp về Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực chỉ đạo, điều hành, đổi mới cơ chế chính sách, môi trường đầu tư của tỉnh.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	<i>c) Kết luận, kiến nghị</i> Cần bổ sung mục Kết luận, kiến nghị và tài liệu tham khảo vào Báo cáo QHT, các kết luận đưa ra trên cơ sở các nội dung chính của quy hoạch, viết ngắn gọn, cô đọng, thể hiện được nội dung chủ yếu của Báo cáo. Các kiến nghị, đề xuất của tỉnh liên quan đến việc thực hiện QHT	QHT đã chỉnh sửa, bổ sung Phần III. Kết luận, kiến nghị
	<i>Một số ý kiến khác</i>	
	-Báo cáo có một số nội dung, các mục viết còn dài dòng, nên rà soát, viết cô đọng, các bảng thông tin, số liệu chi tiết, cần rà soát thống nhất trong toàn bộ Báo cáo và cần tuân thủ theo các quy định, cần bổ sung trích dẫn nguồn cung cấp thông tin, số liệu, rà soát lỗi chế bản. Cần bổ sung tài liệu tham khảo và sắp xếp thứ tự theo quy định.	QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa
	-Một số bản đồ, sơ đồ trong Báo cáo có tỷ lệ quá nhỏ, không rõ nội dung thể hiện, như hình 1... cần rà soát, chỉnh sửa lại toàn bộ bản đồ, sơ đồ trong Báo cáo theo đúng quy định về xây dựng bản đồ, sơ đồ. Sắp xếp thứ	QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	tự, tên đề mục theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, để tránh trùng lặp, thiếu nội dung. . .	
	- Bổ sung danh mục Bảng, danh mục Hình; danh mục Bản đồ vào Báo cáo QHT.	QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa
	Bản đồ	
	- Hệ thống bản đồ trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Kon Tum, gồm 77 bản đồ, được xây dựng theo quy định về số lượng các loại bản đồ cần được thể hiện, tại mục IX Phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên các bản đồ cần rà soát lại theo các quy định xây dựng bản đồ, cụ thể:	
	- Tất cả các bản đồ chưa có tỷ lệ; chưa có lưới chiếu toạ độ, các bản đồ thể hiện ranh giới, địa giới hành chính không rõ, vì không có điểm giao cắt theo quy định... Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Kon Tum, phải thể hiện rõ Quần đảo Hoàng Sa (Việt Nam) và Trường Sa (Việt Nam) theo quy định. Cần rà soát hoàn thiện hệ thống bản đồ, sơ đồ (cả trong Báo cáo quy hoạch) phù hợp với các quy định của Luật Đo đạc và bản đồ, năm 2018 và các quy định hiện hành. Rà soát nhóm lớp cơ sở toán học bao gồm các nội dung tỷ lệ bản đồ, lưới toạ độ, ký hiệu, chú giải. . . nhóm lớp dữ liệu biên giới, địa giới hành chính... cập nhật chính xác đường biên giới với CHDCND Lào và Vương quốc Campuchia, địa giới hành chính các cấp, tên đơn vị hành chính và các lớp thông tin quy hoạch trên bản đồ.	QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa nội dung thể hiện của hệ thống bản đồ
	- Các loại bản đồ, các thông tin về hệ thống rừng đặc dụng chưa thống nhất về tên các khu rừng đặc dụng và phân hạng khác nhau ở các bản đồ khác nhau và với Báo cáo quy hoạch tỉnh, như Bản đồ hiện trạng môi trường và bảo tồn ĐDSH; Bản đồ phân vùng bảo vệ môi trường. . . cần sửa lại như đã góp ý đối với Báo cáo QHT; tên bản đồ và nội dung thể hiện không thống nhất, như Bản đồ hiện trạng môi trường và bảo tồn ĐDSH, nhưng thể hiện chủ yếu là 3 khu rừng đặc dụng và các điểm quan trắc môi trường; Bản đồ hiện trạng các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, gắn với xuất khẩu, nhưng nội dung thể hiện là các loại đất: đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản. . . Cần rà soát lại tên và nội dung các bản đồ thể hiện phải tương thích. Mặt khác, số lượng bản đồ quá nhiều, nên tích hợp một số bản đồ chuyên đề có nội dung thể hiện gần nhau vào một bản đồ...	QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa nội dung thể hiện của hệ thống bản đồ
	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	
	1. Quy hoạch tỉnh Kon Tum đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định, với điều kiện phải rà soát bổ sung, chỉnh sửa báo cáo QHT. 2. Nhất trí thông qua Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030 với điều kiện phải rà soát kỹ và bổ sung hoàn thiện báo cáo theo ý kiến của Hội đồng thẩm định. 3. Một số kiến nghị khác: không.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
2	PGS.TS. Phạm Trung Lương	
	Trong nội dung Mục I, Phần II về “Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh” (trang 22-71) cần bổ sung nội dung xác định lợi thế so sánh về điều kiện và nguồn lực phát triển. Đây là yếu tố rất quan trọng để góp phần định hướng phát triển tỉnh Kon Tum dựa trên những lợi thế so sánh nhằm nâng cao tính cạnh tranh của tỉnh.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>Trước khi đưa ra “Định hướng lớn tạo đột phá phát triển đến năm 2030” (Mục 3.6, trang 346) và “Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng” (Mục IV, trang 361-458), cần luận chứng để xác định một số ngành, lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum. Luận chứng này cần dựa trên một số tiêu chí cụ thể. Gợi ý tiêu chí xác định các ngành, lĩnh vực quan trọng: i) có lợi thế, tiềm năng phát triển, có tốc độ tăng trưởng nhanh; ii) có vai trò, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng; iii) đón đầu xu hướng phát triển trong nước, khu vực và quốc tế; iv) đem lại hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Đối với nội dung Phần VII “Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo chức năng và theo loại đất đến đơn vị hành chính cấp huyện”. Đây là nội dung rất quan trọng của quy hoạch. Báo cáo đã phân tích và chỉ ra có “độ vênh” giữa diện tích SDD do quốc gia phân bổ đến năm 2030 và hiện trạng sử dụng (các Bảng 7.1, trang 614-616), đặc biệt đối với đất nông nghiệp (phân bổ thấp hơn hiện trạng là 37.131 ha; trong đó đất trồng lúa là 992 ha, đất trồng cây lâu năm là 152.363 ha). Mặc dù quy hoạch đến năm 2030 đã xác định diện tích cần thiết cho nhu cầu phát triển, tuy nhiên vẫn tồn tại “độ vênh” đối với một số loại SDD.</p> <p>Vấn đề này xảy ra với nhu cầu SDD của một số ngành kinh tế được xác định là ngành quan trọng của tỉnh mà điển hình là ngành du lịch. Theo đó nhu cầu SDD để phát triển du lịch không được thể hiện trong hệ thống SDD quốc gia và trong nhiều trường hợp không được chú ý phân bổ. Trong trường hợp của tỉnh Kon Tum, phân bổ của quốc gia đối với loại SDD thương mại, dịch vụ (trong đó có du lịch) đến năm 2030 là “0” trong khi nhu cầu đối với loại SDD để phát triển các khu du lịch của địa phương này là 145.820 ha (Bảng 7.1, trang 614-614). Chính vì vậy, cần rà soát để số liệu và đề xuất phương án cân đối SDD để đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt.</p>	<p>QHT xin tiếp thu, thể hiện Chỉ tiêu Khu du lịch có diện tích 145.820 ha do đây là chỉ tiêu đất khu chức năng được cấp tỉnh xác định, cấp quốc gia không phân bổ. Chỉ tiêu Khu du lịch (mã đất KDL) bao gồm cả đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng được thực hiện vào mục đích du lịch.</p>
	<p>Đối với hệ thống bản đồ: Như đã đề cập ở trên, hệ thống bản đồ gồm 76 bản đồ. Đây là hệ thống bản đồ tương đối đầy đủ và công phu, tuy nhiên có một số điểm cần được hoàn chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cần có danh mục các bản đồ và thể hiện số thứ tự trên từng bản đồ để dễ tra cứu; + Đối với các ngành kinh tế được xác định là ngành quan trọng của tỉnh, cần có đủ bản đồ hiện trạng và bản đồ phương án phát triển. Tuy nhiên có một số ngành như du lịch còn thiếu bản đồ hiện trạng phát triển, vì vậy cần được rà soát bổ sung; + Về nội dung các bản đồ: cần thể hiện rõ lưới tọa độ và có sự thống nhất giữa nội dung và hệ thống ký hiệu. Tuy nhiên điều này chưa được thể hiện đối với hệ thống bản đồ. Ví dụ “Bản đồ hiện trạng dịch vụ” trong đó ở hệ thống ký hiệu có “Dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch” tuy nhiên trên bản đồ không thể hiện nội dung về “dịch vụ” mà chỉ là các điểm di tích và thiết chế văn hóa, đặc biệt không hề có nội dung về du lịch. 	<p>QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa nội dung thể hiện của hệ thống bản đồ</p>
	<p>Về tiềm năng tài nguyên du lịch: Nội dung này mới mang tính liệt kê mà chưa phân tích làm rõ được lợi thế so sánh về tiềm năng tài nguyên du lịch, đặc biệt về khí hậu, về tính hoang sơ của thiên nhiên và tính toàn vẹn ít bị tác động của các giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng dân tộc thiểu số và vị thế địa lý. Bên cạnh đó, như đã đề cập lợi thế “đi sau” của du lịch Kon Tum cũng là yếu tố quan trọng để Kon Tum có được phương hướng phát triển phù hợp, tạo được “bút phá” trong phát triển để thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng</p>	<p>QHT đã bổ sung tại điểm b). Ngành du lịch; Mục 2.1.2.3. Các ngành, lĩnh vực Dịch vụ</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	của địa phương trong gia đoạn quy hoạch.	
	Về đánh giá thực trạng phát triển du lịch:	
	+ Cần đánh giá tỷ lệ đóng góp của du lịch trong GRDP của tỉnh và tỷ lệ lao động trong ngành du lịch để xác định đúng vị trí của ngành du lịch theo định hướng mục tiêu là ngành kinh tế mũi nhọn.	QHT đã bổ sung tại điểm b). Ngành du lịch; Mục 2.1.2.3. Các ngành, lĩnh vực Dịch vụ
	+ Cần xác định rõ hơn sản phẩm du lịch đặc thù (chỉ có duy nhất, hoặc đặc sắc hơn so với sản phẩm du lịch cùng loại ở các địa phương khác trong vùng), thực trạng quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch, đảm bảo môi trường du lịch và tính hiệu quả trong liên kết phát triển du lịch. Lưu ý: một trong những sản phẩm du lịch thế mạnh của Kon Tum là du lịch nghỉ dưỡng núi chưa được đề cập; có sự nhầm lẫn về “hình thái” và “loại hình” du lịch.	QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại khoản b, điểm 2.1.2.3. Các ngành, lĩnh vực dịch vụ
	+ Cần bổ sung phân tích thị trường du lịch vì đây luôn là yếu tố gắn liền với phát triển sản phẩm du lịch khi du lịch là ngành kinh tế vận hành trong cơ chế thị trường.	QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại khoản b, điểm 2.1.2.3. Các ngành, lĩnh vực dịch vụ
	+ Bổ sung đánh giá hiện trạng phát triển hệ thống doanh nghiệp du lịch bởi du lịch không thể phát triển với tư cách là ngành kinh tế khi không có doanh nghiệp.	QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại khoản b, điểm 2.1.2.3. Các ngành, lĩnh vực dịch vụ
	+ Cần bổ sung đánh giá hiện trạng du lịch Kon Tum theo lãnh thổ. Chú ý cần bám sát các phân hệ của tổ chức lãnh thổ du lịch gồm không gian chức năng du lịch, địa bàn trọng điểm du lịch, khu, điểm, tuyến du lịch.	QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại khoản b, điểm 2.1.2.3. Các ngành, lĩnh vực dịch vụ
	+ Qua phân tích thực trạng, cần xác định rõ những vấn đề đặt ra (điểm nghẽn) đối với phát triển du lịch Kon Tum.	QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại khoản b, điểm 2.1.2.3. Các ngành, lĩnh vực dịch vụ
	- Về phương hướng phát triển ngành du lịch (Mục 4.3.1, trang 411-423):	
	+ Nội dung diễn giải ngành du lịch là gì? Đặc điểm, vai trò của ngành du lịch (trang 329-330) có lẽ không cần thiết đưa vào báo cáo.	QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa tại mục 4.3.1. Ngành du lịch
	+ Quan điểm phát triển: cần rà soát lại để không có sự nhầm lẫn giữa quan điểm phát triển với mục tiêu phát triển. Chú ý bổ sung quan điểm phát triển du lịch phải gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh.	QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại mục 4.4.1.1. Quan điểm phát triển
	+ Đối với phát triển các loại hình du lịch (trang 415-417): cần cân nhắc điều chỉnh, thay vì định hướng phát triển các loại hình, cần đưa ra định hướng phát triển sản phẩm du lịch theo 03 nhóm: sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch chính và sản phẩm du lịch bổ trợ vì đây là căn cứ để các doanh nghiệp du lịch xem xét đầu tư phát triển sản phẩm du lịch cụ thể. Cùng với đó sẽ là định hướng thị trường du lịch và hoạt động xúc tiến quảng bá điểm đến và sản phẩm du lịch của Kon Tum.	QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại mục 4.4.1.3.a. Phát triển các loại hình du lịch trên địa bàn Tỉnh
	+ Nội dung về định hướng phát triển không gian du lịch (trang 417-422) cần cân nhắc có những điều chỉnh phù hợp vì quá dàn trải và chưa bám sát yêu cầu về tổ chức lãnh thổ du lịch theo các phân hệ: 1) Không gian du lịch chức năng, 2) Địa bàn trọng điểm du lịch, 3) Trung tâm du lịch, 4) Khu du lịch (quốc gia và địa phương), 5) Điểm du lịch và 6) Tuyến du lịch (nội tỉnh và liên kết). Các bảng 4.11-4.14, cần làm rõ căn cứ để đưa ra nhu cầu diện tích của các khu, điểm du lịch đến năm 2030 vì thiếu căn cứ pháp lý và thực tiễn. Cho đến nay mới có Quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 của UBND tỉnh Kon Tum.	QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại mục 4.4.1.3.b. Phát triển không gian du lịch

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>+ Cần bổ sung làm rõ định hướng liên kết (Liên kết với ai? Nội dung liên kết là gì?), đặc biệt là liên kết giữa Kon Tum với các địa phương vùng Tây Nguyên và với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nói chung, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói riêng. Đây được xem là một trong những yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững của du lịch Kon Tum trong bối cảnh hội nhập.</p>	<p>QHT đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại điểm c1, mục 4.4.1.3.b. Phát triển không gian du lịch</p>
<p>3</p>	<p>PGS.TS. Trần Đình Thiên</p> <p>- Cần nhấn mạnh hơn vị trí địa lý đặc thù của Tỉnh, giá trị thực tế của tiềm năng - lợi thế phát triển, phân tích sâu hơn động thái chuyển dịch các điều kiện nền tảng của phát triển:</p> <p>+ Kon Tum thuộc Tây Nguyên – Vùng có điều kiện phát triển đặc thù, với một số yếu tố nền tảng không thuận lợi: là Vùng cao – vùng xa, khó kết nối và liên kết với các tuyến, các trung tâm lớn. Cho đến nay, Tây Nguyên nói chung, Kon Tum nói riêng vẫn là địa bàn tương đối kém phát triển và khó phát triển trong cả nước.</p> <p>Đặc điểm đó tạo thành điểm “khác biệt”: Kon Tum có thực lực kinh tế yếu, khó “hội tụ” và “cộng hưởng” sức mạnh nên càng yếu, càng khó phát triển. Nếu không có cách tiếp cận phát triển mới và khác thường, Kon Tum sẽ khó tạo bút phá, sẽ tiếp tục kéo dài xu thế “tụt hậu”, sẽ rơi vào tình thế “tụt hậu xa hơn”.</p> <p>Nhận định trên hàm nghĩa: tình trạng chậm – khó phát triển của Kon Tum có những nguyên nhân chung, mang tính nền tảng, gắn với cả Vùng Tây Nguyên chứ không đơn thuần chỉ của riêng Kon Tum, là do yếu kém của riêng Kon Tum.</p> <p>Nhận định này có ý nghĩa trong việc nhận diện đúng thực chất thực trạng phát triển, chỉ ra đúng các nút thắt – điểm nghẽn, xác định rõ triển vọng vượt qua chúng, trên cơ sở đó, đặt mục tiêu phù hợp và lựa chọn đúng tọa độ ưu tiên – đột phá của Tỉnh trong giai đoạn mới.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã bổ sung tại mục 2.10. Những điểm nghẽn tác động đến phát triển KT- XH tỉnh Kon Tum</p>
	<p>- Báo cáo cần nhấn mạnh và làm rõ hơn lợi thế đặc biệt của Kon Tum khi còn lưu giữ được nền tảng nuôi dưỡng và bảo tồn bản sắc Tây Nguyên (tổ hợp rừng, đất và nước), có thể tốt hơn cả trong số 5 tỉnh Tây Nguyên, chỉ rõ giá trị to lớn của tài sản này trong phát triển tương lai và những nguy cơ đang đe dọa nó.</p> <p>Khi đề cập đến “thế mạnh” bản sắc dân tộc – văn hóa đặc trưng Tây Nguyên của Kon Tum với nội hàm “là nơi sinh sống của 43 dân tộc ít người, chiếm 55% dân số toàn tỉnh”, Báo cáo cần chỉ ra rằng đây là một thế mạnh “mong manh”, đang trong xu thế “bị suy yếu”. Đại đa số các dân tộc thiếu các điều kiện để duy trì bản sắc văn hóa, đang bị “lép vế” và “tụt hậu”, chưa nói đến “lan tỏa và phát huy” thành “nguồn lực”.</p> <p>Chỉ ra đúng xu thế này mới có thể có cách tiếp cận đúng và tìm ra giải pháp chiến lược tích cực, phù hợp và khả thi để duy trì và phát huy lợi thế.</p> <p>Để định hình thế mạnh “bản sắc dân tộc” một cách thực chất, cần lưu ý đến cơ cấu dân tộc hiện tại và xu hướng dịch chuyển cơ cấu dân tộc ở Kon Tum. Hiện nay, trong số 43 dân tộc đang cư trú tại Kon Tum, dân tộc Kinh chiếm gần 45% dân số, 43 dân tộc còn lại chỉ chiếm hơn 55%, với khoảng 300 nghìn người, trong đó, dân tộc Xê đăng đông nhất cũng chỉ có 133.000 dân, dân tộc Bana đứng thứ hai – 68.000 dân. Dân số của mỗi dân tộc bản địa Tây Nguyên ít, lại phân bố phân tán, độ liên kết “liên tỉnh, liên vùng” lại kém, dẫn tới chỗ sức hội tụ văn hóa yếu, độ đậm đặc “bản sắc văn hóa” thấp, có xu hướng ngày càng “loãng”.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>Lợi thế phát triển của Kon Tum, dù đặc sắc và to lớn, song cho đến nay, cơ bản vẫn là ‘lợi thế tiềm năng - so sánh’, chưa biến thành ‘lợi thế cạnh tranh’, chưa chuyển hóa thành lợi ích phát triển thực tế.</p> <p>Kon Tum cũng cần chú ý đến khả năng xuất hiện những lợi thế phát triển mới, những lợi thế “động”. Thực tế cho thấy có những “bát lợi thế truyền thống”, trong điều kiện phát triển hiện đại, có thể chuyển hóa thành lợi thế mới, đặc thù, có giá trị thúc đẩy phát triển to lớn. Hoặc xuất hiện khả năng tổ hợp các yếu tố - nguồn lực “thông thường” thành lợi thế mới [Kinh nghiệm Ninh Thuận, Quảng Bình, ...]</p> <p>Phân tích các điều kiện thực tế của Kon Tum và xu thế thời đại, có căn cứ để khẳng định Kon Tum có khả năng hình thành những lợi thế phát triển mới và lớn, từ chính tình trạng chưa phát triển của Tỉnh.</p> <p>Theo logic đó, tư tưởng xây dựng chiến lược chuyển Kon Tum từ vùng “dự trữ phát triển” thành vùng “động lực phát triển” cần xuyên suốt Quy hoạch Tỉnh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Việc phân tích “thực trạng” cần dẫn tới một số điểm nhấn về “thực lực”:</p> <p>+ Kon Tum đi sau, tốc độ tăng trưởng khá cao, song chưa đủ cao, chưa có các dự án đủ lớn, đủ tầm để tạo bứt phá, nên vẫn “tụt hậu phát triển”.</p> <p>+ Quy mô kinh tế của Tỉnh nhỏ, thực lực kinh tế yếu. Đây là kết quả tích hợp không chỉ của 2 biến số là “dân số ít” và “mức GRDP/người” thấp. Các yếu tố khác, quan trọng không kém cấu thành nên “thực lực kinh tế yếu” của Tỉnh là: i) Dân cư sống phân tán; ii) Tỷ lệ đô thị hóa thấp; iii) Các đô thị chủ yếu là trung tâm hành chính, chưa phải là trung tâm phát triển hiện đại đúng nghĩa; iv) Dịch chuyển cơ cấu kinh tế chậm; công nghiệp và dịch vụ manh mún và phân tán; v) Ít chuỗi sản xuất đặc trưng đủ mạnh; vi) Số lượng doanh nghiệp quá ít, đại đa số là nhỏ và siêu nhỏ,... Các điểm yếu này “tích hợp” với nhau, tạo thành “thực lực” kinh tế đúng nghĩa của Tỉnh. Với thực lực này, tự Kon Tum không thể xử lý các “nút thắt phát triển”. Quy hoạch Kon Tum có sứ mệnh “tạo sức hấp dẫn đầu tư” [từ bên ngoài] đủ mạnh, để tạo bước ngoặt trong toàn bộ quá trình phát triển.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>+ Cần giải thích rõ tại sao năng suất lao động ngành dịch vụ của Kon Tum lại có sự nhảy vọt hiếm thấy - tăng 5,52 lần trong 5 năm (2015-2020) trong khi năng suất lao động của công nghiệp chỉ tăng 1,067 lần, của nông nghiệp chỉ tăng 1,66 lần trong cùng kỳ? Điều có vẻ nghịch lý là Báo cáo lại chỉ ra rằng trong giai đoạn 2010-2020, tỷ trọng cơ cấu của dịch vụ chuyển dịch rất chậm, theo xu hướng “ngược”: từ 48,8% (2010) xuống 46,6% (2015) và 44,7% (2020)?</p> <p>+ Vốn Đầu tư: tăng rất nhanh trong 10 năm qua, tỷ trọng so GRDP từ 52,71% (2016) lên 68,29% (2020) [tốc độ tăng GRDP của Kon Tum là khá cao trong giai đoạn này]. Tốc độ tăng vốn đầu tư có liên quan chặt chẽ đến tốc độ tăng nhanh và đạt mức cao của ICOR (8,17 năm 2017, tăng liên tục lên 10,78 năm 2020). Cần giải thích rõ mối liên hệ giữa GRDP - quy mô (bé) và tốc độ tăng trưởng (cao) và vốn đầu tư - quy mô bé và ICOR (cao) để xác định động thái và nguyên nhân của tình hình. Đây là điểm rất có ý nghĩa để nhận diện các vấn đề tương lai của tỉnh.</p>	<p>Đã bổ sung, tính toán lại năng suất lao động các khu vực NN-CN-DV tại mục 2.1.1.3 và hình 2.7</p>
	<p>- Phân tích SWOT:</p> <p>Điểm mạnh: Xác định đều đúng, đều là điểm mạnh có thực của Kon Tum, nhưng cần chỉ rõ cơ bản là điểm</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>manh tiềm năng, là lợi thế so sánh chứ chưa có các lợi thế cạnh tranh mạnh. Kết luận cần chỉ ra là Kon Tum đang thiếu các điều kiện nào để biến lợi thế tiềm năng thành sức cạnh tranh thực tế.</p>	
	<p>Điểm yếu: 10 điểm yếu được chỉ ra, khá bao quát nhưng chưa đủ. Cần đặc biệt nhấn mạnh các điểm yếu tổng thể: i) Quy mô kinh tế nhỏ, phân tán; ii) Kết nối - liên kết phát triển kém phát triển; iii) Lực lượng doanh nghiệp rất yếu; iv) Thiếu các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị đặc trưng, có sức cạnh tranh.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>Cơ hội: Về những cơ hội trực tiếp cho Kon Tum, có thể và cần đề cập đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xu thế chuyển dịch vùng trái cây từ Đồng bằng Sông Cửu Long lên Tây Nguyên; + Xu thế thay đổi nhu cầu thế giới đối với nông sản (dịch chuyển thị trường, nông sản đặc sản, sạch, công nghệ cao, v.v.); + Nhu cầu du lịch hiện đại: tăng đột biến, khám phá khác biệt, tìm tòi văn hóa đặc sắc, tận hưởng đặc sản, ... + Xu thế dịch chuyển cơ cấu năng lượng sang năng lượng tái tạo, tiêu chuẩn carbon, v.v. 	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã rà soát bổ sung</p>
	<p>Thách thức: tương tự “Cơ hội”, cần chú ý đề cập đến các thách thức trực tiếp cho Kon Tum – ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thách thức biến đổi khí hậu, + Thách thức tụt hậu phát triển xa hơn; + Thách thức cạnh tranh quốc tế, trực tiếp từ Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc; + Thách thức tiêu chuẩn sản phẩm ngày càng cao; + Thách thức lao động - việc làm; + Thách thức quá trình tự động hóa. . . 	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã rà soát bổ sung</p>
	<p>- Báo cáo không có mục riêng về “Nguyên nhân thực trạng” trong khi đây là nội dung rất quan trọng để xây dựng tầm nhìn, xác định kịch bản, các nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược cho giai đoạn tới.</p> <p>- Trong các nguyên nhân được chỉ ra, cần chú ý xác định và lý giải các nguyên nhân khách quan, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết nối kém, khó phát triển - do chưa được đầu tư đúng tầm (từ Trung ương) để giải quyết “nút thắt” hạ tầng giao thông? + Thiếu cơ chế phù hợp và các điều kiện hỗ trợ ban đầu cần thiết nhằm tạo lập các điều kiện nền tảng để một tỉnh nghèo - khó có thể vượt ngưỡng tối thiểu. - Đối với các nguyên nhân thuộc về Kon Tum, phải chăng cần nhấn mạnh: + Thiếu nguồn lực; thiếu các điều kiện để chủ động biến lợi thế tiềm năng thành lợi thế phát triển thực tế. + Năng lực chỉ đạo điều hành, sức đột phá cải cách chưa mạnh. 	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đưa nội dung này vào mục 2.10. Những điểm nghẽn tác động đến KT-XH tỉnh</p>
	<p>- Với tất cả những đặc sắc Tây Nguyên của Kon Tum (mức độ đậm đặc của chất Tây Nguyên còn lưu giữ ở Kon Tum) và định hướng phát triển thời đại (thiên nhiên, sạch và xanh), cần thiết phải định hướng phát triển Kon Tum theo một triết lý mục tiêu rõ ràng. Triết lý đó giúp định hình khung khổ mục tiêu, theo đó, định hướng các luận đầu tư và lựa chọn dự án phát triển.</p> <p>- Nên chăng, Kon Tum sẽ phát triển theo tinh thần Giữ gìn bản sắc Tây Nguyên, kết hợp sức mạnh thời</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>đại, xây dựng miền đất hạnh phúc.</p> <p>- Mục “Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển”, dường như các dự báo được nêu còn thiếu một số căn cứ quan trọng. Về mặt phương pháp luận, việc dự báo được đặt trong thể “biệt lập”, với những “điểm yếu” căn bản của Tỉnh, lại chưa xét kỹ các tác động cạnh tranh, làm giảm sức thuyết phục về tính khả thi. Diễn hình là các kịch bản dự báo dân số. Ba kịch bản dự báo dân số trong 10 năm 2021-2030 của Báo cáo - tăng 26,2% (KB1), 25,5% (KB2) và 27,4% (KB3), ứng với tốc độ tăng dân số hàng năm 4,7%, 3,7% và 5,2% ở từng KB có lẽ là quá cao, thiếu luận cứ hỗ trợ.</p> <p>- Từ lập luận đó, để việc đề xuất lựa chọn phương án tăng trưởng có cơ sở khoa học vững chắc hơn, tôi kiến nghị phân tích sâu hơn bối cảnh Vùng (Tây Nguyên) và tác động của nó đến sự phát triển của Kon Tum, tập trung vào hai nhóm yếu tố có tác động mạnh nhất.</p> <p>+ Một là xu thế cạnh tranh thu hút vốn đầu tư giữa các tỉnh trong nội vùng Tây Nguyên và với các tỉnh lân cận ngoài vùng. Đây sẽ là vấn đề thách thức và gay gắt bậc nhất đối với Kon Tum trong giai đoạn tới.</p> <p>+ Hai là xác định tác động từ các địa phương lân cận đến các tuyến - trục phát triển chính của Kon Tum khi điểm nghẽn hạ tầng giao thông (đường bộ, từ phía duyên hải miền Trung lên - từ Đà Nẵng, Chu Lai - Dung Quất và Quy Nhơn) từng bước được tháo gỡ. Khả năng đột phá đường hàng không cũng là điều cần được cân nhắc, nhất là trong tầm nhìn 2050, với triển vọng phát triển của Trung tâm Du lịch Quốc gia Măng Đen.</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Các phương án phát triển được đề xuất (ba) và lựa chọn (phương án 2) trên cơ sở dự báo các yếu tố tác động và nguồn lực, phản ánh sự cân nhắc cẩn thận tính khả thi.</p> <p>Điểm cần được làm rõ hơn là ICOR. Báo cáo cần luận chứng kỹ hơn các yếu tố quyết định ICOR trong giai đoạn tới (cơ cấu đầu tư gắn với các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, sự thay đổi mức ICOR qua các kỳ trung hạn, ...).</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia</p>
	<p>- Các nhiệm vụ trọng tâm, các “định hướng lớn tạo đột phá phát triển” [tr. 345-354]:</p> <p>+ Báo cáo xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm, 4 tuyến đột phá với rất nhiều “điểm đột phá” cụ thể [nhưng đều ở tầm chiến lược]. Số lượng nhiệm vụ trọng tâm - đột phá được đề xuất phản ánh tầm vóc khát vọng và quy mô cơ hội phát triển to lớn đang mở ra cho Kon Tum. Tuy nhiên, căn cứ vào nền tảng xuất phát, thực lực cất cánh và các điều kiện thực tế khác, có thể thấy số lượng “mục tiêu chiến lược ưu tiên” được đề xuất là quá nhiều, cần cân nhắc lại cẩn thận, tránh tình trạng dàn trải, phân tán sức mạnh và nguồn lực, dẫn tới không thể thực hiện các mục tiêu đặt ra.</p> <p>+ Phương án phát triển cấu trúc tổng thể chiến lược không gian kinh tế - xã hội: được thiết kế rõ ràng, hợp lý và có căn cứ khá vững chắc. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải xác định rõ các tọa độ - tuyến ưu tiên về thời gian và theo cấu trúc chức năng của từng tọa độ - tuyến trong tầm nhìn quốc gia - vùng (vì liên quan đến chiến lược phát triển giao thông kết nối).</p>	<p>QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia và đã rà soát tại mục 3.5. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết</p>
<p>4</p>	<p>TS. Phạm Hoài Chung</p>	
	<p>Về Tiếp thu giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương cụ thể các vấn đề cần lưu ý:</p> <p>- Về cơ bản, báo cáo đã được giải trình, tiếp thu và chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp tại các văn bản của</p>	<p>Trong Đồ án quy hoạch đã tiếp thu các ý kiến góp ý của bộ. Một số nội dung giải trình, đề xuất giữ nguyên theo quan điểm phát triển</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>06 đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải tuy nhiên, một số nội dung giải trình cho có, thiếu cụ thể, chưa thỏa mãn yêu cầu, ví dụ như: hầu hết các nội dung góp ý của Bộ GTVT đều được giải trình ‘BCTH QHT xin tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung...’ nhưng không chỉ rõ sẽ tiếp thu ở đâu, mục nào, trang nào. Đề nghị tư vấn lập quy hoạch làm rõ những nội dung góp ý được báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa vào trong mục nào, trang nào của báo cáo tổng hợp. (Các ý kiến của Viện Chiến lược và Phát triển GTVT - số 1023/VCL&PT-GTĐT, Cục Đường cao tốc VN - số 127/CĐCTVN-KHTC, Cục Đường bộ VN - số 1115/CĐBVN-KHĐT, Cục Đường sắt VN - số 2531/CĐSVN-KHTC, Cục Đường thủy nội địa VN - số 2708/CĐTND-KHTC và Cục Hàng không VN - số 5681/CHK - QLC ngày 16/11/2022).</p>	<p>của Tỉnh như bổ sung tuyến cao tốc Kon Tum – Quảng Ngãi, Cảng hàng không Măng Đen.</p>
	<p>- Ngoài ra, một số nội dung đã được đồng ý tiếp thu, chỉnh sửa nhưng trong báo cáo tổng hợp chưa chỉnh sửa, ví dụ nội dung về Hiện trạng hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa, hàng không ở trang 214 – 226 chưa được chỉnh sửa theo góp ý của Viện Chiến lược và Phát triển GTVT. Đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch chỉnh sửa theo ý kiến đã giải trình.</p>	<p>Trong Đồ án quy hoạch đã báo cáo rõ hiện trạng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh (Tại mục Hiện trạng kết cấu hạ tầng GTVT)</p>
	<p>Về nội dung Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Kon Tum các ý kiến góp ý cụ thể như sau: - Nhiều căn cứ pháp lý cũ, đã hết hiệu lực vẫn được đề trong báo cáo, chưa cập nhật các Quyết định mới thay thế về quy hoạch đối với ngành GTVT, như trong phần I – mục IV. ‘Căn cứ lập quy hoạch’ từ trang 4-20, BCTH. + Báo cáo vẫn dùng căn cứ Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 10/5/2015 và Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030: đã thay thế bằng quyết định 1769/QĐ-TTg ngày ngày 19 tháng 10 năm 2021. + Báo cáo vẫn dùng Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 01/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030: đã thay thế bằng quyết định 1454/QĐ-TTg ngày ngày 1 tháng 9 năm 2021 + Và nhiều văn bản khác tương tự.</p>	<p>QHT đã rà soát, chỉnh sửa tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch</p>
	<p>- Thiếu các căn cứ pháp lý của Quốc gia, Vùng để làm định hướng quan trọng cho quan điểm phát triển của Tỉnh Kon Tum chưa được cơ quan lập Quy hoạch đưa vào như: Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/1/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết 23 -NQ/TW ngày 6/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm QP-AN vùng Tây Nguyên, đây là định hướng rất quan trọng, là đầu vào cho định hướng của QH Tỉnh, đề nghị cập nhật và bám sát.</p>	<p>QHT đã rà soát, chỉnh sửa tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch</p>
	<p>- Còn rất nhiều lỗi trùng lặp trích dẫn trong báo cáo cho thấy bộ phận rà soát tổng hợp chưa kĩ (ví dụ các lỗi trùng lặp nhiều lần: nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019, nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022, nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017, nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020,...) tại trang 8 đến trang 16, báo cáo tổng hợp.</p>	<p>QHT đã rà soát, chỉnh sửa tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch</p>
	<p>- Phân tích đánh giá ‘Hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng - Hệ thống giao thông’ chưa nổi bật vị trí,</p>	<p>Vị trí địa lý của Tỉnh đã thể hiện trong các nội dung của QH tỉnh,</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>vai trò và tính kết nối vùng, liên vùng, quốc tế của tỉnh Kon Tum - cần phải đánh giá được bổ sung phân tích SWOT đối với Tỉnh Kon Tum là tỉnh biên giới của khu vực Tây Nguyên và miền Trung, và Kon Tum là giao điểm của ba nước Đông Dương, có lợi thế lớn trong chuỗi logistics gắn với các hành lang vận tải kết nối các nước Đông Dương.</p>	<p>các trục đường giao thông kết nối liên vùng, kết nối với các Cửa khẩu đã được thể hiện trong hiện trạng quy hoạch giao thông. Tính chất vai trò, tầm quan trọng của các tuyến đường được thể hiện trong hiện trạng và ưu tiên định hướng tổ chức giao thông vận tải của tỉnh</p>
	<p>- Xem xét nội dung phân tích đánh giá dịch vụ vận tải (không cần thiết) tại trang 217, BCTH. Do đây là QH kết cấu hạ tầng giao thông, do đó đề nghị đơn vị tư vấn lập QH rà lại nội dung đánh giá hạ tầng giao thông, nên tập trung vào nội dung hạ tầng giao thông bao gồm cầu, đường các loại, hạ tầng phục vụ như bến xe, và trạm dừng nghỉ để phân tích kết nối giao thông, chất lượng của hệ thống cầu, đường và các công trình giao thông khác. Riêng đối với nội dung dịch vụ vận tải cần xem xét hàm lượng vừa đủ (hoặc không cần cho vào cũng được) để làm nổi bật nội dung đánh giá hiện trạng KCHTGTVT.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, sẽ hiệu chỉnh nội dung về dịch vụ vận tải với hàm lượng vừa đủ.</p>
	<p>- Phần phân tích đánh giá tồn tại, hạn chế của hệ thống GTVT Kon Tum tại mục 2.7.1.7. Các tồn tại hạn chế về kết cấu hạ tầng GTVT tỉnh Kon Tum, trang 225 cần phân tích cụ thể, đánh giá phải bám sát hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo còn chung chung mang tính liệt kê, không rõ vai trò chức năng của tuyến. Do đó đề nghị phân tích rõ hơn về: tên tuyến, quy mô, chiều dài, điểm đầu cuối, hiện trạng khai thác, hiện trạng kết nối/ vai trò chức năng của từng tuyến đến các đầu mối giao thông lớn. + Phân tích thêm về lợi thế kết nối vùng, quốc tế: từ cửa khẩu Bờ Y của Kon Tum, thì đây là con đường ngắn nhất, thuận lợi nhất nối các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải Miền Trung, Đông Nam Bộ với các tỉnh Đông Bắc Thái Lan, Đông Bắc Cam-pu-chia, Nam Lào qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y. + Về mạng lưới tuyến đường nối các vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y cần phân tích rõ thuận lợi, khó khăn khi kết nối qua hệ thống đường bộ: Đường Hồ Chí Minh, QL19, QL24, QL40, QL14C phía Việt Nam; quốc lộ 16A từ PakSé đến Thị xã Attapur (Lào); cầu PakSé qua sông Mê Kông (Lào - Thái Lan); đường 18B từ thị xã Attapur (Lào) đến cửa khẩu Phu Cua nối với Quốc Lộ 40 của Việt Nam: tuy nhiên cần phân tích thêm hạn chế của kết nối như: chưa đồng cấp cầu, đường; tải trọng không đồng nhất; khổ đường chưa đáp ứng được cho xe container; nhiều đoạn tuyến chưa vào cấp theo quy hoạch. . . + Các đầu mối giao thông lớn cần được phân tích rõ về khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải/ kết nối của hệ thống hạ tầng giao thông bao gồm các trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh (cụm du lịch sinh thái Măng Đen, KCN Sao Mai, KCN Đắk Tô, khu kinh tế CKQT Bờ Y, . . .); các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Gia Lai, Quảng Ngãi); các đầu mối phát triển nằm trong các vùng kinh tế trọng điểm (Đà Nẵng, Chu Lai, Nhơn Hội, Dung Quất, Quy Nhơn); và quốc tế (Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Đông Bắc Thái Lan). 	<p>Trong Đồ án quy hoạch đã báo cáo rõ hiện trạng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, phân tích đánh giá kết quả thực hiện theo quy hoạch thời kỳ 2016 – 2020, các mặt đạt được, tồn tại hạn chế về kết cấu hạ tầng GTVT qua các số liệu dẫn chứng cụ thể, so sánh mang tính trực tiếp, dễ hiểu. Đã đề ra nguyên nhân khách quan, chủ quan và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện. Các kết quả đạt được, tồn tại hạn chế trong Báo cáo đã được thể hiện trong các Báo cáo của Sở GTVT, UBND tỉnh, Tỉnh ủy khi đánh giá tổng kết thực hiện phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016 – 2020.</p>
	<p>- Chú ý hiệu chỉnh lỗi chính tả trong hồ sơ nhiều. Cụ thể: Rà và sửa lại số liệu ở Bảng 2.43: Hiện trạng các tuyến quốc lộ tỉnh Kon Tum năm 2021, trang 215, bị lỗi font và số không rõ. Tương tự, Bảng 2.44: Hiện trạng các tuyến đường tỉnh, tỉnh Kon Tum năm 2021 trang 216, 217 đều bị lỗi giống nhau. . .</p> <p>- Đặc biệt: từ chuyên ngành vẫn nhiều từ dùng không chính xác, như trong Hình 2.26: Bản đồ hiện trạng hệ</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, sẽ hiệu chỉnh tên đường theo quy định của Luật giao thông đường bộ về phân loại đường bộ</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>thống giao thông Tỉnh Kon Tum, trang 217 cần sửa lại Ghi chú: nhầm lẫn và sai tên gọi trong báo cáo như: “đường quốc lộ thì ghi đường quốc tốc”; “đường tỉnh thì ghi đường tỉnh lộ”; “tuyến đường cao tốc Hồ Chí Minh”;... Đề nghị cơ quan tư vấn rà soát kỹ và đảm bảo viết đúng theo quy định của Luật giao thông đường bộ về phân loại đường bộ cũng như QĐ1454.</p>	
	<p>- Đường sắt, tại mục 2.7.1.3 cập nhật các thông tin mới: đề nghị sửa cơ sở pháp lý mới cập nhật về thông tin Quy hoạch Đường sắt quốc gia đối với Tuyến đường sắt kết nối các tỉnh Tây Nguyên tại mục 2.7.1.3. Đường sắt: Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Chon Thành): cập nhật giai đoạn đầu tư, hướng tuyến; giai đoạn từ năm 2030-2050 số QĐ mới được TTCP duyệt tại QĐ 1769/QĐ-TTg (báo cáo đang ghi là Quyết định số 1468/QĐTTg ngày 24/8/2015).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, Đồ án đã hiệu chỉnh: Quy hoạch giao thông đường sắt qua địa bàn tỉnh Kon Tum tuân thủ theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021. Theo đó sẽ nghiên cứu, xây dựng các tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên: Kon Tum – Gia Lai - Đắk Nông - Đắk Lắk - Bình Phước dài khoảng 550 km, khổ đường 1435mm, đường đơn. Giai đoạn đầu tư sau năm 2030 khi có điều kiện về nguồn vốn và phát sinh nhu cầu vận tải</p>
	<p>- Về quan điểm phát triển, tại mục 6.7.1.1 còn chung chung, không có đột phá, đặc điểm riêng của Tỉnh: 06 quan điểm được viết tại trang 530, BCTH là chưa cụ thể, chưa nhấn mạnh được vai trò, vị thế của Kon Tum hiện đang được viết chung chung, áp cho tỉnh nào cũng đúng (đảm bảo đồng bộ, thống nhất; đồng bộ hiện đại; tận dụng tối đa địa lý; phát triển vận tải theo cơ chế thị trường; đảm bảo QP-AN.); đề nghị cơ quan tư vấn rà soát lại phân tích SWOT phần hiện trạng để đề xuất quan điểm phát triển cho đúng chủ trương của Đảng, Chính phủ tại NQ81 của Quy hoạch Tổng thể quốc gia đối với Vùng Tây Nguyên trong đó có Kon Tum; NQ23 về vùng Tây Nguyên của Bộ Chính trị...; đặc điểm giao điểm hội tụ 03 nước Đông Dương gắn với hành lang Đông - Tây mở ra thị trường rộng lớn của Đông Bắc Thái Lan, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia.</p> <p>+ Phải khẳng định có vị trí huyết mạch tại khu vực ngã 3 Đông Dương, trong vùng lõi khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia kết nối thuận tiện với các tỉnh Nam Lào (Attapur, Pacxe, Xanavan) và các tỉnh Bắc Campuchia.</p> <p>+ Đồng thời phân tích được tính hiệu quả, lợi thế trong cự li kết nối với vùng kinh tế trọng điểm miền trung thuận lợi; kết nối trực tiếp với hành lang kinh tế Đông - Tây (Myanma - Thái lan - Lào - Campuchia - Việt Nam); là điểm khởi đầu của trục phát triển kinh tế Bờ Y - Pleiku – Quy Nhơn. Tỉnh Kon Tum cách TP. Đà Nẵng 300km theo đường Hồ Chí Minh (QL.14), cách các khu kinh tế Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội từ 110 - 160 km theo QL24 và QL19, đây là lợi thế của tỉnh cần được chú trọng phát huy.</p> <p>+ Có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về mặt quốc phòng, an ninh.</p> <p>Do đó, quan điểm phát triển kết cấu hạ tầng giao thông phải gắn với các nội dung kết nối quốc tế, gom hàng hóa trong chuỗi cung ứng logistics của Kon Tum gắn với kết nối các tỉnh bạn phía Lào, Campuchia đối với các hàng hóa nông sản, khoáng sản... về hệ thống cảng biển của Việt Nam.</p>	<p>Các quan điểm phát triển đã thể hiện rõ Phát triển giao thông vận tải phải đảm bảo thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng phát triển của Tỉnh, đảm bảo kết nối hiệu quả với hạ tầng giao thông và các hạ tầng khác của Tỉnh, các Tỉnh lân cận, trong vùng và cả nước, phù hợp với Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và thực tiễn tại địa phương. Trong đó tập trung phát triển hệ thống giao thông vận tải đường bộ, bảo đảm được sự liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, Phát triển vận tải theo cơ chế thị trường, cạnh tranh lành mạnh, có sự quản lý của nhà nước, Phát triển giao thông vận tải gắn kết với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân.</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>- Bộ GTVT đã góp ý bổ sung mục dự báo nhu cầu GTVT, tuy nhiên trong báo cáo chưa có đề nghị cơ quan tư vấn rà soát, bổ sung nội dung Dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hóa. Cần lưu ý, do đặc thù vận tải hàng hóa qua địa bàn tỉnh Kon Tum có tiềm năng lớn về khoáng sản, nằm trên hành lang Đông Tây kết nối các nước Đông Dương với hệ thống cảng biển miền Trung.</p>	<p>Đã bổ sung kết quả tính toán dự báo nhu cầu giao thông vận tải trong quy hoạch tỉnh. Do đặc thù Kon Tum chỉ có 1 loại hình vận tải đường bộ nên chỉ tính toán trên các trục đường bộ (mục III).</p>
	<p>- Bên cạnh đó, sau khi có kết quả dự báo cần xem lại mục tiêu cụ thể của vận tải hàng hóa, hành khách với tốc độ tăng trưởng: Khối lượng vận chuyển hàng hóa trung bình đạt khoảng 9,78 triệu tấn/năm, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 10,7%/năm; Khối lượng vận chuyển hành khách trung bình đạt khoảng 7,2 triệu HK/năm, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 10,2%/năm, cần hết sức lưu ý về hành khách đối với kịch bản có sân bay Măng Đen; về hàng hóa cần lưu ý quy hoạch về khoáng sản trên địa bàn rất giàu tài nguyên về: nhóm khoáng sản phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng: nhóm này rất đa dạng, bao gồm: sét (gạch, ngói), cát xây dựng, cuội sỏi, đá hoa, đá vôi, đá granit, puzolan,...; nhóm khoáng sản vật liệu cách âm, cách nhiệt và xử lý môi trường, bao gồm diatomit, bentonit; Nhóm khoáng sản vật liệu chịu lửa: gồm có silimanit, dolomit, quazit tập trung chủ yếu ở các huyện Đăk Glei, Đăk Hà, Ngọc Hồi; Nhóm khoáng sản cháy: gồm có than bùn, tập trung chủ yếu ở thành phố Kon Tum, huyện Đăk Hà, huyện Đăk Tô; Nhóm khoáng sản kim loại đen, kim loại màu, kim loại hiếm: gồm có mangan ở Đăk Hà; thiếc, molipden, vonfram, uran, thori, tập trung chủ yếu ở Đăk Tô, Đăk Glei, Ngọc Hồi, Kon Plông; bauxit tập trung chủ yếu ở Kon Plông...; Nhóm khoáng sản đá quý: gồm có rubi, saphia, opalcalcedon tập trung ở Đăk Tô, Kon Plông. Ngoài ra còn quặng đồng, urani khu vực Kon Rá; 75.932 tấn đồng kim loại (Cu); 52 triệu tấn quặng tinh; quặng bauxit của hai mỏ Kon Hà Nừng và Măng Đen ở Gia Lai và Kon Tum.</p>	<p>Đã bổ sung kết quả tính toán dự báo nhu cầu giao thông vận tải trong quy hoạch tỉnh. Do đặc thù Kon Tum chỉ có 1 loại hình vận tải đường bộ nên chỉ tính toán trên các trục đường bộ (mục III). Về vận tải hàng không, hiện Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập đề án quy hoạch cảng hàng không trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bổ sung quy hoạch. Sau khi có Quyết định của Thủ tướng về bổ sung sân bay hàng không Măng Đen, sẽ cập nhật quy hoạch hàng không quốc gia vào quy hoạch Tỉnh.</p>
	<p>- Về cao tốc mới chưa phù hợp với QĐ1454/QĐ-TTg: đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung lập luận về dự báo nhu cầu vận tải và tính khả thi của 02 tuyến đường cao tốc đang đề xuất trong báo cáo (do không có trong quy hoạch mạng lưới đường bộ tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg): tuyến đường bộ cao tốc kết nối tỉnh Kon Tum với CT. Bắc - Nam (theo hình thức PPP), và tuyến đường bộ cao tốc kết nối tỉnh Kon Tum (CK. Nam Giang) với Quảng Nam (cảng Chu Lai) (theo hình thức PPP); nếu chưa đủ lập luận để đề xuất nâng cao tốc thì nên xem xét điều chỉnh thành loại đường có cấp kỹ thuật thấp hơn. Đề nghị cơ quan tư vấn làm rõ.</p>	<p>Các tuyến cao tốc CT.02, CT.21 tuân thủ theo quy hoạch quốc gia được duyệt tại QĐ1454/QĐ-TTg. Tuyến cao tốc kết nối tỉnh Kon Tum với tỉnh Quảng Nam đã đưa ra khỏi đồ án quy hoạch. Riêng tuyến cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum đã được kiến nghị 2 tỉnh Kon Tum và Quảng Ngãi kiến nghị, Bộ GTVT đã có ý kiến tại Công văn số 5610/BGTVT-KHĐT ngày 31/5/2023 với nội dung: “Bộ GTVT ghi nhận đề xuất của UBND tỉnh Quảng Ngãi và sẽ xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung tuyến đường vào quy hoạch. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh Kon Tum chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ với Cục Đường bộ Việt Nam cập nhật quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan”. và Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận về mặt nguyên tắc, sẽ điều chỉnh bổ sung vào quy hoạch quốc gia trước khi phê duyệt Quy hoạch tỉnh, đề nghị giữ nguyên tuyến cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum trong đồ án quy hoạch</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	<p>- Đề nghị bổ sung thông tin về các tuyến đường huyện được quy hoạch trên địa bàn tỉnh để liên mạch trong nội dung phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (hiện báo cáo đang không thể hiện nội dung này trong phân phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông với lý do ‘trình bày trong phương án xây dựng vùng huyện’.</p>	<p>Theo khoản 2 Điều 27 Luật quy hoạch, Phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt; các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải; các cảng biển, sân bay quốc tế, quốc gia; mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới đường tỉnh; không bao gồm các tuyến đường huyện. Vì vậy trong Phương án phát triển mạng lưới giao thông không thể hiện các tuyến đường huyện là phù hợp với Luật, các tuyến đường này được thể hiện trong phương án xây dựng vùng huyện.</p>
	<p>- Về phương án phát triển giao thông đường thủy nội địa: Đề nghị làm rõ căn cứ đề xuất các chỉ tiêu trong Bảng 6.16 ‘Quy mô yêu cầu cho từng loại bến điển hình’ (hiện một số chỉ tiêu không phù hợp với TCCS 03:2020/CĐTND về Phân loại bến thủy nội địa, ví dụ nhà chòi); và bổ sung dự báo nhu cầu vận tải để làm căn cứ phân loại 28 bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn đến năm 2030 theo TCCS 03:2020/CĐTND.</p>	<p>Xin tiếp thu, và rà soát điều chỉnh quy mô bến theo TCCS 03:2020/CĐTND.</p> <p>Về lĩnh vực đường thủy nội địa, do hiện nay trên địa bàn tỉnh không có luồng, tuyến vận tải thủy nội địa nên không có cơ sở để dự báo nhu cầu vận tải. Quy hoạch các loại bến đề xuất theo quy mô tối thiểu, hoạt động chủ yếu trong nội bộ các lồng hồ thủy điện, phục vụ dân sinh.</p> <p>Nội dung này cũng được Cục Đường thủy VN góp ý với nội dung: <i>“Do điều kiện tự nhiên về địa hình, thủy văn, kinh tế - xã hội của tỉnh Kon Tum, giai đoạn hiện nay và trong những năm tới chưa cân đối được nguồn lực từ ngân sách nhà nước hoặc thu hút được đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân có thể xây dựng được mạng lưới kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, đội tàu vận tải hàng hóa hoạt động hiệu quả, đề nghị nghiên cứu đề xuất tập trung nguồn lực xây dựng, cải tạo, nâng cao chất lượng các bến thủy nội địa trên các vùng lòng hồ thủy điện, thủy lợi để phục vụ dân sinh.”</i></p>
	<p>- Về phương án phát triển giao thông đường hàng không - Quy hoạch CHK tại TT. Măng Đen, huyện Kon Plông: Hiện nay, dự thảo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa đưa vào quy hoạch CHK tại TT. Măng Đen, huyện Kon Plông, đề nghị phân tích, có số liệu dự báo để làm việc với các cơ quan của Bộ GTVT, Cục Hàng không để làm rõ hơn.</p> <p>Trường hợp tỉnh có nhu cầu phát triển sân bay chuyên dùng, có thể chủ động quy hoạch vị trí các sân bay chuyên dùng trong quy hoạch tỉnh sau khi trình Bộ Quốc phòng phê duyệt vị trí theo quy định của Nghị định số 42/2016/NĐ -CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ trên nguyên tắc địa phương chủ trì huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện.</p>	<p>Sân bay Kon Tum tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông trong danh sách Cảng Hàng không, sân bay tiềm năng tại Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập đề án quy hoạch cảng hàng không trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bổ sung quy hoạch. Vị trí, quy mô tuân thủ theo Quy hoạch quốc gia được duyệt, dự kiến tại thị</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
		trần Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, quy mô 4C (ICAO), đảm bảo công suất 01 triệu hành khách/năm, có bố trí quỹ đất dự phòng để nâng công suất từ 03 – 05 triệu hành khách/năm
	<p>- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch:</p> <p>+ Đề nghị bổ sung nội dung về hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch vào báo cáo tổng hợp theo quy định tại Điều 40 - Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019, cụ thể:</p> <p>Đề nghị rà soát lại các lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp và lỗi định dạng (ví dụ, lựa chọn kiểu chữ phù hợp và thống nhất trong toàn báo cáo, hiện chữ trong một số bảng không hiển thị đầy đủ).</p>	QHT đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch
	<p>- Về nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường chiến lược (DMC) của Quy hoạch tỉnh Kon Tum:</p> <p>Đề nghị cập nhật các nội dung sao cho thống nhất với báo cáo tổng hợp.</p>	QHT đã rà soát, chỉnh sửa Báo cáo Đánh giá tác động môi trường chiến lược (DMC) đảm bảo thống nhất với báo cáo tổng hợp QHT Kon Tum
5	PGS.TS.KTS Trần Trọng Hanh	
	I. Thành phần hồ sơ quy hoạch.	
	Về hồ sơ quy hoạch:	
	<p>1. Tờ trình số 18/TTTr-SKHDT ngày 08/3/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum.</p> <p>2. Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>3. Dự thảo Quyết định v/v phê duyệt QHT Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	
	<p>4. Báo cáo số /BC-SKHDT ngày về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp về Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (Không có số Báo cáo, cần hoàn thiện đúng quy cách của một văn bản hành chính).</p>	
	<p>5. Bản sao ý kiến góp ý đối với QHT Kon Tum của các Bộ, Ngành, UBND các tỉnh có liên quan</p> <p>6. Hồ sơ bản vẽ thu nhỏ A3 về QHT</p> <p>7. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược</p>	
	Về các tài liệu khác có liên quan:	
	<p>Văn bản số 559/UBND-KHTH ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Kon Tum v/v trình thẩm định QHT Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Căn cứ Điều 31 Luật Quy hoạch, về cơ bản Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch đã bao gồm các thành phần theo quy định, ngoại trừ Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược cần có ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.</p>	
	II. Nhận xét chung.	
	<p>Hồ sơ QHT Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về cơ bản đã phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 15/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	
	<p>Quá trình lập QHT Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch.</p>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Trong nội dung quy hoạch tỉnh, đã xử lý tích hợp các quy hoạch cấp trên và các quy hoạch do các Bộ, cơ quan ngang Bộ; các Sở, Ngành và địa phương trong tỉnh.	
	Nội dung quy hoạch cơ bản phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, khoản 4 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường 2020.	
	Đề nghị bổ sung ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược QHT.	QHT đã bổ sung ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược
	III. Nhận xét cụ thể	
	3.1. Về bố cục và sắp xếp nội dung của Báo cáo quy hoạch phù hợp với quy định và Nhiệm vụ lập QH.	
	Bố cục chung: Báo cáo QH nên chia thành 03 phần: (i) Phần I: Mở đầu; (ii) Phần II: Nội dung QHT Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iii) Phần III: Tổ chức thực hiện và Phụ lục	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bố cục BCTH theo hướng dẫn
	Về sắp xếp bố cục và nội dung đối với từng phần:	
	Phần I. Mở đầu: nên sắp xếp lại như sau: (I) Sự cần thiết lập QHT; (II) Các căn cứ lập Quy hoạch, gồm: (2.1) Các văn bản quy phạm pháp luật và hành chính liên quan; (2.2) Các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực cùng thời kỳ quy hoạch; (2.3) Các Quy hoạch cấp cao hơn và Quy hoạch thời kỳ trước; (2.4) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật; (2.5) Nhiệm vụ lập quy hoạch; bản đồ số, bản đồ in; cơ sở dữ liệu và thông tin khoa học; (III) Các yêu cầu của Nhiệm vụ lập Quy hoạch; (3.1) Tên; phạm vi, ranh giới và thời kỳ lập Quy hoạch; (3.2) Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập Quy hoạch; (3.3) Các yêu cầu về nội dung chính của Quy hoạch; (3.4) Các yêu cầu về phương pháp tiếp cận và lập quy hoạch; (IV) Quy trình lập Quy hoạch.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bố cục BCTH theo hướng dẫn
	Phần II. Nội dung QHT Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Về bố cục nên sắp xếp lại và bổ sung thành 14 mục, đồng thời làm chính xác lại tên các mục như sau: (I) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện đặc thù của tỉnh Kon Tum; (II) Phân tích, đánh giá thực trạng hoặc hiện trạng phát triển tỉnh Kon Tum; (III) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển; (IV) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng; (V) Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội; (VI) Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và phát triển các khu chức năng; (VII) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật; (VIII) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội; (IX) Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và từng loại đất đến đơn vị hành chính cấp huyện; (X) Phương án quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện và vùng huyện; (XI) Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH (mục này cũng có thể tách ra thành 4 mục như trong Báo cáo nếu xét thấy cần thiết); (XII) Danh mục các dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện; (XIII) Giải pháp, nguồn lực thực hiện; (XIV) Xử lý tích hợp Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong nội dung Quy hoạch tỉnh.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bố cục BCTH theo hướng dẫn

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Về nội dung, căn cứ điều 27 Luật Quy hoạch và điều 28 Nghị định số 37/2019/ND-CP, đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại như sau:	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ cục BCTH theo hướng dẫn
	Đối với mục II: (i) Tiểu mục 2.1, làm chính xác lại là “Thực trạng phát triển kinh tế”, tiểu mục 2.2 là “Thực trạng phát triển xã hội (lưu ý Thực trạng khác với Hiện trạng). Gộp các tiểu mục 2.2, 2.3, 2.4 thành 01 tiểu mục về thực trạng phát triển xã hội; (ii) Tiểu mục 2.5, làm chính xác lại là: “Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng” và tách ra thành 03 nội dung, gồm: Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị; hiện trạng phát triển hệ thống nông thôn; hiện trạng phát triển các khu chức năng. (iii) Tiểu mục 2.7 làm chính xác lại là: “Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội”, và chia thành 02 khoản rõ ràng là: (2.7.1) Hiện trạng phát triển KCHT kỹ thuật; (2.7.2) Hiện trạng phát triển KCHT xã hội; (iv) Tiểu mục 2.8, làm chính xác lại là: “Hiện trạng bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH; (v) Tiểu mục 2.9, làm chính xác lại là “Đánh giá về việc thực hiện các chiến lược, chương trình, quy hoạch và các dự án liên quan trong thời kỳ quy hoạch trước; dự báo các tác động trong thời kỳ quy hoạch trên địa bàn”.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ cục BCTH theo hướng dẫn
	Đối với mục III: (i) Tiểu mục 3.2 gộp với tiểu mục 3.7, đồng thời làm rõ 3 loại kịch bản: Các kịch bản phát triển dân số, lao động và đô thị hóa; các kịch bản phát triển kinh tế; các kịch bản phát triển không gian lãnh thổ; (ii) Mục 3.6, làm chính xác lại là “Các đột phá phát triển”. (Lưu ý không nên lệ thuộc vào một số Quyết định phê duyệt QHT đã ban hành).	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ cục BCTH theo hướng dẫn
	Đối với mục IV: (i) Bổ sung tiểu mục “Các tiêu chí và luận cứ xác định các ngành, lĩnh vực quan trọng; (ii) Tiểu mục 4.2, là “Ngành công nghiệp; (iii) Tiểu mục 4.3, làm chính xác lại là “Ngành dịch vụ”. Lưu ý, gộp các tiểu mục 4.1, 4.2 và 4.3 thành một tiểu mục “Các ngành quan trọng”, đồng thời bổ sung và làm chính xác tiểu mục 4.4 thành “Các lĩnh vực xã hội và quốc phòng, an ninh”.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ cục BCTH theo hướng dẫn
	Đối với mục VI, làm chính xác lại là “Phương án Quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và phát triển các khu chức năng”, trong đó: (i) Tiểu mục 6.1, làm chính xác lại là “Phương án quy hoạch hệ thống đô thị” với 04 nội dung: (6.1.1) Quan điểm; (6.1.2) Mục tiêu; (6.1.3) Các định hướng phát triển hệ thống đô thị, gồm: Định hướng hình thành mạng lưới đô thị, phân loại và phân cấp quản lý đô thị; Định hướng phát triển không gian; Định hướng phát triển các đô thị trung tâm: Thành phố, thị xã, các thị trấn và đô thị mới. (6.1.4) Các giải pháp thực hiện, trong đó gộp các chương trình phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh vào. Tiểu mục (6.2) làm chính xác lại là: (6.2.1) “Phương án quy hoạch hệ thống nông thôn với 05 nội dung quan điểm, mục đích; (6.2.2) Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; (6.2.3) Định hướng quy hoạch hệ thống các điểm dân cư nông thôn; (6.2.4) Các giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ cục BCTH theo hướng dẫn
	Đối với mục IX, làm chính xác lại tên mục và các nội hàm theo Nghị định số 37/2019/ND-CP của Chính phủ.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ cục BCTH theo hướng dẫn
	Đối với mục X; làm chính xác lại tên mục và nên chia mục X thành 02 tiểu mục: (10.1) Quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện; (10.2) Quy hoạch xây dựng các vùng huyện.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ cục BCTH theo hướng dẫn

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Đối với mục XII, làm chính xác lại tên và nội hàm bao gồm 2 tiêu mục: (12.1) Các tiêu chí xác định các dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên đầu tư; (12.2) Danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên thực hiện.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ cục BCTH theo hướng dẫn
	Nhìn chung, về bố cục Báo cáo cơ bản là phù hợp, tuy nhiên, cần sắp xếp lại các mục và nội hàm từng mục đảm bảo đúng quy định và nhiệm vụ. Lưu ý bổ sung các nội dung còn thiếu, đặc biệt làm chính xác lại các tên mục, tiêu mục và thuật ngữ. Ngoài ra, cần bổ sung mục “Xử lý Báo cáo DMC trong nội dung QHT”. Những tồn tại thiếu sót này mang tính kỹ thuật biên tập và thực hiện theo các quy định của pháp luật.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa bổ cục BCTH theo hướng dẫn
	3.2. Về một số nội dung nghiên cứu.	
	Về phân tích đánh giá tiềm năng và lợi thế so sánh của tỉnh Kon Tum trong vùng Tây Nguyên và cả nước.: Trong Báo cáo QHT đã xác định được 04 tiềm năng và 03 lợi thế so sánh. Đề nghị bổ sung và làm rõ hơn lợi thế về khai thác, phát huy tiềm năng du lịch và lợi thế về vị trí chiến lược trên ngã ba Đông Dương.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Về xác định vị thế, vai trò của tỉnh Kon Tum:	
	Căn cứ Quy hoạch tổng thể quốc gia, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 và Niên giám thống kê năm 2020, 2021, cần bổ sung và làm rõ hơn vị thế (Position) của tỉnh Kon Tum, về mặt vị trí, địa vị các mặt kinh tế, xã hội, dân số, đô thị hóa, môi trường; an ninh, quốc phòng... có ảnh hưởng đến những mối quan hệ trong vùng Tây Nguyên, cả nước và quốc tế, đặc biệt các nước trong khu vực.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Bổ sung và làm rõ về vai trò của tỉnh Kon Tum đối với vùng Tây Nguyên và cả nước về: (i) Quốc phòng, an ninh; (ii) Phát triển kinh tế, đặc biệt là cây công nghiệp cho xuất khẩu; lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn và tài nguyên nước, vai trò phát triển dịch vụ - du lịch; (iii) Vai trò phân bố dân cư và phát triển đô thị, nông thôn; (iv) Vai trò trong liên kết, phát triển vùng gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng điện rộng; (v) Vai trò bảo vệ môi trường; (vi) Vai trò về quản lý hoàn thiện thể chế và chính sách phát triển vùng Tây Nguyên.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Về xác định các điểm nghẽn: Trong Báo cáo đã nêu được 07 điểm nghẽn cần tháo gỡ, tuy nhiên còn tản mạn, rời rạc, thiếu hệ thống. Cần xác định và làm chính xác các điểm nghẽn theo các nhóm vấn đề về mặt: (i) Bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH; (ii) Phát triển kinh tế nhanh và bền vững. (iii) Phát triển văn hóa – xã hội và nguồn nhân lực, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân; (iv) Phân bố dân cư, QHXD hệ thống đô thị, nông thôn; (v) Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và du lịch đặc sắc; (vi) Thể chế, chính sách liên kết vùng; (vii) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Về quan điểm phát triển: Nền hệ thống hóa thành: Các quan điểm phát triển chung nhanh và bền vững; quan điểm phát triển kinh tế; quan điểm phát triển văn hóa – xã hội; quan điểm phát triển không gian, quan điểm về tổ chức lãnh thổ và kết cấu hạ tầng; quan điểm liên kết vùng; quan điểm về đảm bảo an ninh, quốc phòng phù hợp với Nghị quyết số 23-NQ/TW và điều kiện thực tế của tỉnh Kon Tum.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Về mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển: Cơ bản thống nhất với Báo cáo quy hoạch theo phương án chọn. Tuy nhiên, cần làm rõ khái niệm thế nào là một trong những tỉnh trung bình khá của cả nước?	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Đề nghị bổ sung kịch bản về phát triển dân số, lao động, đô thị hóa và tổ chức không gian lãnh thổ.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	Về nội dung các phương án phát triển:	
	Sắp xếp lại bố cục, nội dung các phương án theo các nhận xét cụ thể tại mục 3.1 ở trên.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Về phương án tổ chức không gian: (i) Thống nhất với phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; (ii) Bổ sung các định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị và định hướng phát triển các đô thị, giữ vai trò là trung tâm cấp tỉnh như thành phố Kon Tum, thị xã Ngọc Hồi, đô thị mới và thị trấn huyện lỵ. (iii) Bổ sung và làm chính xác các nội dung của Quy hoạch nông thôn. Ngoài ra, cần thận trọng khi sử dụng từ ngữ “3 vùng đô thị”, không phù hợp với khái niệm về vùng đô thị.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng, tập trung xác định: Nhu cầu; Nguồn và khả năng cân đối; các công trình đầu mối và mạng lưới phát triển và trình bày ngắn gọn, thống nhất đối với từng loại kết cấu hạ tầng.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	3.3. Về dự thảo Quyết định phê duyệt.	
	Về cơ bản, đã bám sát quy định tại Điều 37 – Luật Quy hoạch. Tuy nhiên, cần bổ sung, sắp xếp lại nội dung và làm chính xác lại các từ ngữ, thuật ngữ.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	Nội dung Điều 1, gồm: (I) Phạm vi, ranh giới quy hoạch; (II) Quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn và các đột phá phát triển; (III) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng; (IV) Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội; (V) Phương án Quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng; (VI) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật; (VII) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội; (VIII) Phương án phân bố, khoanh vùng đất đai; (IX) Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện; (X) Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản; phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH; (XI) Danh mục các dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện; (XII) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch; (XIII) Các bản đồ quy hoạch và cơ sở dữ liệu.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo QĐPD
	Lưu ý tổng số bản đồ quy hoạch là 86, quá nhiều? Nghiên cứu sắp xếp lại số lượng bản đồ quy hoạch khoảng 25 – 30 và nâng cao chất lượng thể hiện	QHT đã tiếp thu chỉnh sửa hệ thống bản đồ
	IV. Kết luận, kiến nghị	
	4.1. Kết luận	
	Thành phần hồ sơ trình thẩm định cơ bản đã phù hợp với quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch.	
	Hồ sơ QHT Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đáp ứng về cơ bản các yêu cầu về nội dung thẩm định quy định tại Điều 32 Luật Quy hoạch.	
	Cần nghiên cứu, sắp xếp lại bố cục, nội dung Báo cáo quy hoạch đảm bảo đúng yêu cầu tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 15/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa BCTH đảm bảo đúng yêu cầu tại quyết định số 510/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; điều 27 Luật Quy hoạch và điều 27 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP
	Số lượng 86 bản đồ là quá nhiều, nên thể hiện tích hợp lại khoảng 25 – 30 bản đồ quy hoạch là hợp lý. Ngoài việc sử dụng bản đồ in, bản đồ số trên nền thông tin địa lý; nền bản đồ quy hoạch, đặc biệt là Bản đồ tổ chức không gian và phân vùng chức năng nên thể hiện trên nền bản đồ QHSDD, trên cơ sở đó thể hiện	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa hệ thống bản đồ

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung Tiếp thu, giải trình
	nội dung QH chuyên ngành bằng hệ thống ký hiệu phù hợp với các quy định hiện hành.	
	Dự thảo quyết định đã tiếp cận phù hợp với Quy định tại Điều 37 Luật Quy hoạch, tuy nhiên nội dung các điều khoản còn dài, chưa chặt chẽ. Bổ sung và sắp xếp Điều 1 thành 13 nội dung như đã góp ý.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa
6.	TS. Lê Thị Minh Phương	
	Báo cáo tổng hợp:	
	- Cần bổ sung các căn cứ pháp lý liên quan đến việc thành lập cơ sở dữ liệu và thành lập bản đồ trong công tác quy hoạch tỉnh	QHT đã bổ sung tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch
	- Cần nêu quá trình thành lập cơ sở dữ liệu và thành lập bản đồ	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Bổ sung phần viết các yếu tố cơ bản của bộ cơ sở dữ liệu như: hệ tọa độ, múi chiếu, cơ sở dữ liệu nền địa lý	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Cần bổ sung phương pháp lập quy hoạch.	QHT đã bổ sung phương pháp lập quy hoạch tại mục 3.4. Các yêu cầu về phương pháp tiếp cận và lập quy hoạch
	Một số ý kiến góp ý để hệ thống bản đồ được hoàn thiện hơn:	
	- Với quy mô và diện tích như trên cùng với hình dáng và kích thước của Tỉnh, cơ quan chủ đầu tư cụ thể là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum đã lựa chọn tỉ lệ 1: 100.000 cũng chưa được phù hợp với quy mô diện tích Tỉnh Kon Tum.	QHT xin tiếp thu ý kiến tham gia
	- Với nội dung thể hiện của bộ bản đồ hiện trạng và phương án tồn tại các vấn đề giống nhau ở các ý sau: + Cần rà soát sự phù hợp giữa bộ chú giải với các ký hiệu trên nội dung tờ bản đồ. + Nhóm ký hiệu cần thiết kể sao cho phù hợp với tính chất của đối tượng. + Các ký hiệu của đối tượng chính cần làm nổi hơn các đối tượng còn lại và cần làm cho kích thước to hơn các đối tượng còn lại. + Nên thay đổi ký hiệu của đô thị loại từ 1-5, cần thể hiện rõ hơn.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa hệ thống bản đồ
	Bộ cơ sở dữ liệu cũng nên rà soát lại các vấn đề sau:	
	- Sai định dạng ví dụ như Dữ liệu kinh tế xã hội thiếu, sai định dạng (để ở dạng bảng dbf, không phải dạng feature class).	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa hệ thống bản đồ
	- Đặt tên sai, thiếu lớp dữ liệu, nhiều lớp dữ liệu bị chia nhỏ theo đơn vị hành chính. Các trường thông tin: đặt sai tên, cần kiểm tra rà soát số lượng trường theo quy định.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa hệ thống bản đồ
	- Rà soát và chỉnh sửa các lỗi Topology trong dữ liệu dạng vùng và dữ liệu dạng đường ví dụ Dữ liệu dạng đường trùng lớp hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ nhiều vị trí đường giao thông quy hoạch chưa khớp vào đường giao thông hiện trạng (bị thò thụt), cần kiểm tra lại xem đường quy hoạch ở đó có bắt vào đường hiện trạng hay không.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa hệ thống bản đồ
	- Kiểm tra lỗi hình học (geometry): không còn nhiều tuy nhiên cũng nên rà soát cho hoàn thiện.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa hệ thống bản đồ
	- Kiểm tra lại dữ liệu nền địa lý trong việc khớp nối dữ liệu (Dữ liệu sông suối chưa khớp hoàn toàn với dữ liệu ranh giới hành chính cấp xã.	QHT đã tiếp thu, chỉnh sửa hệ thống bản đồ